



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10844/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

V/v thẩm định dự thảo Nghị định
của Chính phủ quy định tiêu chuẩn,
định mức sử dụng xe ô tô.

HOÀ-TỐC

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ; trên cơ sở báo cáo, đánh giá, đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025) của Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025), gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Công văn số 8287/BTC-QLCS ngày 17/6/2026); đồng thời, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công để lấy ý kiến rộng rãi. Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Bộ Tài chính gửi Bộ Tư pháp hồ sơ dự thảo Nghị định; đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định theo thời hạn quy định và gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

Hồ sơ kèm theo gồm: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Nghị định của Chính phủ; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (4) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, QLCS.

(04) jld-

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Tạ Anh Tuấn



Số: /TT-BTC

DỰ THẢO
gửi XYK thẩm định
(ngày 22/7/2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ
quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, căn cứ Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 và Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ) (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (trong đó có nguồn lực về tài sản công); trong đó có nhiệm vụ: *Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của đất nước.*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; trong đó có trọng tâm: *Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.*

- Tại điểm 2 Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, yêu cầu: *Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng lấy tiết kiệm là mục tiêu, chống lãng phí là nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi; tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý; chú trọng các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực như đấu thầu, đấu giá, quản lý,*



sử dụng đất đai, tài nguyên, tín dụng, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Đồng thời, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, chế độ chi tiêu công làm căn cứ để giảm hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, tài nguyên, lao động, thời gian lao động, nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; trong đó có nhiệm vụ: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn.*

- Tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí nêu một số quy định như *tiêu chuẩn, định mức là căn cứ để xác định tiết kiệm, lãng phí; hành vi không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc cố ý ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí trái quy định, gây lãng phí.*

- Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đánh giá một số quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức còn bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển và giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung định mức sử dụng tài sản công.

- Tại điểm a Mục 3 Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công: *Giao Bộ Tài chính bám sát việc ban hành hệ thống chức danh, chức vụ của cơ quan, người có thẩm quyền để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công cho phù hợp.*

- Ngày 08/9/2025, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 368-QĐ/TW về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (thay thế Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị); ngày 11/5/2026, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 31-KL/TW về việc điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ và Danh mục chức danh lãnh đạo các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới; theo đó, quy định về phạm vi, đối tượng, mục đích, yêu cầu, quan điểm, nguyên tắc và Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị. Tại các nhóm chức danh, chức vụ có bổ sung, điều chỉnh, sắp xếp lại so với Kết luận số 35-KL/TW. Ngoài ra, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành một số quy định về việc điều chỉnh hệ số phụ cấp chức vụ như: Tại Quyết định số 09-QĐ/TW ngày 02/3/2026 của Ban Bí thư quy định phụ cấp chức vụ lãnh đạo đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu; tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế

độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 122/2026/UBTVQH15 ngày 02/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đã được sửa đổi, bổ sung tại một số điều theo Nghị quyết số 823/2009/UBTVQH12, Nghị quyết số 888/2010/UBTVQH12, Nghị quyết số 973/2015/UBTVQH13, Nghị quyết số 1212/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 66/2025/UBTVQH15,...

- Tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

- Tại STT 52 Mục VI Phụ lục I kèm theo Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao *Bộ Tài chính chủ trì thực hiện Đề án Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025); thời hạn trình Lãnh đạo Chính phủ: Tháng 8/2026.*

Dự thảo Nghị định đã phù hợp, thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng nêu trên.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, để có cơ sở trang bị, sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công, trong đó có xe ô tô khi sắp xếp, tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính theo chủ trương của Đảng, Nhà nước¹, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 72), được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 (sau đây gọi là Nghị định số 153) với các nội dung chủ yếu như sau:

2.1.1. Đối tượng áp dụng (Điều 2 Nghị định số 72): Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị); doanh nghiệp nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị, tổ chức nào thì được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng; nguồn kinh phí để mua xe ô tô của các tổ chức này do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.

2.1.2. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô: Gồm: (1) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; (2) Xe ô tô phục vụ công tác chung; (3) Xe ô tô chuyên dùng; (4) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước. Trong đó:

¹ Theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư,...

2.1.2.1. Đối với xe ô tô phục vụ chức danh (quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Nghị định số 72, được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153):

(i) Quy định tiêu chuẩn, định mức (TCĐM) sử dụng xe chức danh của các chức danh, chức vụ từ cấp Tổng cục trưởng và tương đương trở lên trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở (sau đây gọi là Kết luận số 35) với 07 nhóm TCĐM khác nhau; cụ thể: Nhóm 1 (được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá)², Nhóm 2 (được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá)³; 03 nhóm chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá (lần lượt là 1.600, 1.550, 1.500 triệu đồng/xe) và 02 nhóm chức danh còn lại được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá (lần lượt là 1.400, 1.250 triệu đồng/xe).

(ii) TCĐM sử dụng xe chức danh đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập⁴;

(iii) Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (Chủ tịch hội của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương) được xem xét hỗ trợ sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật, mức giá tối đa 1.400 triệu đồng/xe.

2.1.2.2. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung (quy định tại khoản 6 Điều 8, các Điều 9, 11 và 11a Nghị định số 72, được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 3, 4, 5, 6 Điều 1, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 153):

a) Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe

(i) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Ở trung ương: Quy định định mức của: Cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc Bộ, cơ quan trung ương; các đơn vị ngành dọc của Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ở địa phương: Quy định định mức của: Các Văn phòng cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị thuộc thành ủy, tỉnh ủy; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban MTTQVN cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh); đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành ủy, tỉnh ủy, UBND cấp tỉnh; cấp xã.

Trong đó, tiêu chí chính để xác định định mức xe là số lượng biên chế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; kết hợp với một số tiêu chí như: diện tích tự nhiên của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa phương tự cân đối được ngân sách nhà nước;...

² Nhóm 1 bao gồm các chức danh: Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội.

³ Nhóm 2 bao gồm các chức danh: Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

⁴ Tại Nghị định số 72 quy định tiêu chuẩn, định mức như Tổng cục trưởng và tương đương.

Cho phép phân bổ (điều hòa) lại số lượng xe phục vụ công tác chung: Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án xác định theo định mức quy định tại Nghị định, cơ quan, người có thẩm quyền⁵ quyết định phân bổ (điều hòa) lại số lượng xe phục vụ công tác chung giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phù hợp với yêu cầu sử dụng thực tế của từng đơn vị nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị này không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định.

(ii) Đối với doanh nghiệp nhà nước: Tập đoàn kinh tế: Tối đa 02 xe/01 tập đoàn; doanh nghiệp nhà nước còn lại: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

(iii) Đối với ban quản lý dự án:

- Xe ô tô phục vụ công tác chung: Áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước).

- Xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án: Quy định việc trang bị để phục vụ hoạt động của từng dự án cụ thể trong thời gian thực hiện dự án. Giá mua áp dụng theo giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trừ trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại đã ký kết có quy định khác.

(iv) Đối với các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, Hội được xem xét, hỗ trợ xe trong trường hợp chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô chức danh của Chủ tịch) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định mà hội thuộc trường hợp được Nhà nước hỗ trợ (bằng kinh phí hoặc hiện vật) theo quy định của pháp luật.

b) Về giá xe:

- Giá xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. Đồng thời, quy định mỗi bộ, cơ quan trung ương, địa phương được trang bị xe ô tô công suất lớn trong số lượng xe của phục vụ công tác chung: 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe.

- Đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, bộ, ngành, địa phương có các chức danh lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước⁶ thì được trang bị xe với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. Số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), Ban Thường

⁵ Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực UB TWMTTQVN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh, Cục trưởng loại 1 và tương đương.

⁶ Bao gồm:

- Lãnh đạo chủ chốt: Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội.
- Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước: Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với các trường hợp còn lại).

2.1.2.3. Đối với xe ô tô chuyên dùng (quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 72, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1, điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153):

a) Về danh mục xe ô tô chuyên dùng; gồm: xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; xe ô tô có kết cấu đặc biệt; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật; xe ô tô tải; xe ô tô trên 16 chỗ ngồi. Trong đó, Bộ Y tế có trách nhiệm ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về việc xác định TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương quyết định cụ thể.

b) Về tiêu chuẩn, định mức:

(i) Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế: Căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, cơ quan, người có thẩm quyền⁷ quyết định TCDM xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

(ii) Đối với xe ô tô chuyên dùng còn lại: Cơ quan, người có thẩm quyền⁸ quyết định TCDM xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Về giá xe: Giá mua xe ô tô chuyên dùng trong TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền tại điểm (i) và (ii) nêu trên và được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng.

2.1.3. Quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô (khoản 2 Điều 7, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 72, được sửa đổi, bổ sung tại các điểm k khoản 2, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 153)

a) Đối với xe ô tô chức danh: Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe đối với các chức danh tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72 (như: Thứ trưởng, tương đương Tổng cục trưởng,...), việc khoán kinh phí sử dụng xe đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả giữa việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác với việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Trường hợp tất cả các chức danh của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tập đoàn kinh tế áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho toàn bộ công đoạn thì không trang bị xe ô tô phục vụ các chức danh đó.

b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung:

- Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô.

- Thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô trong trường hợp: (i) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác, không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử

⁷ Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực UB TWMTTQVN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh, Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

⁸ Thẩm quyền như trên.

dụng xe ô tô; (ii) Không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

c) *Đối với xe chuyên dùng*: Thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô trong trường hợp xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác hoặc không thực hiện trang bị xe ô tô.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153)

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 72 với những điều chỉnh quan trọng về hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chức danh trên cơ sở Kết luận số 35-KL/TW, điều chỉnh cách tính tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, điều chỉnh danh mục xe ô tô chuyên dùng, cho phép trang bị xe ô tô công suất lớn phục vụ nhiệm vụ đặc thù và điều chỉnh giá mua xe ô tô phù hợp với giá thực tế trên thị trường và yêu cầu phục vụ nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã góp phần đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội. Tiếp đó, để đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình 02 cấp, Nghị định số 153 đã điều chỉnh một số nội dung liên quan đến việc xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các tỉnh, thành phố; bổ sung định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã; xử lý chuyển tiếp đối với trường hợp được sử dụng xe ô tô chức danh khi thay đổi mô hình tổ chức. Về cơ bản, các quy định tại Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153) đã đáp ứng yêu cầu đảm bảo cơ sở vật chất cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội, đặc biệt trong giai đoạn đầu mô hình tổ chức bộ máy mới sau khi sắp xếp, tinh gọn đi vào vận hành, việc điều chỉnh về tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định số 153 đã góp phần đảm bảo không gián đoạn việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhất là cấp xã.

Tuy nhiên, sau một thời gian mô hình tổ chức bộ máy mới đi vào hoạt động, Đảng, Nhà nước có sự điều chỉnh về danh mục chức danh, chức vụ trong hệ thống chính trị; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và thực tiễn trong tình hình mới đã phát sinh một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung như sau:

- Các chức danh, chức vụ quy định tại Nghị định số 72 được căn cứ theo Kết luận số 35; nay tại Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31) đã có sự điều chỉnh về hệ thống chức danh, chức vụ; đặc biệt là các chức danh cấp “Tổng cục trưởng và tương đương” theo Kết luận số 35 đã có sự thay đổi⁹ nên đòi hỏi phải có sự điều chỉnh về tiêu chuẩn, định mức để đảm bảo nguyên tắc các chức danh cùng bậc, cùng nhóm trong hệ thống chính trị theo Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31) thì có TCĐM như nhau.

- Sau khi các bộ, ngành, địa phương thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì lĩnh vực, địa bàn quản lý đã có sự thay đổi theo hướng mở rộng, cùng với thực hiện

⁹ Không còn chức danh Tổng cục trưởng, cơ bản chức danh cấp “Tổng cục trưởng và tương đương” được xếp bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368, một số chức danh cao xếp Nhóm cao hơn (Nhóm III Quy định số 368, cùng bậc với Thứ trưởng), một số chức danh được xếp vào bậc thấp hơn bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368 (bậc 2, bậc 3 cùng bậc với Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Vụ trưởng).

chủ trương phân cấp mạnh thì các bộ, ngành chuyển sang tập trung vào công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát; do đó, yêu cầu cao hơn số lượng xe phục vụ công tác chung.

- Cần có cơ chế khuyến khích trang bị xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường để thực hiện chủ trương bảo vệ môi trường, đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Cần bổ sung, làm rõ thẩm quyền của một số cơ quan, đơn vị phù hợp với mô hình sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy hiện nay¹⁰ và điều chỉnh một số thẩm quyền để nâng cao tính chủ động và chịu trách nhiệm khi quyết định các vấn đề về tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý¹¹.

Từ cơ sở nêu trên, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô để thay thế cho Nghị định số 72, Nghị định số 153 là cần thiết, có cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô để làm cơ sở thực hiện trang bị, mua sắm, bố trí, sắp xếp, xử lý xe ô tô phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy, danh mục chức danh, chức vụ sau khi sắp xếp, tinh gọn; góp phần đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, quán triệt các quan điểm, đường lối, chủ trương, quy định của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực (trong đó có nguồn lực tài sản công của nền kinh tế); sắp xếp, tinh gọn bộ máy các hệ thống chính trị; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Thứ hai, đồng bộ, thống nhất với Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW ngày 11/5/2026); hoàn thiện quy định TCĐM xe ô tô phù hợp với vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo theo quy định hiện hành.

Thứ ba, nhất quán quan điểm xe ô tô cùng với các tài sản khác (trụ sở làm việc, máy móc thiết bị,...) là cơ sở vật chất, điều kiện cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội; sự phù hợp của tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, đảm bảo linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với xe ô tô của các doanh nghiệp nhà nước đáp ứng yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao

¹⁰ Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

¹¹ Điều chỉnh thẩm quyền của UBND cấp tỉnh sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản lý, sử dụng, xử lý xe ô tô của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Thứ năm, kế thừa các quy định tại Nghị định số 72, Nghị định số 153 vẫn còn phù hợp; sửa đổi, bổ sung một số nội dung để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật (Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) và yêu cầu phát sinh trong thực tiễn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Bộ Tài chính đã có văn bản¹² gửi các Bộ, ngành, địa phương, các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, tập đoàn kinh tế về việc đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 72, Nghị định số 153; các văn bản¹³ gửi Ban Tổ chức Trung ương, gửi Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội xin ý kiến về hệ số lương chức vụ, hệ số phụ cấp chức vụ của một số chức danh, chức vụ.

2. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương, ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội về hệ số lương chức vụ, hệ số phụ cấp chức vụ của một số chức danh, chức vụ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan, gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đối tượng chịu sự tác động, đồng thời, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công¹⁴ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định và các hồ sơ khác có liên quan.

3. Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, ý kiến góp ý của công dân¹⁵ (đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính); hoàn thiện hồ sơ dự thảo gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Công văn số/BTC-QLCS ngày .../7/2026.

4. Ngày/.../2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo số...../BCTĐ-BTP đối với dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và chỉnh lý dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về TCĐM sử dụng xe ô tô và một số nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, gồm: Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô chuyên dùng; xe

¹² Công văn số 1819/BTC-QLCS ngày 12/02/2026.

¹³ Công văn số 1820/BTC-QLCS và số 1821/BTC-QLCS ngày 12/02/2026.

¹⁴ Công văn số 8287/BTC-QLCS ngày 17/6/2026, Công văn số 8288/BTC-QLCS ngày 17/6/2026.

¹⁵ Đến ngày 17/7/2026, Bộ Tài chính nhận được ý kiến của 110 đơn vị (gồm: 28 Bộ, CQTW, 34 địa phương, 24 Tập đoàn, Tổng công ty, 23 Hội và 01 ý kiến của công dân qua Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ tại Công văn số 332/TTĐT-BĐTCP ngày 30/6/2026).

ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

- Nghị định này không điều chỉnh đối với: (i) Xe ô tô của Văn phòng Trung ương Đảng phục vụ công tác của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ các chuyến công tác của các lãnh đạo Đảng tại các địa phương, phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc với lãnh đạo Đảng; (ii) TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội (trừ các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này); (iii) TCDM sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; (iv) Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại (ngoài TCDM xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước theo quy định) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao; (v) Xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp.

- Đối với xe ô tô của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không thực hiện theo quy định tại Nghị định này; theo đó:

+ Các chức danh (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chức danh để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác với mức giá do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định.

+ Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật có liên quan.

b) Đối tượng áp dụng: gồm: (i) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị); (ii) Cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; (iii) Tổ chức, cá nhân khác.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 09 Chương, 35 Điều; trong đó:

Chương I. Quy định chung (03 Điều, từ Điều 1 đến Điều 3).

Chương II. Quy định TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh (04 Điều, từ Điều 4 đến Điều 7).

Chương III. Quy định TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (17 Điều, từ Điều 8 đến Điều 24); cụ thể:

- Điều 8 quy định phạm vi, đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung.

- Từ Điều 9 đến Điều 16 quy định TCDM sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức.

- Điều 17 quy định TCDM sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Điều 18 quy định TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án.

- Điều 19 quy định mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung.

- Từ Điều 20 đến Điều 23 quy định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe phục vụ công tác chung.

- Điều 24 quy định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung.

Chương IV. Quy định TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng (02 Điều: Điều 25, Điều 26).

Chương V. Quy định TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (02 Điều: Điều 27, Điều 28).

Chương VI. Quy định xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (Điều 29)

Chương VII. Quy định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô và thuê dịch vụ xe ô tô (02 Điều: Điều 30, Điều 31).

Chương VIII. Quy định sắp xếp, xử lý xe ô tô (02 Điều: Điều 32, Điều 33).

Chương IX. Quy định về điều khoản thi hành (02 Điều: Điều 34, Điều 35).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

3.1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo): Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 72; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

(i) Đối với nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng phục vụ công tác của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ các chuyến công tác của các lãnh đạo Đảng tại các địa phương, phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc với lãnh đạo Đảng thì Văn phòng Trung ương Đảng được trang bị xe theo yêu cầu công tác. Số lượng, chủng loại và mức giá do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư.

(Lý do: Văn phòng Trung ương Đảng dự kiến sẽ trang bị một số xe ô tô có số chỗ ngồi lớn, chất lượng tốt để bố trí sử dụng chung khi đi công tác, phục vụ công tác đối ngoại (thay cho việc phải sử dụng nhiều xe cùng một lúc)).

(ii) Tiêu chuẩn, định mức và nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội (trừ các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này) theo Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị của cơ quan, người có thẩm quyền quy định và được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(Lý do:

- Tiếp thu ý kiến của Văn phòng Quốc hội¹⁶: Ủy viên là ĐBQH hoạt động chuyên trách tại Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là đối tượng có vị trí pháp lý đặc thù thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khảo sát, giám sát, thẩm tra, tiếp xúc cử tri, tiếp xúc công dân làm việc với các địa phương trên phạm vi cả nước. Do đó, đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng chế độ sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách theo thẩm quyền quy định của Luật Tổ chức Quốc hội về chế độ, điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội. Trường hợp chưa quy định tiêu chuẩn xe chức danh đối với các chức danh Ủy viên là ĐBQH hoạt động chuyên trách thì bổ sung cơ chế đặc thù đối với Văn phòng Quốc hội, cho phép xác định bổ sung định mức xe ô tô phục vụ công tác chung.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Luật số 65/2020/QH14) thì Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm khác đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách¹⁷.)

(iii) Xe ô tô của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo hướng không thực hiện theo quy định tại Nghị định này; việc mua sắm, bố trí, quản lý, sử dụng, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật có liên quan.

(Lý do:

- Để đảm bảo linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tiếp thu ý kiến của một số Tập đoàn, Tổng công ty¹⁸.

¹⁶ Công văn số 1810/VPQH-KHTC ngày 03/7/2026.

¹⁷

- Tại khoản 1 Điều 42 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định:

“Điều 42. Điều kiện bảo đảm cho đại biểu Quốc hội

...2. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, trang bị các phương tiện vật chất, kỹ thuật cần thiết phục vụ cho hoạt động của đại biểu.”.

- Tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Luật 65/2020/QH14) quy định:

“1. Quy định việc thực hiện công tác quản lý cán bộ đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm khác đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.”.

¹⁸ TCTy Thuốc lá VN (tại Công văn số 111/TLVN-VP ngày 26/02/2026, 16/TLVN-VP ngày 04/3/2026): Không đưa số lượng xe phục vụ chung của doanh nghiệp trong Nghị định

Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (tại Công văn số 1165/TKV-KH ngày 02/3/2026): Đề nghị nghiên cứu chuyển phương thức quản lý từ không chế số lượng xe cố định sang cơ chế giao quyền chủ động cho doanh nghiệp quyết định số lượng xe trên cơ sở tổng nhu cầu sử dụng phục vụ điều hành sản xuất - kinh doanh

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (tại Công văn số 74/TĐDMVN-VP ngày 02/3/2026): Cho phép áp dụng định mức linh hoạt đối với doanh nghiệp có mạng lưới sản xuất trên phạm vi toàn quốc.

- Các tổ chức tín dụng (ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam), tổ chức tài chính (Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam) thực hiện trích khấu hao tài sản cố định hoặc được hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do đó, quy định như dự thảo để nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức này).

3.1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2 dự thảo): Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 72; đồng thời:

- Bổ sung quy định cụ thể về cơ quan, người có thẩm quyền về TCĐM sử dụng xe ô tô¹⁹ để xác định thẩm quyền, trách nhiệm trong việc quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với: giá mua xe ô tô, khoán kinh phí, phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô, quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng,... (**Lý do:** Để xác định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm phù hợp với từng loại hình các cơ quan, tổ chức, đơn vị).

- Bổ đối tượng “Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước)”. (**Lý do:** Để thống nhất với phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 5 Điều 1 dự thảo).

3.1.3. Về nguyên tắc áp dụng TCĐM (Điều 3 dự thảo): Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 72, Nghị định số 153; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Sửa đổi quy định về xác định chức danh, chức vụ tương đương để áp dụng TCĐM xe chức danh, xe phục vụ công tác chung (khoản 2 Điều 3 dự thảo); cụ thể: “Đối với các chức danh, chức vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa có quy định cụ thể tại các Điều 4, 5, 6, 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này và tại Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Quy định số 368-QĐ/TW), được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW ngày 11/5/2026 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ và Danh mục chức danh lãnh đạo các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới (sau đây gọi là Kết luận số 31-KL/TW) thì căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này hoặc tương đương bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung tương ứng.”.

¹⁹ Gồm: Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

(**Lý do:** Để đảm bảo bao quát các trường hợp có thể phát sinh trong thực tế).

- Bổ sung tiêu chí “biên chế tạm giao” theo quy định của pháp luật cũng là căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức (*khoản 3 Điều 3 dự thảo*). (**Lý do:** Phù hợp với thực tế phê duyệt biên chế hiện nay).

- Bổ sung trường hợp trang bị xe ô tô thân thiện môi trường hoặc xe ô tô sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, năng lượng thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là xe ô tô thân thiện môi trường) thì mức giá không quá ($\leq$) 120% mức giá của xe ô tô cùng chủng loại, số chỗ ngồi quy định tại Nghị định này. (**Lý do:** Khuyến khích trang bị xe điện, xe hybrid điện, xe sử dụng nhiên liệu khác thân thiện môi trường để thực hiện chủ trương bảo vệ môi trường, đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và theo đề xuất của Văn phòng Trung ương Đảng, Thành phố Hồ Chí Minh²⁰).

- Bổ sung 01 khoản (*khoản 6 Điều 3 dự thảo*) về nguyên tắc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô như sau:

(i) Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: Trường hợp thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh thì áp dụng đối với tất cả các công đoạn (không thực hiện khoán riêng từng công đoạn: đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, đi công tác) của từng chức danh và không thực hiện trang bị xe ô tô. Trường hợp đã trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh thì không thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

(ii) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô theo quy định nhưng không thực hiện trang bị hoặc đã trang bị nhưng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức thì được thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô. Các đối tượng được sử dụng xe ô tô theo quy định đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không được sử dụng xe của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được trang bị xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức thì không thực hiện khoán xe, nếu phát sinh đồng thời nhu cầu sử dụng xe ô tô ở cùng một thời điểm mà số xe ô tô đã trang bị không đáp ứng được thì thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô.

(**Lý do:** Để thống nhất trong thực hiện, tránh lợi dụng việc khoán nhưng vẫn sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

- Sửa đổi quy định xác định “xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn” (**Lý do:** Để phù hợp với quy định về các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn hiện hành và thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện).

²⁰ VPTWĐ (tại Công văn số 923/CV/VPTW ngày 12/3/2026): *Bổ sung chính sách khuyến khích, ưu tiên mua sắm xe ô tô trong nước hoặc mua xe thân thiện với môi trường.*

TP Hồ Chí Minh (tại Công văn số 4778/STC-QLCS ngày 27/02/2026): *Hiện nay đang có chủ trương chuyển sang xe điện. Qua khảo sát giá thành mua ban đầu của xe điện thường cao hơn xe xăng cùng phân khúc, chủ yếu do chi phí sản xuất pin đắt đỏ (chiếm 30-50% giá trị xe) nên với mức giá xe ô tô PVCTC theo quy định hiện nay 950 triệu đồng/xe (đồng thời đơn vị còn thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên) nên với mức giá theo quy định hiện hành thì các đơn vị gặp khó khăn trong việc tổ chức mua sắm trang bị đối với dòng xe ô tô điện. Do đó, kiến nghị cân nhắc điều chỉnh mức giá xe ô tô phù hợp đảm bảo các đơn vị có thể trang bị được xe điện trong thời gian tới.*

- Bỏ quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153²¹) và sửa đổi quy định TCDM xe phục vụ công tác chung cho các đơn vị thuộc đối tượng đang áp dụng quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 72 theo nguyên tắc: (i) Xếp vào các nhóm tương đương có cùng tính chất hoặc cùng một khối để xác định TCDM. (ii) Có cơ chế riêng để xác định số lượng xe phục vụ công tác chung để phục vụ công tác đặc thù của các đơn vị này, bảo đảm số xe quy định tại Nghị định không vượt quá số lượng xe ô tô đã trang bị theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3.1.4. Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác các chức danh (các Điều 4, 5, 6 và 7 dự thảo Nghị định)

Nghị định số 72 đang quy định 07 nhóm TCDM sử dụng xe chức danh tương ứng với 07 nhóm chức danh, chức vụ từ Tổng cục trưởng trở lên (chức danh, chức vụ căn cứ theo quy định tại Kết luận số 35). Nay, chức danh, chức vụ lãnh đạo trong hệ thống chính trị được quy định tại Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31); trong đó:

3.1.4.1. Đối với các chức danh từ Thứ trưởng và tương đương trở lên (quy định tại các Điều 4, 5, 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72), nay quy định tại các Điều 4, 5, 6 và khoản 1 Điều 7 dự thảo: Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 72, chỉ sắp xếp lại, điều chỉnh cục bộ chức danh trong từng nhóm TCDM cho phù hợp, bảo đảm nguyên tắc chức danh, chức vụ thuộc cùng nhóm, bậc theo quy định của Đảng thì có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh như nhau; cụ thể như sau:

- Điều 4: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá; gồm: (i) Tổng Bí thư; (ii) Chủ tịch nước; (iii) Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội; (iv) Thường trực Ban Bí thư.

- Điều 5: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá; gồm: Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Điều 6: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá; gồm: các chức danh tại bậc 1, bậc 2 Nhóm

²¹ “7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, cơ quan thi hành án dân sự, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số xe ô tô phục vụ công tác chung cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP) thì số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định bằng số xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.”.

II Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW).

- Khoản 1 Điều 7: Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá; gồm: Các chức danh tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW).

(Lý do: Qua rà soát, các chức danh từ Thứ trưởng và tương đương trở lên được quy định cụ thể tại Nhóm I, II, III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31); do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ tiếp tục duy trì TCDM xe chức danh từ Thứ trưởng và tương đương trở lên tại các Điều 4, 5, 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72 như quy định hiện hành).

3.1.4.2. *Đối với các chức danh* (nhóm 7- quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72), nay quy định tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định:

- Các chức danh (nhóm 7) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72 bao gồm các chức danh cấp “*Tổng cục trưởng và đương đương*” trước đây theo Kết luận số 35 (như: Tổng cục trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội,...).

- Qua đối chiếu chức danh tại nhóm 7 Nghị định số 72 với các chức danh tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31) cho thấy: Cơ bản các chức danh thuộc nhóm 7 Nghị định số 72 (là chức danh tương đương với Tổng cục trưởng trước đây, có tiêu chuẩn sử dụng xe chức danh) được quy định tại bậc 1 Nhóm IV.

Để đảm bảo các chức danh cùng bậc, cùng nhóm theo Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31) thì có TCDM như nhau, Bộ Tài chính trình Chính phủ các chức danh tại bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368, được điều chỉnh theo Kết luận số 31 (tương đương chức danh Tổng cục trưởng trước đây) được áp dụng TCDM xe chức danh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72.

3.1.4.3. *Về giá xe ô tô phục vụ chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 dự thảo*

Qua khảo sát thị trường xe ô tô hiện nay cho thấy, giá các loại xe ô tô thuộc phân khúc phục vụ chức danh theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành (có mức giá tối đa từ 1.250 triệu đồng/xe trở lên) đã có sự biến động so với thời điểm ban hành Nghị định hiện hành; đồng thời, các dòng xe đáp ứng yêu cầu sử dụng trong phân khúc này chủ yếu là sedan, SUV,.... Để bảo đảm việc trang bị xe ô tô phù hợp với thực tiễn thị trường, tính đến yếu tố trượt giá, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Nghị định trong thời gian ngắn, đồng thời tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn chủng loại xe phù hợp với yêu cầu công tác trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức và mức giá được quy định, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Cục Quản lý công sản trình Bộ xem xét điều chỉnh mức giá tối đa đối với một số nhóm xe ô tô phục vụ chức danh như

sau: từ 1.600 triệu đồng/xe lên 1.700 triệu đồng/xe²² (đối với chức danh tại khoản 1 Điều 6 dự thảo); từ 1.550 triệu đồng/xe lên 1.600 triệu đồng/xe²³ (đối với chức danh tại khoản 2 Điều 6 dự thảo); từ 1.400 triệu đồng/xe lên 1.500 triệu đồng/xe²⁴ (đối với chức danh tại khoản 1 Điều 7 dự thảo); và từ 1.250 triệu đồng/xe lên 1.400 triệu đồng/xe²⁵ (đối với chức danh tại khoản 2 Điều 7 dự thảo).

3.1.5. Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung (từ Điều 9 đến Điều 23 dự thảo): Cơ bản giữ các tiêu chí (biên chế, diện tích tự nhiên các tỉnh, thành phố ...) để xác định tiêu chí, định mức xe của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

3.1.5.1. Về chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung: *Bổ sung giải thích đối với loại xe “bán tải” như sau:* Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô một cầu, hai cầu; xe ô tô con Pickup, ô tô tải Pickup ca bin kép (sau đây gọi là xe bán tải)) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị) không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng (**Lý do:** Theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường thì: Ô tô con Pickup thuộc phân loại ô tô chở người (Phụ lục I); Xe ô tô tải Pickup ca bin kép thuộc phân loại xe tải (Phụ lục IV); không có xe bán tải và đề xuất của tỉnh Gia Lai²⁶. Việc sửa đổi nội dung nêu trên để đảm bảo tránh xáo trộn trong áp dụng chính sách).

3.1.5.2. Về đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (khoản 2 Điều 8 dự thảo): Sửa đổi theo hướng không liệt kê các chức danh, chức vụ được sử dụng xe phục vụ công tác chung mà quy định: “a) Các chức danh từ bậc 8 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) trở lên.”; đồng thời bỏ các chức danh của doanh nghiệp nhà nước tại khoản 2 Điều 8 dự thảo.

(**Lý do:**

- Các chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị đã được liệt kê cụ thể tại Quy định số 368 (được điều chỉnh theo Kết luận số 31); đồng thời, thống nhất với quy định về TCĐM xe chức danh.

²² Mức giá tối đa 1.700 triệu đồng/xe; như: BMW 320i Sport Line LCI (5 chỗ, sedan, xăng - khoảng 1.649 triệu đồng/xe), BMW X1 sDrive20i (5 chỗ, SUV, xăng - 1.689 triệu đồng/xe),...

²³ Mức giá tối đa 1.600 triệu đồng/xe; như: Audi Q2 35 TFSI (5 chỗ, SUV, xăng - khoảng 1.590 triệu đồng/xe), Mercedes-Benz C 200 Avantgarde (5 chỗ, sedan, xăng - khoảng 1.599 triệu đồng/xe),...

²⁴ Mức giá tối đa 1.500 triệu đồng/xe; như: Peugeot 3008 GT (5 chỗ, SUV, xăng - khoảng 1.429 triệu đồng/xe),...

²⁵ Mức giá tối đa 1.400 triệu đồng/xe; như: Peugeot 3008 Premium (5 chỗ, SUV, xăng - khoảng 1.279 triệu đồng/xe), Subaru Forester 2.5i-S EyeSight (5 chỗ, SUV, xăng, nhập Nhật - khoảng 1.399 triệu đồng/xe),...

²⁶ Tại Công văn số 1620/STC-QLGCS 27/02/2026: Theo giấy chứng nhận kiểm định của các xe hiện đang quản lý không có loại phương tiện là xe bán tải; chỉ có loại phương tiện là xe ô tô tải (pick-up hoặc pick up cabin kép); Rà soát, làm rõ từ ngữ để xác định chủng loại xe ô tô PVCTC (xe bán tải, xe ô tô tải pick up ca bin kép,...) để thống nhất áp dụng TCĐM sử dụng xe.

- Để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo đối với xe ô tô của doanh nghiệp nhà nước).

3.1.5.3. *Về quy định trang bị xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi (tại khoản 5 Điều 8 dự thảo):* Bổ sung nhiệm vụ: *đăng kiểm; công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn); kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực giao thông vận tải; công tác bảo tồn và cứu hộ động, thực vật đề cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng xe (xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi), ngoài số lượng xe phục vụ công tác chung được quy định tại Nghị định.*

(Lý do:

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài thường xuyên tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động chính trị, đối ngoại và đối ngoại nhân dân. Đặc điểm của các hoạt động này là đối tượng phục vụ chủ yếu là các đoàn đại biểu, khách mời, doanh nhân, trí thức, chuyên gia, kiều bào và khách quốc tế; thường xuyên phát sinh nhu cầu vận chuyển tập trung theo đoàn trong quá trình làm việc tại Trung ương và địa phương.

- Theo Luật Thanh tra năm 2025 thì không còn thanh tra chuyên ngành mà chỉ có nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành. Theo ý kiến của Sở Xây dựng Hà Nội tại Công văn số 4210/SXD-TCĐT ngày 26/2/2025 thì: Sau khi chuyển chức năng, nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành lên Thanh tra tỉnh, thành phố, Sở Xây dựng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành về giao thông vận tải, xây dựng (*kế thừa nhiệm vụ của Thanh tra Sở cũ; khối lượng công việc kiểm tra chuyên ngành chiếm khoảng 90%*); do có thay đổi về tổ chức hoạt động của lực lượng kiểm tra chuyên ngành xây dựng sau ngày Nghị định số 153 được ban hành nên xe ô tô thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành xây dựng (xe Thanh tra Giao thông trước đây) không nằm trong danh mục xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Nghị định số 153. Do đó, khi bỏ “*xe thanh tra giao thông*” (xe chuyên dùng) thì phải bổ sung xe cho nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực giao thông vận tải.

- Trong bối cảnh thực hiện sáp nhập tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thực hiện chính quyền 02 cấp, công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở giữ vai trò quan trọng trong việc đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân, truyền thông chính sách, thông tin kịp thời về cải cách hành chính, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội. Đồng thời, sau khi sáp nhập có địa bàn rộng, số lượng dân cư trên địa bàn xã tăng lên, đặc biệt đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo là nơi internet chưa phát triển, trình độ dân trí còn hạn chế,... nên vẫn phải áp dụng hình thức tuyên truyền thông tin lưu động; do đó, dự thảo bổ sung nhiệm vụ “*phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã*

đặc biệt khó khăn)” để địa phương có cơ sở xem xét, quyết định việc trang bị xe để thực hiện nhiệm vụ này và theo đề xuất của An Giang²⁷

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Viện Hàn lâm KH&CNVN²⁸).

3.1.5.4. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

Kết cấu lại theo hướng chia thành 02 nhóm đối tượng: Cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp để thuận lợi trong tra cứu, áp dụng; trong đó:

a) Đối với cơ quan, tổ chức

(i) Đối với các cơ quan, tổ chức thuộc khối các văn phòng ở trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (*Điều 9 dự thảo*): Liệt kê cụ thể các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối các văn phòng ở trung ương; sửa đổi định mức cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam tương đồng với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối các văn phòng ở trung ương; bổ sung các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Quốc hội; các Vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của quốc hội và các vụ, cục và tương đương của Văn phòng Quốc hội; các vụ, cục và tương đương của Kiểm toán nhà nước, bổ sung thẩm quyền quyết định số lượng xe cao hơn so với quy định.

(Lý do:

- Khối các văn phòng ở trung ương là các cơ quan đặc thù, việc liệt kê để làm rõ định mức, thẩm quyền áp dụng về tiêu chuẩn, định mức trong dự thảo; đồng thời, các cơ quan tại Điều này có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát nên thường xuyên phải đi công tác trên phạm vi cả nước, do đó, cần có quy định để đảm bảo cơ sở vật chất để đảm bảo công tác;

- Theo ý kiến của Văn phòng Quốc hội²⁹: Để phù hợp với mô hình tổ chức mới của Quốc hội theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội; bảo đảm các đơn vị trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước có cơ sở pháp lý để xác định TCDM xe phục vụ công tác.

- Theo ý kiến của Kiểm toán nhà nước³⁰: Theo Nghị quyết số 999/2020/UBTVQH14 về Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030, KTNN phấn đấu tăng cường kiểm toán hoạt động, kiểm toán chuyên đề và từng bước mở rộng phạm vi kiểm toán đối với ngân sách địa phương. So với quy mô hiện nay khoảng 1.200 đến 1.350 tổ kiểm toán/năm, số lượng tổ kiểm toán có thể tăng thêm từ khoảng 16% đến 28%. Bên cạnh đó, khác với mô hình kiểm toán tại cấp huyện trước đây, các đơn vị hành chính cấp xã phân bố rộng, nhiều địa phương có địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối, vùng ven biển, hải đảo

²⁷ Tại Công văn số 756/UBND-KT ngày 09/3/2026: *Số lượng xe ô tô bán tải đối dư theo TCDM quy định sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp không thể điều chuyển về cho các xã, phường, đặc khu có nhu cầu sử dụng; Bổ sung quy định nhiệm vụ thông tin lưu động vào nội dung tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72.*

²⁸ Tại Công văn số 6162/BNG-QTTV ngày 21/7/2026 của Bộ Ngoại giao, Công văn số 10970/BXD-KHTC ngày 16/7/2026 của Bộ Xây dựng, số 919/CV/VHLKH&CNVN ngày 25/6/2026 của Viện HLKH&CNVN.

²⁹ Tại Công văn số 1810/VPQH-KHTC ngày 03/7/2026

³⁰ Tại Công văn số 975/KTNN-VP ngày 26/6/2026

hoặc khu vực có điều kiện giao thông khó khăn. Việc di chuyển trực tiếp đến từng xã sẽ làm gia tăng đáng kể cường độ sử dụng phương tiện và nhu cầu bố trí xe phục vụ các tổ kiểm toán.

- Theo đề xuất của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam³¹: Do Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ đặc thù: tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước,... nên phải đi công tác rất nhiều)

(ii) Đối với TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của vụ, cục loại 2 và tổ chức tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương không tổ chức theo ngành dọc (*Điều 11 dự thảo*): Cơ bản không thay đổi so với quy định hiện hành; chỉ bổ sung quy định: “4. Đối với các vụ, cục loại 2 và tương đương quản lý theo địa bàn địa phương (gọi tắt là Vụ địa bàn) thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) được bổ sung 01 xe, nhưng tổng số xe được bổ sung không quá 03 xe/ đơn vị.” (**Lý do:** Để phù hợp với yêu cầu về phương tiện đi lại của các Vụ, Cục được giao quản lý địa bàn).

(iii) Đối với TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc (*Điều 12 dự thảo*): Cơ bản như quy định hiện hành, chỉ liệt kê cụ thể tên các bộ, cơ quan trung ương để thuận lợi trong công tác tổ chức thực hiện.

(iv) Đối với TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các Văn phòng cấp tỉnh (*Điều 13 dự thảo*): Cơ bản như quy định hiện hành; đồng thời bổ sung quy định TCĐM của:

- Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sáp nhập thì được bổ sung 01 xe/Văn phòng (**Lý do:** Tiếp thu ý kiến của Thành phố Cần Thơ và tỉnh Ninh Bình đề nghị tăng định mức cho khối Văn phòng do các địa phương sau sáp nhập có số biên chế tăng lên nhiều, khoảng cách địa lý và khối lượng nhiệm vụ thực tế phát sinh sau sắp xếp).

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh trong trường hợp tổng số biên chế được giao của các ban thuộc HĐND cấp tỉnh có từ 20 biên chế trở lên thì được bổ sung 01 xe cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh. (**Lý do:** Đảm bảo phương tiện hoạt động tương ứng với quy mô biên chế các ban và tiếp thu ý kiến của tỉnh Tuyên Quang; theo đó đề nghị tăng định mức cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh hoặc có tiêu chuẩn riêng cho các Ban HĐND tại khoản 4 Điều 13 dự thảo³²).

³¹ Công văn số 1905/MTTQ-BTT ngày 10/3/2026

³² Tại Công văn 5113/STC-GCS ngày 26/06/2026 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang, với **Lý do:** Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, phạm vi giám sát của HĐND tỉnh mở rộng xuống toàn bộ xã, phường. Các Ban HĐND thường xuyên tổ chức khảo sát, giám sát chuyên đề độc lập. Trong khi đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh và các Ban thuộc HĐND tỉnh Tuyên Quang có 29 người có chức danh từ bậc 8 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ được sử dụng xe phục vụ công tác chung (i) Người giữ chức vụ lãnh đạo từ tương đương phó giám đốc Sở trở lên có 21 người (Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh (Trưởng đoàn là Phó Bí thư có xe phục vụ theo chức danh riêng); 05 trưởng ban và tương đương; 03 Phó Chánh Văn phòng và các ban bình quân 02 cấp phó/đơn vị); (ii) Mỗi Ban của HĐND tỉnh có 01 Ủy viên

(v) Đối với TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; sở, ban, ngành và tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (*Điều 15 dự thảo*): Cơ bản như quy định hiện hành; đồng thời: Quy định cụ thể “*Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều này. (**Lý do:** Đảng ủy UBND tỉnh có trụ sở đặt tại cơ quan UBND tỉnh, có tài khoản riêng, con dấu riêng, được cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc theo quy định - *Quy định số 260-QĐ/TW ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư* và dự toán do UBND tỉnh phân bổ³³).

(vi) Đối với TCĐM sử dụng ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã (*Điều 16 dự thảo*): Giữ như quy định hiện hành; đồng thời, bổ sung quy định: Ngoài số xe theo quy định, trường hợp cấp xã có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (không bao gồm đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này và được cộng vào định mức sử dụng xe ô tô của cấp xã (**Lý do:** Đảm bảo phù hợp với thực tế và tương đồng với các đơn vị trực thuộc Văn phòng cấp tỉnh, sở, ban, ngành và tổ chức hành chính).

(vii) Đối với TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cục loại 1 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương, cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (*tại Điều 10 và 14 dự thảo*): Cơ bản giữ như quy định hiện hành, chỉ thể hiện lại kỹ thuật soạn thảo (**Lý do:** Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố, gọi chung là đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh (*Điều 17 dự thảo*): Cơ bản kế thừa quy định hiện hành; chỉ bổ sung quy định: Đối với đơn vị sự nghiệp (kể cả đơn vị trực thuộc) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô ngoài số lượng xe quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

(**Lý do:** Các đơn vị sự nghiệp công lập này thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ công và tự chủ về nguồn kinh phí mua sắm; do đó cần có quy định để linh hoạt, chủ động về phương tiện để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công).

c) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án (*Điều 18 dự thảo*): Cơ bản giữ như quy định hiện hành do quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc; đồng thời, bổ sung quy định: Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động theo chương trình, kế hoạch tổng thể liên quan công tác phân giới, cắm mốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê

chuyên trách (04 ủy viên chuyên trách hệ số phụ cấp lãnh đạo tương đương trưởng phòng cơ quan cấp tỉnh (0,5));
(iii) Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có 04 phòng/04 trưởng phòng.).

³³ Tại điểm 2 Công văn số 4802/BTC-VI ngày 14/4/2025 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn sắp xếp tổ chức đơn vị dự toán ngân sách nhà nước đối với các Đảng ủy mới thành lập thì: Đảng ủy UBND tỉnh, thành phố là đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh, sử dụng mã Chương 405 - Văn phòng UBND.

duyet, căn cứ quy mô, địa bàn hoạt động, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động phân giới, cắm mốc theo chương trình, kế hoạch tổng thể liên quan công tác phân giới, cắm mốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(**Lý do:** Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao³⁴: Để phù hợp với thực tế thực hiện các nhiệm vụ, Bộ Ngoại giao kiến nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định nội dung sau:

- Quy định việc trang bị xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ PGCM theo Kế hoạch Tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện như đối với xe ô tô phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước tại khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị định.

- Bổ sung định mức xe phục vụ công tác chung đối với Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Nhà nước về biên giới ở trung ương.)

3.1.5.5. Về giá xe ô tô phục vụ công tác chung

Giữ nguyên giá xe ô tô phục vụ công tác chung; chỉ sửa đổi đối với xe phục vụ công tác chung công suất lớn; cụ thể:

- Về giá xe công suất lớn (loại 2.800 triệu đồng/xe): Điều chỉnh mức giá từ 2.800 triệu đồng/xe lên **3.500** triệu đồng/xe. (**Lý do:** Qua rà soát báo cáo Tổng kiểm kê thì loại xe mà các Bộ, ngành, địa phương trang bị với mức giá 2.800 triệu đồng/xe theo Nghị định số 72 phổ biến là xe Toyota Land Cruiser Prado. Theo kết quả khảo sát thì mức giá xe này trên thị trường hiện nay là 3.480 triệu đồng/xe. Do đó, tiếp thu ý kiến của VPTWĐ, điều chỉnh mức giá xe 2.800 triệu đồng/xe lên 3.500 triệu đồng/xe³⁵).

- Về giá xe công suất lớn (loại 4.500 triệu đồng/xe): Điều chỉnh mức giá từ 4.500 triệu đồng/xe lên **4.600** triệu đồng/xe. (**Lý do:** Qua rà soát báo cáo Tổng kiểm kê thì loại xe mà các Bộ, ngành, địa phương trang bị với mức giá 4.500 triệu đồng/xe theo Nghị định số 72 phổ biến là xe Toyota Land Cruiser LC300. Theo kết quả khảo sát thì mức giá xe này trên thị trường hiện nay là 4.580 triệu đồng/xe. Do đó, tiếp thu ý kiến của Thành ủy Đà Nẵng, điều chỉnh mức giá xe 4.500 triệu đồng/xe lên 4.600 triệu đồng/xe³⁶).

- Về số lượng xe công suất lớn trong tổng số lượng xe phục vụ công tác chung của bộ, cơ quan trung ương, địa phương:

(i) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Bổ sung quy định được tăng thêm số lượng xe ô tô công tác chung công suất lớn (loại 2.800 trđ/xe nay dự kiến điều chỉnh lên 3.500 triệu đồng/xe) theo số lượng biên chế; cụ thể: Bộ, cơ quan trung ương có từ 15.000 đến 20.000 biên chế sẽ được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe; trên 20.000 biên chế sẽ được tăng thêm 02 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe. (**Lý do:** Sau khi các bộ, ngành thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì quy mô tổ chức bộ máy đã có sự thay đổi; đồng thời, các bộ, ngành chuyển sang tập trung vào công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát

³⁴ Tại Công văn số 6162/BNG-QTTV ngày 21/7/2026

³⁵ Tại Công văn số 3571/CV/VPTW ngày 08/7/2026 của VPTW Đảng, số 6095/UBND-KT ngày 29/6/2026 của TP Đà Nẵng.

³⁶ Tại Công văn số 6095/UBND-KT ngày 29/6/2026 của TP Đà Nẵng.

theo chức năng, nhiệm vụ được giao; theo đó, tiêu chí biên chế của các Bộ, ngành sẽ phản ánh khối lượng công việc phải thực hiện). Theo dự kiến này sẽ **tăng khoảng 08 xe**³⁷ so với hiện hành.

(ii) Đối với các địa phương:

- Điều chỉnh số lượng xe ô tô có công suất lớn (loại 4.500 triệu đồng/xe, nay dự kiến điều chỉnh lên 4.600 triệu đồng/xe) của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh từ **01 xe** thành **02 xe** (Lý do: Do TP. HCM, Hà Nội là đô thị loại đặc biệt và theo đề xuất của thành phố Hà Nội³⁸). Theo dự kiến này sẽ **tăng khoảng 02 xe** so với hiện hành.

- Bổ sung quy định được tăng thêm số lượng xe ô tô công tác chung công suất lớn (loại 3.500 triệu đồng/xe) theo diện tích tự nhiên; cụ thể: Địa phương có diện tích tự nhiên trên 9.000km² sẽ được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe. (Lý do: Đảm bảo thống nhất với nguyên tắc, tiêu chí để bổ sung số lượng xe phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 153³⁹). Theo dự kiến này sẽ **tăng khoảng 16 xe** so với hiện hành.

3.1.5.6. Về phân bổ (điều hòa) số lượng xe phục vụ công tác chung

a) Các trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 20 dự thảo): Ngoài các cơ quan, đơn vị tại khoản 5 Điều 8 Nghị định như quy định hiện hành, bổ sung các đối tượng không áp dụng việc phân bổ (điều hòa) số lượng xe; gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (kể cả đơn vị trực thuộc); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

(Lý do: (i) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được bổ sung xe cao hơn so với quy định do tính chất đơn vị và nguồn kinh phí mua xe do đơn vị chủ động; do đó, không thực hiện phân bổ để hạn chế việc điều hòa xe của các đơn vị này sang các cơ quan, đơn vị khác có sử dụng ngân sách nhà nước để mua xe; (ii) Các đơn vị còn lại: Số lượng đơn vị trực thuộc ít, phạm vi quản lý hẹp, không có đơn vị có nhiệm vụ khác biệt do đó, không cần thiết phải thực hiện việc phân bổ (điều hòa)).

b) Phạm vi và thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, của địa phương (Điều 21, Điều 22 dự thảo):

(i) Đối với trung ương:

³⁷ - Bộ Tài chính, Bộ GDĐT: Tăng 02 xe/Bộ

- Bộ Y tế, Bộ NN&MT, Viện KSNĐTC, Tòa án nhân dân tối cao: Tăng 01 xe/CQ

³⁸ Tại Công văn số: 3047/UBND-KT ngày 26/6/2026 của UBND TP Hà Nội.

³⁹ Nghị định số 72 lấy tiêu chí tỉnh, thành phố có diện tích từ 5.000km² là các tỉnh có diện tích tự nhiên lớn; theo đó có 29/63 tỉnh, chiếm khoảng 46%. Sau khi sáp nhập các tỉnh, thành phố thì có (16/34 tỉnh), chiếm 47% tỉnh có diện tích trên 9.000km²; do đó, để tương đồng về tỷ lệ các tỉnh có diện tích tự nhiên lớn với Nghị định số 72 thì Nghị định số 153 quy định địa phương có diện tích rộng là trên 9.000 km².

- *Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Bộ, cơ quan trung ương (trừ Cục loại 1 và tương đương):* Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quyết định chủng loại xe của các cơ quan, tổ chức, đơn vị này.

- *Đối với Cục loại 1:* Người đứng đầu cục loại 1 và tương đương quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe được sử dụng cho từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Về thẩm quyền quyết định chủng loại xe do Bộ, cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

(ii) *Đối với địa phương:* Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quyết định chủng loại xe của các cơ quan, tổ chức, đơn vị này.

(**Lý do:** Cục loại 1 có tính độc lập tương đối do đó không thực hiện phân bổ (điều hòa) với các đơn vị khác của bộ, cơ quan trung ương để đảm bảo đơn vị được linh hoạt, chủ động điều hành trong tổng số lượng xe của đơn vị; tuy nhiên, về chủng loại xe trong đó có một số loại xe chung có mức giá cao hơn (xe 12-16 chỗ, xe 02 cầu loại 7-8 chỗ ngồi) nên giao thẩm quyền cho các bộ, cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định).

c) *Nguyên tắc phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô (Điều 23 dự thảo):* Giữ như quy định hiện hành; đồng thời:

- Bổ sung quy định về việc ổn định số lượng xe đã được phân bổ, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Sửa đổi quy định về việc phân bổ (điều hòa) đối với trường hợp có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng và cấp xã; theo đó quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc, Ban thường vụ Đảng ủy xã quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe cho các đơn vị trực thuộc, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, đảm bảo phù hợp với số lượng và cơ cấu chủng loại xe mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp xã đã được phân bổ (điều hòa).

(**Lý do:** (i) Kế thừa quy định về ổn định định mức như quy định tại Nghị định số 72; bổ sung trường hợp cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại số lượng xe hoặc chủng loại xe đã được phân bổ trong chu kỳ ổn định để phù hợp với thực tế thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; (ii) Giao thẩm quyền cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc quyết định phân bổ (điều hòa) cho các đơn vị trực thuộc để nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của đơn vị, phù hợp yêu cầu thực hiện nhiệm vụ).

3.1.5.7. Về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 24 dự thảo): Cơ bản kế thừa các phương thức quản lý xe như quy định tại Nghị định số 72; đồng thời:

- Sửa đổi đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe thì áp dụng phương thức quản lý trực tiếp. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý xe ô tô của các đơn vị trực thuộc. **(Lý do:** Để phù hợp với tính chất đặc thù trong việc sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị này).

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng xe thì:

- (i) Đối với các đơn vị của bộ, cơ quan trung ương, địa phương (trừ Cục loại 1 và tương đương): Do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) quy định quyết định. **(Lý do:** Thống nhất thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe).

- (ii) Đối với Cục loại 1 thì Cục trưởng Cục loại 1 và tương đương quyết định phương thức quản lý xe ô tô tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc (nếu có). **(Lý do:** Để tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của Cục trưởng Cục loại 1).

3.1.6. Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (Điều 25, Điều 26 dự thảo): Cơ bản giữ như quy định hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

a) Về danh mục xe ô tô chuyên dùng

- Sửa đổi quy định của xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng theo hướng bỏ “xe thanh tra giao thông” tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 72. **(Lý do:** Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 quy định: Bãi bỏ cụm từ “Thanh tra,” tại khoản 29 Điều 2⁴⁰; bãi bỏ khoản 2 Điều 3⁴¹ của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng nên không còn thanh tra chuyên ngành giao thông (nay là xây dựng)).

- Bổ sung các loại xe: Xe xét nghiệm lưu động về lĩnh vực an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định; xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng; xe tuần kiểm đường bộ; xe kiểm định lưu động; xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa.

(Lý do: Tiếp thu ý kiến của các Bộ, địa phương:

- Bộ Y tế có ý kiến: (i) Lĩnh vực An toàn thực phẩm trước đây do 03 Bộ quản lý (Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường), hiện nay Chính

⁴⁰ Khoản 29 Điều 2 Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định: “29. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân; thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.”

⁴¹ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 3. Cơ cấu tổ chức

2. Thanh tra.”

phủ đã giao cho Bộ Y tế chủ trì, quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm; (ii) Sửa lại mục xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng thành Xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Vì theo Luật Khám chữa bệnh hiện nay đã sửa chỉ đạo tuyến thành hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật.

- Tỉnh Nghệ An có ý kiến: Đề nghị bổ sung “xe tuần kiểm đường bộ” vào danh mục xe ô tô chuyên dùng được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật. Lý do: Tại khoản 1 Điều 20 và Phụ lục VIII Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) có quy định về xe phục vụ công tác tuần kiểm đường bộ và có dán chữ “TUẦN KIỂM ĐƯỜNG BỘ”).

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Đề nghị xem xét bổ sung xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: xe chở phòng thử nghiệm di động/lưu động; xe phục vụ kiểm định, hiệu chuẩn lưu động, xe phòng thử nghiệm lưu động chuyên thực hiện thử nghiệm lưu động tại hiện trường, phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp do thực tế các đơn vị sự nghiệp công lập có sử dụng các xe chuyên chở phòng thí nghiệm di động phục vụ lấy mẫu, thử nghiệm mẫu,...). Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “Điều 13. Hoạt động kiểm tra, giám sát

4. Điều kiện bảo đảm cho công tác kiểm tra, giám sát bao gồm:

...b) Nghiên cứu, chế tạo, đầu tư các thiết bị chuyên dùng như: xe kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm; phương tiện, thiết bị đo kiểm tra nhanh và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khác, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát.”.)

- Chi tiết danh mục xe ô tô chuyên dùng đối với xe chở huấn luyện viên và chó nghiệp vụ, xe kiểm định hải quan (Lý do: 02 loại xe này thuộc nhóm phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan quy định tại Nghị định số 02/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Về giá xe ô tô chuyên dùng

Sửa đổi quy định về giá xe ô tô chuyên dùng như sau: “3. Giá xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định và được xác định như sau:

a) Trường hợp xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi mức giá (số tiền) trong tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng.

b) Trường hợp không xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi “Mức giá xe ô tô chuyên dùng phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng” trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định.” (Lý do: Để thống nhất, thuận lợi trong áp dụng và theo ý kiến của thành phố Đà Nẵng⁴²).

3.1.7. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (Điều 27, Điều 28 dự thảo): Cơ bản giữ như quy định hiện hành do quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc.

⁴² Tại Công văn số 1472/UBND-STC ngày 06/3/2026: Quy định rõ có bắt buộc phải quy định mức giá mua xe ô tô chuyên dùng cùng với quy định về TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng hay không.

3.1.8. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (Điều 29 dự thảo): Cơ bản giữ như quy định hiện hành; đồng thời, sửa đổi nhóm chức danh, chức vụ được hỗ trợ xe chức danh theo danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW); theo đó, các chức danh của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô chức danh với mức giá như các chức danh trong hệ thống chính trị có cùng nhóm, bậc. **(Lý do:** Thống nhất nguyên tắc chức danh, chức vụ cùng bậc, cùng nhóm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) thì có cùng tiêu chuẩn, định mức).

3.1.9. Về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô (Điều 30, Điều 31 dự thảo): Cơ bản giữ như quy định hiện hành; chuyển một số nội dung lên nguyên tắc (tại khoản 6 Điều 3 dự thảo); bổ sung thẩm quyền quyết định khoản kinh phí sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã: *Ban Thường vụ Đảng ủy xã quyết định việc áp dụng, đối tượng, hình thức và công đoạn thực hiện, đơn giá và mức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo Quy chế làm việc của Đảng ủy xã* **(Lý do:** Bao quát các thẩm quyền quyết định phù hợp với định mức sử dụng xe phục vụ công tác chung của cấp xã).

3.1.10. Về quy định xử lý chuyển tiếp

- Các chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này đã được trang bị xe ô tô chức danh thì tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị, *trừ trường hợp xe ô tô được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công* **(Lý do:** Phù hợp với các quy định, hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công).

- Xe ô tô phục vụ công tác chung đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (*bao gồm cả số xe ô tô phục vụ các chức danh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng nay chức danh đó không thuộc danh mục chức danh được sử dụng xe ô tô chức danh và xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định*) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả trường hợp mức giá trước đây cao hơn mức giá tối đa quy định tại Nghị định này) thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo số lượng phù hợp với quy định tại Nghị định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) thì xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới được thành lập **(Lý do:** Phù hợp với thực tế xử lý xe ô tô chức danh của các trường hợp cùng không còn được sử dụng xe chức danh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả).

3.2. Nội dung bổ sung:

Bổ sung một số nội dung và xử lý chuyển tiếp như sau:

- Đối với các chức danh đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà theo quy định tại Nghị định này không

còn thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh đã được trang bị đến hết thời hạn bổ nhiệm của chức vụ đang giữ tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Hết thời hạn bổ nhiệm, việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này (**Lý do:** Để đảm bảo bao quát với thực tế hiện nay một số cơ quan không thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nhưng chức danh lại có sự sắp xếp lại theo Quy định số 368).

- Trường hợp sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp xã theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì các xã được hình thành sau khi hợp nhất được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có của các xã trước khi sáp nhập, hợp nhất để phục vụ công tác, bao gồm cả trường hợp số xe hiện có của các xã sau khi sáp nhập cao hơn số xe theo tiêu chuẩn, định mức được phân bổ (**Lý do:** Để đảm bảo ổn định cơ sở vật chất của đơn vị sau sáp nhập, tránh việc phải sửa đổi ngay Nghị định và trên cơ sở tiếp thu ý kiến của tỉnh Nghệ An⁴³).

- TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của TAND, VKSND, Đài TNVN, TTXVN, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đã trang bị theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định số lượng xe đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo không vượt tổng số lượng xe ô tô đã trang bị. Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) quyết định phân bổ số lượng xe giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này (**Lý do:** Để đảm bảo phương tiện công tác của các đơn vị và tiếp thu ý kiến của các cơ quan: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan thi hành án dân sự.)

- Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) theo đúng quy định tại Nghị định số 72, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 153 mà tổng số lượng xe đã phân bổ (điều hòa) của các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý không vượt quá tổng số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Nghị định này và không thuộc trường hợp cần phân bổ lại theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thì được ổn định số lượng, chủng loại xe 05 năm, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ). Cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng theo số lượng, chủng loại xe đã được phân bổ (điều hòa) (**Lý do:** Để đảm bảo tính ổn định của số lượng xe được phép sử dụng trong trường hợp không có biến động

⁴³ Công văn số 5561/STC-QLG&CS ngày 26/6/2026

lớn và bộ, ngành, địa phương chưa cần thiết điều chỉnh số lượng xe của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, giảm sự vụ phát sinh).

- Trường hợp UBND cấp tỉnh đã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, HĐND cấp tỉnh, cơ quan Đoàn đại biểu Quốc hội và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục áp dụng TCDM đã ban hành cho đến khi có TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định TCDM có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện (**Lý do:** Để tránh khoảng trống pháp lý trong trường hợp các cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chưa quyết định TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, HĐND cấp tỉnh, cơ quan Đoàn ĐBQH, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh trong khi UBND cấp tỉnh đã ban hành).

- Trường hợp Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước đã ban hành theo đúng quy định tại Nghị định số 72 và vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (**Lý do:** Để kế thừa các quy định vẫn còn phù hợp, giảm công việc sự vụ nếu Quy chế đã ban hành vẫn còn phù hợp; đồng thời, có cơ sở để cơ quan, đơn vị thực hiện khi Bộ Ngoại giao chưa sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước nếu cần điều chỉnh).

- Xe ô tô đã được phê duyệt chủ trương mua sắm hoặc đang thực hiện thủ tục mua sắm trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện thủ tục mua sắm theo chủ trương đã được phê duyệt (**Lý do:** Thống nhất trong thực hiện).

- Trường hợp xe ô tô đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục xử lý theo quy định; các trường hợp còn lại thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô đang quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định này (**Lý do:** Thống nhất trong thực hiện).

- Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các doanh nghiệp đã được mua sắm từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và bố trí sử dụng theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này (**Lý do:** Thống nhất trong thực hiện).

3.3. Nội dung phân quyền, phân cấp

3.3.1. Liệt kê bổ sung thẩm quyền các cơ quan trung ương⁴⁴, điều chỉnh thẩm quyền từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” sang “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

⁴⁴ Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương

tỉnh”, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc:

- Quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định; việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô chức danh tại khoản 3 Điều 7 dự thảo; trang bị thêm xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi tại khoản 5 Điều 8 dự thảo; phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (trừ xe ô tô của Cục loại 1, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh); trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án; quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng.

- Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định: chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe; chủng loại xe ô tô của cục loại 1 và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy, UBND cấp tỉnh, việc áp dụng khoán, hình thức, công đoạn, đơn giá khoán; mức khoán gọn.

(Lý do:

- Để thống nhất với thẩm quyền của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh quy định tại Nghị định số 52/2026/NĐ-CP; cụ thể: *Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản, sử dụng chung tài sản, khai thác, xử lý tài sản, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ bảo dưỡng, sửa chữa, phá dỡ, hủy bỏ tài sản tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh...*⁴⁵.

- Để nâng cao tính chủ động và chịu trách nhiệm khi quyết định các vấn đề về tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô do cấp mình quản lý cũng như của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

3.3.2. Bổ sung thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung cho: (i) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không áp dụng phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe đối với các đơn vị trực thuộc. (ii) Cục trưởng Cục loại 1 và tương đương. **(Lý do:** Để phù hợp với tính chất đặc thù trong việc sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị này, phù hợp thẩm quyền phân bổ số lượng xe).

3.3.3. Ban Thường vụ Đảng ủy xã quyết định việc áp dụng, đối tượng, hình thức và công đoạn thực hiện, đơn giá và mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Quy chế làm việc của Đảng ủy xã. (Lý do: Bao quát các thẩm quyền quyết định phù hợp với định mức sử dụng xe chung của cấp xã).

3.3.4. Bổ thẩm quyền “Hội đồng quản lý” tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72. (Lý do: Để đảm bảo phù hợp với mô hình của đơn vị sự nghiệp hiện nay).

3.4. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền: Không có.

3.5. Các nội dung khác: Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan hoặc trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; không có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; không quy định thủ tục hành

⁴⁵ Quy định tại Điều 40, Điều 41 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.

chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH:

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BÀN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định

1.1. Về kinh phí để thực hiện việc trang bị xe

Về cơ bản, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại dự thảo không thay đổi so với Nghị định số 72 và Nghị định số 153. Một số trường hợp có điều chỉnh thì nguồn lực để bảo đảm cho việc thực hiện được xác định như sau:

a) Đối với xe phục vụ công tác các chức danh

Theo tính toán sơ bộ, số lượng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh của nhóm chức danh, chức vụ bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368 giảm khoảng 80 xe (mức giá 1.250 triệu đồng/xe) so với nhóm “Tổng cục trưởng và tương đương” trước đây; do đó, sẽ giảm kinh phí mua sắm, duy trì sử dụng đối với 80 xe này. Đồng thời, nếu sử dụng các xe này để giao, điều chuyển cho các đơn vị còn thiếu xe thì sẽ tiết kiệm do không phải mua mới xe.

b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung

- Tại dự thảo đã bỏ quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 72 về xác định số lượng xe phục vụ công tác chung⁴⁶ của một số cơ quan có hoạt động đặc thù để phù hợp với thực tế sắp xếp tổ chức bộ máy, đồng thời, quy định các cơ quan này được bổ sung số lượng xe nhưng không vượt quá tổng số lượng xe ô tô đã trang bị; do đó, đối với nhóm này sẽ không phát sinh thêm việc mua mới xe.

Riêng đối với các vụ, cục loại 2 và tương đương mà quản lý theo địa bàn địa phương thì được bổ sung không quá 03 xe/đơn vị để đảm bảo yêu cầu công tác và do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Hiện nay các đơn vị này đã có số lượng xe ổn định theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 72; do đó, khả năng phát sinh thêm xe là không nhiều.

- Đối với số lượng xe của Văn phòng cấp tỉnh đối với trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sáp nhập thì được bổ sung 01 xe/Văn phòng; theo đó dự kiến tăng khoảng 66 xe (= 22 tỉnh x 03 Văn phòng/tỉnh).

- Về số lượng xe của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Dự thảo quy định các đơn vị được quyết định bổ sung số lượng xe so với quy định. Tuy nhiên, các đơn vị này sử dụng các nguồn kinh phí được phép sử dụng mà không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe nên không ảnh hưởng đến ngân sách.

- Về xe công suất lớn:

⁴⁶ Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, cơ quan thi hành án dân sự, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam được áp dụng quy định tại Nghị định số 04 để xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung trong trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại NĐ số 72 thấp hơn.

+ Dự thảo dự kiến điều chỉnh từ 01 xe lên 02 xe có mức giá 4.800 triệu đồng/xe đối với 02 thành phố đô thị loại đặc biệt; tuy nhiên, việc điều chỉnh phù hợp với quy mô, vai trò và nhiệm vụ đặc thù của các thành phố này.

+ Dự thảo dự kiến tăng giá xe từ 2.800 triệu đồng/xe lên 3.500 triệu đồng/xe và từ 4.500 triệu đồng/xe lên 4.800 triệu đồng/xe; tuy nhiên, đến nay cơ bản các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện trang bị xe loại này theo quy định tại Nghị định số 153; do đó, nếu có thay thế thì cũng không phát sinh ngay mà phải đảm bảo đủ kiện thanh lý (15 năm) và theo khả năng ngân sách của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị. Ngoài ra, dự thảo dự kiến tăng số lượng đối với loại xe này áp dụng đối với bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố⁴⁷; theo đó sẽ phát sinh khoảng 24 xe (gồm: 08 xe khối Bộ, cơ quan Trung ương và 16 xe khối địa phương) khi thay thế sẽ được trang bị mới theo mức giá 3.500 triệu đồng/xe (thay vì các mức giá hiện hành: 950 triệu đồng/xe hoặc 1.300 triệu đồng/xe hoặc 1.600 triệu đồng/xe). Tuy nhiên, việc thay thế cũng không phát sinh ngay do các xe dự kiến được thay thế phải đảm bảo đủ kiện thanh lý và theo khả năng ngân sách của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) *Đối với trường hợp trang bị xe thân thiện môi trường*: Đối với trường hợp trang bị xe thân thiện môi trường thì tiết kiệm được chi phí xăng xe và góp phần thực hiện bảo vệ môi trường. Mặt khác, việc trang bị xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường thực tế sẽ không thực hiện đồng loạt mà do các Bộ, ngành, địa phương xem xét, xác định trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thị trường cung cấp, địa hình, nhu cầu,...

Nhìn chung, các nội dung sửa đổi, bổ sung có thể làm tăng, giảm ngân sách nhà nước cục bộ, nhưng cơ bản không thay đổi nhiều so với quy định hiện hành.

1.2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định khác

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương là nguồn nhân lực chủ yếu tổ chức thi hành Nghị định này. Do vậy, sau khi Nghị định được ban hành không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy và biên chế.

2. Thời gian trình Chính phủ ban hành Nghị định: Tháng 08/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS. (06)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Tạ Anh Tuấn

⁴⁷ Bộ, cơ quan trung ương có số lượng biên chế lớn (từ 15.000 biên chế trở lên) tối đa không quá 02 xe; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên lớn (trên 9.000 km²) tối đa không quá 01 xe.

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
(ngày 22/7/2026)**NGHỊ ĐỊNH****Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và một số nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; gồm: xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô chuyên dùng; xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng phục vụ công tác của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ các chuyến công tác của các lãnh đạo Đảng tại các địa phương, phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc với lãnh đạo Đảng thì Văn phòng Trung ương Đảng được trang bị xe theo yêu cầu công tác. Số lượng, chủng loại và mức giá do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư.

3. Tiêu chuẩn, định mức và nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội (trừ các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này) theo Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức

vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị của cơ quan, người có thẩm quyền quy định và được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

5. Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước quy định tại Điều 27 Nghị định này) của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị xe ô tô, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo quy định của pháp luật; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

7. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác với mức giá do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

8. Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ (ngoài các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quy định tại khoản 7 Điều này), bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước (bao gồm cơ quan hành chính đặc thù), cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Điều 29 Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô:

Ngoài các trường hợp quy định cụ thể thẩm quyền tại Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô bao gồm:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng.

b) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi là Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng) đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

đ) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Chính phủ.

e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

g) Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với xe ô tô của các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Quốc hội.

h) Tổng Kiểm toán nhà nước đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

i) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương; không bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

k) Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Liên đoàn Lao động cấp tỉnh.

l) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đảng ủy cấp xã.

m) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (trừ Liên đoàn Lao động tỉnh).

n) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với xe ô tô của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

o) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm xe ô tô của Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xe ô tô của cấp xã.

3. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính hoặc cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức; thay thế xe ô tô phục vụ công tác; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

Số lượng, mức giá ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng, mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp, sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp), nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật) để thực hiện việc trang bị cho phù hợp.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh được xác định theo từng chức danh, chức vụ. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn

cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô đó được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác.

Đối với các chức danh, chức vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại các Điều 4, 5, 6, 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này và tại Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Quy định số 368-QĐ/TW), được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ và Danh mục chức danh lãnh đạo các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới (sau đây gọi là Kết luận số 31-KL/TW) thì căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này hoặc tương đương nhóm, bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) để xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung tương ứng.

3. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc (viên chức, người làm việc được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo Đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc được cơ quan, người có thẩm quyền tạm giao theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị trực thuộc được tách riêng để tính tiêu chuẩn, định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số biên chế làm căn cứ để xem xét, hỗ trợ xe ô tô đối với các hội quán chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là số lượng biên chế được cơ quan, người có thẩm quyền giao tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ xe ô tô.

4. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải

được quy định cụ thể khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đồng thời, phải được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Nguyên tắc xác định mức giá xe ô tô:

a) Mức giá xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; phí bảo hiểm. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào mức giá xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Trường hợp trang bị xe ô tô thân thiện môi trường hoặc xe ô tô sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, năng lượng thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là xe ô tô thân thiện môi trường) thì mức giá không quá ($\leq$) 120% mức giá của xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng cùng chủng loại, số chỗ ngồi quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này được xem xét, quyết định mức giá xe ô tô (bao gồm cả mức giá xe ô tô thân thiện môi trường) cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này.

c) Mức giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), đảm bảo giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại không quá ($\leq$) 115% của mức giá tối đa theo quy định tại Nghị định này.

6. Nguyên tắc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô

a) Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh:

Trường hợp thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh thì áp dụng đối với tất cả các công đoạn (không thực hiện khoán riêng từng công đoạn: đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, đi công tác) của từng chức danh và không thực hiện trang bị xe ô tô.

Trường hợp đã trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh thì không thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung:

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô theo quy định tại Nghị định này nhưng không thực hiện trang bị hoặc đã trang bị nhưng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức thì được thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô.

Các đối tượng được sử dụng xe ô tô theo quy định tại Nghị định này đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không được sử dụng xe của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với các công đoạn, chặng đường đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được trang bị xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức thì không thực hiện khoán xe, nếu phát sinh đồng thời nhu cầu sử dụng xe ô tô ở cùng một thời điểm mà số xe ô tô đã trang bị không đáp ứng được thì thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô.

c) Đối với xe ô tô chuyên dùng:

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện trang bị hoặc xe ô tô chuyên dùng hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác thì được thuê dịch vụ xe ô tô.

d) Việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phải phù hợp tính chất công việc và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 30 Nghị định này quyết định việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc áp dụng thuê dịch vụ xe ô tô, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

7. Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này được trang bị, thay thế theo yêu cầu công tác; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Nghị định này; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này.

8. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 7 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý hoặc được xử lý theo các hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Khi hết hạn sử dụng (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn, khấu hao tài sản theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô hoặc hết niên hạn, tần suất sử dụng theo quy định của pháp luật).

b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là đơn vị hành chính cấp xã) là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Quyết định số 40/2025/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (sau đây gọi là xã miền núi, xã đảo, xã đặc

biệt khó khăn) hoặc/và đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp xã là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn; đã sử dụng trên 250.000 km đối với các trường hợp còn lại.

c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa (không tính chi phí thay pin hệ thống động cơ điện - nếu có) lớn hơn 30% nguyên giá của xe ô tô).

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH

Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác (trừ trường hợp có quy định, quyết định khác của cấp có thẩm quyền), không quy định mức giá

1. Tổng Bí thư.
2. Chủ tịch nước.
3. Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội.
4. Thường trực Ban Bí thư.

Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá

Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá

1. Các chức danh tại bậc 1 Nhóm II Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Danh mục chức danh, chức vụ) ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng một xe ô tô có mức giá tối đa là 1.700 triệu đồng/xe.

2. Các chức danh tại bậc 2 Nhóm II Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng một xe ô tô có mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe.

Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá

1. Các chức danh tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng xe ô tô có mức giá tối đa 1.500 triệu đồng/xe.

2. Các chức danh tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng xe ô tô có mức giá tối đa 1.400 triệu đồng/xe.

3. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí để xem xét, quyết định việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô trang bị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3, các khoản 8, 9 và 10 Điều 30 Nghị định này.

Trường hợp tất cả các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

Mục 1

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC SỬ DỤNG XE Ô TÔ

Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có hoạt động đặc thù

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô một cầu, hai cầu; xe ô tô con Pickup, xe ô tô tải Pickup ca bin kép (sau đây gọi là xe bán tải)) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị) không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):

a) Các chức danh từ bậc 8 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) trở lên.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (trừ các chức danh tại điểm a khoản này) được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối

tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Nghị định này.

5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 25 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ: Đăng kiểm, kiểm lâm; phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp; phục vụ người có công, bảo trợ xã hội; công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, phân giới cắm mốc, tuần tra biên giới; điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản; vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý thị trường; phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn); kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực giao thông vận tải; công tác bảo tồn và cứu hộ động, thực vật thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Trường hợp việc trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản này để thực hiện nhiệm vụ của liên ngành thì tiêu chuẩn, định mức được xác định cho cơ quan, tổ chức, đơn vị là cơ quan thường trực.

Mục 2

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 9. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức thuộc khối các văn phòng ở trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam

1. Đối tượng áp dụng

a) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc các cơ quan của Đảng ở trung ương.

b) Văn phòng Đảng ủy các cơ quan Đảng ở trung ương, Văn phòng Đảng ủy Chính phủ, Văn phòng Đảng ủy Quốc hội, Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương.

c) Các cục, vụ, ban và tương đương thuộc, trực thuộc Báo Nhân Dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Tạp chí Cộng sản.

d) Các vụ, viện, học viện và tương đương thuộc, trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đ) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ.

e) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Quốc hội; các Vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; các vụ, cục và tương đương thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước.

g) Các vụ, cục và tương đương thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (không bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ).

2. Tiêu chuẩn, định mức của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

g) Không tính số lượng Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này vào biên chế của các đơn vị thuộc phạm vi quy định tại điểm e khoản 1 Điều này để xác định định mức theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này.

3. Trường hợp cần có số lượng xe cao hơn số xe theo quy định tại khoản 2 Điều này để đảm bảo yêu cầu công tác của các đơn vị quy định tại các điểm a, b, đ, e và g khoản 1 Điều này thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, d, đ, g và i khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 10. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục loại 1 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương

1. Đối tượng áp dụng: Các cục loại 1 và tương đương trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (trừ các cơ quan quy định tại Điều 9 Nghị định này và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quy định tại Điều 29 Nghị định này).

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục loại 1 và tương đương được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này trên cơ sở tổng số lượng biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị ngành dọc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này); trường hợp cục loại 1 và tương đương có đơn vị trực thuộc (trừ các đơn vị ngành dọc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có biên chế từ 20 người trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cục loại 1 và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định như sau:

a) Đơn vị ngành dọc có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe xác định theo điểm c khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

đ) Trường hợp đơn vị ngành dọc có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì xác định tiêu chuẩn, định mức như sau:

Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của các đơn vị ngành dọc để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này;

Cứ mỗi đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì được bổ sung 01 xe vào tiêu chuẩn, định mức của đơn vị ngành dọc.

4. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, đơn vị ngành dọc được bổ sung số lượng xe tối đa vào tiêu chuẩn, định mức như sau:

a) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố:

Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe;

Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe;

Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe.

b) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố:

Cứ mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) thì được bổ sung 01 xe/tỉnh, thành phố;

Trường hợp tổng diện tích tự nhiên của các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn được giao quản lý từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² được bổ sung 01 xe, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² được bổ sung 02 xe, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² được bổ sung 03 xe, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe;

Trường hợp đơn vị ngành dọc có địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe;

Trường hợp đơn vị ngành dọc có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe.

c) Đơn vị ngành dọc đáp ứng tiêu chí nào quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.

Điều 11. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của vụ, cục loại 2 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương không tổ chức theo ngành dọc

1. Đối tượng áp dụng: Các vụ, cục loại 2 và tương đương (gọi chung là đơn vị) thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cơ quan khác ở trung ương (trừ các đơn vị thuộc khối các văn phòng ở trung ương, cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định tại Điều 9 Nghị định này, các Bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc quy định tại Điều 12 Nghị định này và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quy định tại Điều 29 Nghị định này).

2. Tiêu chuẩn, định mức của vụ, cục loại 2 và tương đương được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

3. Trường hợp cục loại 2 và tương đương có đơn vị trực thuộc (trung tâm, chi cục, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng):

a) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục loại 2 và tương đương để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cục loại 2 và tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục loại 2 và tương đương để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cục loại 2 và tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được cộng vào định mức của cục loại 2 và tương đương và được xác định như sau:

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này;

Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc khác còn lại: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị; đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

4. Đối với các vụ, cục loại 2 và tương đương quản lý theo địa bàn địa phương (gọi tắt là Vụ địa bàn) thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) được bổ sung 01 xe, nhưng tổng số xe được bổ sung không quá 03 xe/đơn vị.

Điều 12. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc

1. Đối tượng áp dụng gồm: Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc (bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam).

2. Tiêu chuẩn, định mức được xác định như sau: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các vụ, cục và tương đương (trừ các đơn vị tại khoản 3, khoản 4 Điều này) được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định như sau:

a) Đơn vị ngành dọc có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe xác định theo điểm c khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

đ) Trường hợp đơn vị ngành dọc có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì xác định tiêu chuẩn, định mức như sau:

Không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc này vào biên chế của các đơn vị ngành dọc để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này;

Cứ mỗi đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì được bổ sung 01 xe vào tiêu chuẩn, định mức của đơn vị ngành dọc.

4. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, đơn vị ngành dọc được bổ sung số lượng xe tối đa vào tiêu chuẩn, định mức như sau:

a) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố:

Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe;

Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe;

Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe.

b) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố:

Cứ mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) thì được bổ sung 01 xe/tỉnh, thành phố;

Trường hợp tổng diện tích tự nhiên của các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn được giao quản lý từ 12.000 km² đến dưới 15.000 km² được bổ sung 01 xe, từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² được bổ sung 02 xe, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² được bổ sung 03 xe, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² được bổ sung 04 xe, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe.

Trường hợp đơn vị ngành dọc có địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe;

Trường hợp đơn vị ngành dọc có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe.

c) Đơn vị ngành dọc đáp ứng tiêu chí nào quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.

Điều 13. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các Văn phòng cấp tỉnh

1. Đối tượng áp dụng: Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là Văn phòng cấp tỉnh).

2. Tiêu chuẩn, định mức của Văn phòng cấp tỉnh được xác định như sau:

a) Đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Tối đa 10 xe/Văn phòng.

b) Đối với các tỉnh, thành phố còn lại: Tối đa là 05 xe/Văn phòng; trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên thì được bổ sung số lượng xe như sau: từ 5.000 km² đến dưới 8.000 km² được bổ sung 01 xe; từ 8.000 km² đến dưới 11.000 km² được bổ sung 02 xe; từ 11.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sáp nhập thì được bổ sung 01 xe/Văn phòng.

c) Ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe;

Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe;

Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp Văn phòng đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.

d) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc (trung tâm, chi cục, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng) mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh và được xác định như sau:

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này;

Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc khác còn lại: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

3. Trường hợp Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản 2 Điều này và số xe quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này để phục vụ công tác. Trường hợp tổng số biên chế được giao của các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh từ 20 người trở lên thì được bổ sung 01 xe vào tiêu chuẩn, định mức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Điều 14. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy

1. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị (gọi chung là đơn vị) thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (trừ Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh ủy, thành ủy và Đảng ủy cấp xã).

2. Tiêu chuẩn, định mức được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

3. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy được bổ sung số lượng xe tối đa như sau:

a) Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung 01 xe/đơn vị; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01/đơn vị.

b) Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe/đơn vị.

c) Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe/đơn vị.

d) Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.

Điều 15. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; sở, ban, ngành, cơ quan hành chính đặc thù và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đối tượng áp dụng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không bao gồm Liên đoàn Lao động cấp tỉnh), Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sở, ban, ngành, cơ quan hành chính đặc thù và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (không phải là các đơn vị quy định tại Điều 13 và Điều 17 Nghị định này) (gọi chung là đơn vị cấp tỉnh).

2. Tiêu chuẩn, định mức của đơn vị cấp tỉnh được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

3. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa như quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

4. Trường hợp đơn vị cấp tỉnh có các đơn vị trực thuộc (trung tâm, chi cục, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng):

a) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định này và được cộng vào định mức của đơn vị cấp tỉnh.

Điều 16. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã

1. Đối tượng áp dụng: Đảng ủy cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã.

3. Ngoài số xe quy định tại khoản 2 Điều này, trường hợp cấp xã có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (không bao gồm đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này và được cộng vào định mức sử dụng xe ô tô của cấp xã.

Mục 3

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 17. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố

1. Đối tượng áp dụng: Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập là các đơn vị trực thuộc của Cục loại 1 quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này, của Cục loại 2 quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này, của Văn phòng cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13, của đơn vị cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này, của cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này) (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh).

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 100 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh tại khoản 2 và khoản 3 Điều này có các đơn vị trực thuộc (trung tâm, viện và các đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng) thì việc xác định tiêu chuẩn, định mức như sau:

a) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định như sau:

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này;

Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp (kể cả đơn vị trực thuộc quy định tại khoản 4 Điều này) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền

giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô ngoài số lượng xe quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị mình, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời, báo cáo số lượng xe của đơn vị (bao gồm số lượng xe quyết định bổ sung) với cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

Mục 4

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

Điều 18. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.

2. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án:

a) Xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại) là xe ô tô được trang bị để phục vụ hoạt động của từng dự án cụ thể trong thời gian thực hiện dự án, không tính vào định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Căn cứ vào quy mô, địa bàn hoạt động, đặc điểm và nhu cầu của từng dự án, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm theo quy định sau:

Chỉ trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được trang bị xe ô tô để phục vụ hoạt động của dự án. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sắp xếp, bố trí

trong số xe hiện có để phục vụ hoạt động lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong tổng số xe hiện có để phục vụ hoạt động lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này.

Không thực hiện trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP), trừ trường hợp các dự án lớn được cơ quan, người có thẩm quyền thành lập Ban Quản lý dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Không sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại để mua sắm xe ô tô, trừ trường hợp việc mua xe ô tô đã quy định cụ thể tại hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Đối với dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mà hiệp định hoặc văn kiện dự án đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có quy định việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thì việc mua sắm xe ô tô thực hiện theo quy định của hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động dự án được thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và Điều ước quốc tế.

Mức giá xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án được áp dụng theo mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 19 Nghị định này, trừ trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại đã ký kết có quy định khác. Mức giá xe ô tô làm căn cứ giao, điều chuyển được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 3 Nghị định này. Việc điều chỉnh mức giá khi giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định này.

3. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động theo chương trình, kế hoạch tổng thể liên quan công tác phân giới, cắm mốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ quy mô, địa bàn hoạt động, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động phân giới, cắm mốc theo chương trình, kế hoạch tổng thể liên quan công tác phân giới, cắm mốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Mục 5

MỨC GIÁ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

Điều 19. Mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi, xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi thì mức giá có thể cao hơn nhưng không quá 1.300 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi), không quá 1.600 triệu

đồng/xe (đối với xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại các Điều 9, 11, 12 và 13 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố (gồm: phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; phục vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý, vận chuyển hồ sơ, tài liệu mật và các nhiệm vụ có yêu cầu cơ động, bảo mật cao của các cơ quan Đảng ở Trung ương; phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá được quy định như sau:

a) Mỗi cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe có mức giá tối đa là 4.800 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe; riêng các đô thị loại đặc biệt được trang bị 02 xe có mức giá tối đa là 4.800 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe.

Trường hợp cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương có từ 15.000 đến 20.000 biên chế thì được trang bị thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe; trên 20.000 biên chế thì được trang bị thêm 02 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 9.000 km² thì được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe.

Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định số lượng xe ô tô công suất lớn quy định tại điểm này cho từng Văn phòng cấp tỉnh.

b) Đối với cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe có mức giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe.

Thẩm quyền quyết định số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này như sau: Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (đối với các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng), Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (đối với các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng) (quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư); Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước (quyết định đối với Văn phòng Chủ tịch); Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (quyết định đối với Văn phòng

Chính phủ); Tổng Thư ký Quốc hội- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội (quyết định đối với Văn phòng Quốc hội); Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (quyết định đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (quyết định đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương); Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (quyết định đối với tỉnh ủy, thành ủy).

Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thì thực hiện theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không phải báo cáo lại cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại điểm này; trừ trường hợp cần điều chỉnh số lượng xe ô tô đã được phê duyệt.

Mục 6

PHÂN BỐ (ĐIỀU HÒA) SỐ LƯỢNG, QUYẾT ĐỊNH CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

Điều 20. Các trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Việc phân bổ (điều hòa) số lượng, xe ô tô phục vụ công tác chung không áp dụng đối với:

a) Cơ quan, đơn vị được trang bị xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

b) Đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 17 Nghị định này là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

d) Xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

2. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tại Nghị định này (bao gồm cả số lượng xe bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này).

3. Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này do cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

4. Số lượng, chủng loại xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được ổn định 05 năm bắt đầu từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc. Việc xử lý xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 21. Phạm vi và thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương

1. Đối tượng áp dụng: Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (gọi chung là Bộ, cơ quan trung ương).

2. Phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô (không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này):

a) Phân bổ (điều hòa) giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Phân bổ trong phạm vi cục loại 1 và tương đương.

3. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Người đứng đầu cục loại 1 và tương đương quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô: Cơ quan, người có thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Quyết định chủng loại xe ô tô của các đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

b) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của cục loại 1 và tương đương quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 22. Phạm vi và thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương

1. Phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô (không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này):

a) Phân bổ (điều hòa) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy (không bao gồm: Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đảng ủy cấp xã).

b) Phân bổ (điều hòa) giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã.

2. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô:

a) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô: Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này quyết định chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 23. Nguyên tắc phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô

1. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa) quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Số lượng xe ô tô được phân bổ (điều hòa) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 18 Nghị định này của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó nhưng phải bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ (điều hòa) không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 18 Nghị định này của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa).

Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 21, khoản 3 Điều 22 Nghị định này quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ (điều hòa) xe theo quy định tại khoản 1 Điều này mà có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng và trường hợp cấp xã thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc, Ban thường vụ Đảng ủy xã quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe cho các đơn vị trực thuộc, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, đảm bảo phù hợp với số lượng và cơ cấu chủng loại xe mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) tại khoản 1 Điều này.

3. Số lượng, chủng loại xe sau khi được phân bổ tại khoản 1, khoản 2 Điều này là tiêu chuẩn, định mức về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả đơn vị trực thuộc); được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm, kể từ thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này có văn bản quyết định phân bổ (điều hòa), trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) thực hiện công khai Quyết định phân bổ số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên Cổng thông tin điện tử của mình và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Điều 24. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Phương thức quản lý tập trung: Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý tập trung xe ô tô để phục vụ cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo

nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng tổng biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị (được xác định theo Điều 23 Nghị định này) để thực hiện việc quản lý, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung được quản lý theo phương thức tập trung tại điểm này

b) Phương thức quản lý trực tiếp: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý xe ô tô của các đơn vị trực thuộc cho phù hợp.

c) Kết hợp phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Áp dụng phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) quy định tại Điều 20 Nghị định này thì áp dụng phương thức quản lý trực tiếp. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý xe ô tô của các đơn vị trực thuộc cho phù hợp.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này thì phương thức quản lý xe ô tô do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định; riêng đối với cục loại 1 và tương đương thì người đứng đầu cục loại 1 và tương đương quyết định phương thức quản lý xe ô tô tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Chương IV

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

Điều 25. Danh mục xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm:

a) Xe ô tô cứu thương:

Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định.

Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe).

b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế gồm:

Xe chụp X-quang lưu động.

Xe khám, chữa mắt lưu động.

Xe xét nghiệm lưu động.

Xe phẫu thuật lưu động.

Xe lấy máu.

Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm.

Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm.

Xe xét nghiệm lưu động về lĩnh vực an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định.

c) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế, bao gồm:

Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế.

Xe vận chuyển người bệnh.

Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi.

Xe chở máy phun và hóa chất lưu động.

Xe phục vụ lấy, vận chuyển mô, tạng để phục vụ công tác cấy ghép mô, tạng cho người.

Xe vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần.

Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm.

Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan.

Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm.

Xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng.

Xe chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng.

Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác nghiên cứu, đánh giá kết quả thử nghiệm lâm sàng (theo dõi các phản ứng sau tiêm) và xử lý sự cố tại các điểm tiêm.

d) Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

2. Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải, xe chở huấn luyện viên và chó nghiệp vụ,...).

3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe kiểm định hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch

xe ô tô, xe hộ tống tiền, xe phòng chống thiên tai, xe gắn thiết bị quan trắc môi trường, xe tuần kiểm đường bộ, ...).

4. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ và hạt nhân, gồm:

a) Xe ô tô chở nguồn phóng xạ; xe chở rác thải phóng xạ (đã qua sử dụng). Xe ô tô chở nguồn (rác thải) phóng xạ có kết cấu đặc biệt để đảm bảo an toàn, an ninh phóng xạ trong quá trình hoạt động.

b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực ứng phó sự cố hạt nhân: Xe chở các thiết bị chuyên dùng (thiết bị quan trắc phóng xạ, thiết bị tẩy, khử xạ...); xe chở các thiết bị chiếu xạ.

c) Xe chuyên dụng có các yêu cầu đặc thù riêng hoạt động trong các cơ sở hạt nhân (cơ sở bức xạ).

5. Xe kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa.

6. Xe ô tô tải.

7. Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này:

a) Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

b) Căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị và báo cáo với cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định.

d) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này rà soát để ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

đ) Đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng có yêu cầu phải sử dụng xe ô tô cứu thương để thực hiện nhiệm vụ được giao thì thẩm

quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cứu thương được thực hiện theo quy định tại điểm b, c và d khoản này.

2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 25 Nghị định này:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm b khoản này.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị mình và báo cáo với cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định.

3. Mức giá xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định và được xác định như sau:

a) Trường hợp xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi mức giá (số tiền) trong quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng.

b) Trường hợp không xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi: “Mức giá xe ô tô chuyên dùng phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng” trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trên Cổng thông tin điện tử của mình và của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Chương V

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ LỄ TÂN NHÀ NƯỚC

Điều 27. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi là xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước):

a) Nhóm 1: Xe phục vụ Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Đại sứ nước ngoài (khi trình Quốc thư): Tối đa 04 xe.

b) Nhóm 2: Xe phục vụ Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao hoặc tương đương, phu nhân hoặc phu quân của Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ: Tối đa 18 xe.

c) Nhóm 3: Xe phục vụ các Bộ trưởng khác, đoàn viên Đoàn cấp cao, Đoàn viên các Đoàn cấp Phó Nguyên thủ Quốc gia, thành viên Hoàng gia (Hoàng tử, Thái tử, Công chúa,...), Chủ tịch Đảng cầm quyền,... các Đoàn khách mời mang

tính chất Nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và phục vụ cán bộ Việt Nam tham gia đón đoàn: Tối đa 37 xe.

d) Nhóm 4: Xe chở hành lý cho các Đoàn khách quốc tế đến thăm chính thức nước ta và các Đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đi thăm các nước: Tối đa 03 xe.

2. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được trang bị và giao Bộ Ngoại giao quản lý, sử dụng để phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể chủng loại, mức giá xe ô tô của từng nhóm xe quy định tại khoản 1 Điều này khi mua sắm, trang bị đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của đất nước từng thời kỳ.

Điều 28. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Điều kiện thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước:

a) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế khi đã đưa vào sử dụng quá 10 năm hoặc đã vận hành trên 150.000 km.

b) Xe ô tô không thuộc quy định tại điểm a khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá).

2. Xe ô tô chưa đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này mà cần thay thế để đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc thay thế.

3. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (cũ) khi được thay thế, Bộ Ngoại giao xử lý như sau:

a) Điều chuyển giữa các nhóm (chuyển từ Nhóm 1 xuống Nhóm 2 hoặc Nhóm 3, chuyển từ Nhóm 2 xuống Nhóm 3); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành quyết định điều chuyển xe ô tô giữa các nhóm để tiếp tục sử dụng phục vụ lễ tân nhà nước.

b) Xử lý theo các hình thức khác theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Chương VI

XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CỦA CÁC HỘI QUÂN CHÚNG DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ

Điều 29. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Các hội quần chúng tự đảm bảo xe ô tô phục vụ hoạt động bằng kinh phí của hội theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

2. Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô phục vụ hoạt động theo quy định tại khoản này nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về tổ

chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan như sau:

a) Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh:

Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

Chức danh lãnh đạo của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung:

Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô quy định tại điểm a khoản này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này thì tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe. Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này. Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ.

Chương VII

KHOÁN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ THUÊ DỊCH VỤ XE Ô TÔ

Điều 30. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

b) Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này.

2. Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác: Áp dụng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Đi công tác: Áp dụng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Hình thức và mức khoán kinh phí:

a) Hình thức khoán theo km thực tế:

Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán.

Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở tổng số km thực tế của các chặng đường (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng lần đi công tác và đơn giá khoán.

b) Hình thức khoán gọn:

Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hằng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho các chức danh.

Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hằng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn giá khoán.

4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển (đồng/km) của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

5. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hằng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong trường hợp đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

6. Trường hợp tất cả các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không thực hiện trang bị xe ô tô. Trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

7. Căn cứ quy định tại Nghị định này và điều kiện thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định:

a) Việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

b) Hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng. Trong đó, các đối tượng thực hiện khoán tại đơn vị mới thành lập hoặc mới sáp nhập, hợp nhất áp dụng khoán theo km thực tế quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 8, điểm a khoản 9 Điều này.

c) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ.

Riêng đối với các đối tượng áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã: Ban Thường vụ Đảng ủy xã quyết định việc áp dụng, đối tượng, hình thức và công đoạn thực hiện, đơn giá và mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Quy chế làm việc của Đảng ủy xã.

8. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại:

a) Hình thức khoán theo km thực tế:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức khoán} & & \text{Số km từ nơi ở} & & \text{Số ngày làm} & & \text{Đơn giá} \\ (\text{đồng/tháng}) & = & \text{đến cơ quan và} & \times & \text{việc thực tế} & \times & \text{khoán} \\ & & \text{ngược lại} & & \text{trong tháng} & & (\text{đồng/km}) \\ & & (\text{km}) & & (\text{ngày}) & & \end{array}$$

Trong đó:

Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán;

Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh).

b) Hình thức khoán gọn:

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, khoảng cách từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của các chức danh nhận khoán, được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức khoán} & & \text{Số km bình quân} & & \text{Số ngày đưa đón} & & \text{Đơn giá} \\ (\text{đồng/tháng}) & = & \text{từ nơi ở đến cơ} & \times & \text{bình quân} & \times & \text{khoán} \\ & & \text{quan và ngược lại} & & \text{hằng tháng} & & (\text{đồng/km}) \\ & & (\text{km}) & & (\text{ngày}) & & \end{array}$$

Trong đó:

Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8

chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh).

Số ngày đưa đón bình quân hằng tháng (ngày/tháng): 22 ngày.

9. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác:

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (khoán khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố; khoán đi công tác trên địa bàn của xã,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau:

a) Hình thức khoán theo km thực tế:

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đoạn đi công tác trong trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)}}{\text{Đơn giá khoán (đồng/km)}} \times$$

Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

b) Hình thức khoán gọn:

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Mức khoán được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Số km đi công tác bình quân hằng tháng (km)}}{\text{Đơn giá khoán (đồng/km)}} \times$$

Trong đó: Số km đi công tác bình quân hằng tháng được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh).

10. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này quyết định thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô có trách nhiệm:

a) Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán; xác định số km bình quân từ nơi

ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hằng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại khoản 8 Điều này.

b) Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hằng tháng của chức danh áp dụng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.

Điều 31. Thuê dịch vụ xe ô tô

Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển (đồng/km) của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

Chương VIII SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ

Điều 32. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của tất cả cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới đi vào hoạt động.

2. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) thực hiện phân bổ (điều hòa) lại số lượng, chủng loại xe ô tô được sử dụng của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe quyết định thay đổi phương thức quản lý xe ô tô mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 33. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng

1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe

ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 26 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo các quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành như sau:

a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 25 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp với quy định tại Nghị định này thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản thay thế. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động bằng văn bản và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền phải quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới đi vào hoạt động. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau:

Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới. Trường hợp điều chuyển trong phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thanh lý xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp sau khi thực hiện sắp xếp, xử lý mà còn thiếu xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện việc giao, điều chuyển mua mới xe ô tô theo quy định của pháp luật.

Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 25 Nghị định này được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được cơ quan, người có thẩm quyền thông báo hoặc ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý như sau:

a) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng.

b) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này nhưng có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển đổi công năng sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan.

Việc thực hiện xử lý xe ô tô chuyên dùng không phù hợp tiêu chuẩn, định mức phải hoàn thành chậm nhất 12 tháng, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này. Trường hợp xe chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì thời điểm 12 tháng được tính từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng có văn bản thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Xử lý chuyển tiếp

1. Các chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này đã được trang bị xe ô tô chức danh thì tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị, trừ trường hợp xe ô tô được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 23 Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.

3. Đối với các chức danh đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà theo quy định tại Nghị định này không còn thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh đã được trang bị đến hết thời hạn bổ nhiệm của chức vụ đang giữ tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Hết thời hạn bổ nhiệm, việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

4. Xe ô tô phục vụ công tác chung đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số xe ô tô phục vụ các chức danh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng nay chức danh đó không thuộc danh mục chức danh được sử dụng xe ô tô chức danh và xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả trường hợp mức giá trước đây cao hơn mức giá tối đa quy định tại Nghị định này) thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo số lượng phù hợp với quy định tại Nghị định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) thì xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới đi vào hoạt động.

5. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận sáp nhập, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hình thành sau khi hợp nhất có số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn cao hơn số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này do được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi sắp xếp thì được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn hiện có để phục vụ công tác.

Trường hợp sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp xã theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì các xã được hình thành sau khi hợp nhất được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có của các xã trước khi sáp nhập, hợp nhất để phục vụ công tác, bao gồm cả trường hợp số xe hiện có của các xã sau khi sáp nhập cao hơn số xe theo tiêu chuẩn, định mức được phân bổ (điều hòa).

Khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này hoặc thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xử lý xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại Nghị định này.

6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đã trang bị theo quy định

về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định số lượng xe đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo không vượt tổng số lượng xe ô tô đã trang bị. Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) quyết định phân bổ số lượng xe giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này.

7. Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP mà tổng số lượng xe đã phân bổ (điều hòa) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý không vượt quá tổng số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Nghị định này và không thuộc trường hợp cần phân bổ lại theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thì được ổn định số lượng, chủng loại xe 05 năm, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ). Cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng theo số lượng, chủng loại xe đã được phân bổ (điều hòa).

Trường hợp chưa có quyết định về chủng loại xe thì phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này trước khi trang bị chủng loại xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi.

8. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Đoàn đại biểu Quốc hội và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn, định mức đã ban hành cho đến khi có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.

9. Trường hợp Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước đã ban hành theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP và vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định đó cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

10. Xe ô tô đã được phê duyệt chủ trương mua sắm hoặc đang thực hiện thủ tục mua sắm trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp với tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này thì tiếp tục thực hiện thủ tục mua sắm theo chủ trương đã được phê duyệt.

11. Trường hợp xe ô tô đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục xử lý theo quy định; các trường hợp còn lại thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô đang quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định này.

12. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định này đã được mua sắm từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và bố trí sử dụng theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 35. Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, **người đứng đầu** cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết. Các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương là đơn vị dự toán cấp I cũng phải thực hiện theo quy định này.

Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

b) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này; bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có chức năng thanh tra có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các doanh nghiệp nhà nước và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Văn Thắng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ
(thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-BTC ngày/...../2026 của Bộ Tài chính)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định TCĐM sử dụng xe ô tô và có các văn bản¹ gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương và đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của đối tượng chịu tác động trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của **110 đơn vị** (gồm: 28 Bộ, CQTW, 34 địa phương, 24 Tập đoàn, Tổng công ty, 23 Hội và 01 ý kiến của công dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ tại Công văn số 332/TTĐT-BĐTCP ngày 30/6/2026)²; trong đó:

- 50 đơn vị thống nhất hoàn toàn với nội dung dự thảo (gồm: 04 Bộ, CQTW, 12 địa phương, 19 Tập đoàn, Tổng công ty, 15 Hội)³.
 - 57 đơn vị cơ bản thống nhất với dự thảo và có ý kiến tham gia cụ thể (gồm: 24 Bộ, CQTW, 22 địa phương, 03 Tập đoàn, Tổng công ty, 07 Hội và 01 ý kiến của công dân)⁴.
 - 03 đơn vị không có ý kiến tham gia (Ngân hàng Phát triển VN, Hội Cựu Công an nhân dân, Tập đoàn Bảo Việt).
- Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

¹ Công văn số 8287/BTC-QLCS ngày 17/6/2026 (đôn đốc tại Công văn số 8982/BTC-QLCS ngày 29/6/2026), Công văn số 8288/BTC-QLCS ngày 17/6/2026.

² Các đơn vị chưa có ý kiến tham gia, gồm: **VPCP**, Bộ GD&ĐT, Bộ VH&TT&DL, ĐHQG Hà Nội; TĐ Xăng dầu VN, TCT Xi măng VN, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp; Bảo hiểm Tiền gửi VN; VCCI, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Mỹ thuật Việt Nam.

³ Gồm: Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện HL KHXHVN; Thành phố Huế; tỉnh: Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Vĩnh Long, Cà Mau, Lâm Đồng, Đắk Lắk; Tập đoàn: Công nghiệp cao su VN, Công nghiệp-năng lượng Quốc gia VN, Hóa chất VN, VNPT, EVN, Dệt may VN; Tổng công ty: Lương thực Miền nam, Hàng hải VN, Cà phê VN, Thép VN, ĐT&KD vốn NN, Lâm nghiệp, Lương thực miền Bắc, Đường sắt VN, Bưu điện VN, Thuốc lá VN, Giấy VN, Hàng không VN; Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam; Liên hiệp các: Hội KH&KT VN, Hội VHNTVN; các Hội: VHNT các Dân tộc thiểu số VN, Điện ảnh VN, Khoa học lịch sử VN, Nạn nhân chất độc da cam/dioxin VN, Nhà báo VN, Nhạc sỹ VN, Văn học nghệ thuật dân gian VN, Đông y VN, Nghệ sĩ nhiếp ảnh VN, Nghệ sỹ múa VN, Người cao tuổi VN; Tổng hội y học VN.

⁴ Gồm: VPQH, HVCTQGHCN, TTCP, KTTN, Bộ Y tế, Bộ KH&CN, TTXVN, Đài TNVN, Đài THVN, Viện HLKH&CNVN, Bộ DT&TG, Bộ XD, NHNNVN, Bộ Công Thương; TP HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai; tỉnh: Tuyên Quang, Điện Biên, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Tây Ninh, Quảng Ngãi, Gia Lai, Khánh Hòa; Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, MOBIFONE, TCT Công nghiệp tàu thủy VN; LMHTXVN, Hội Kiến trúc sư VN, Hội Cựu TNXP VN, LH các TCHNVN, Hội Chữ thập đỏ VN, Hội Luật gia VN, LB Luật sư VN; 01 ý kiến công dân.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I-VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC			
	<i>Bộ: Nội vụ, Ngoại giao, Tư pháp, DT&TG,</i>	- Rà soát, hoàn thiện Hồ sơ bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Luật BHVBQPPL (như bổ sung nội dung đánh giá về: Thủ tục hành chính; Bảo đảm an ninh, quốc phòng; Tính tương thích với các điều ước quốc tế; Đối mới sáng tạo), bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan, cam kết quốc tế, phù hợp quan điểm, đường lối, chủ trương, quy định của Đảng, chính sách của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Quy định số 178-QĐ/TW của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. - Về nội dung phân quyền, phân cấp, đề nghị tiếp tục rà soát nội dung này bảo đảm phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - Về nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định, tại Tờ trình nêu việc tổ chức thi hành Nghị định là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, đề nghị đánh giá kỹ, đầy đủ nguồn nhân lực, điều kiện này nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả cho việc thi hành Nghị định sau khi được thông qua. - Rà soát, chỉnh lý dự thảo để đảm bảo kỹ thuật soạn thảo theo đúng quy định của Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). <i>Ví dụ: một số điều tại dự thảo Nghị định có nội dung dài 3-4 trang như Điều 3, Điều 30, cần cân nhắc viết ngắn gọn và mang tính quy phạm pháp luật hơn hoặc tách thành các điều có nội dung cụ thể.</i> - Qua rà soát, Bộ Ngoại giao chưa phát hiện vấn đề về tính tương thích đối với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên tại dự thảo Nghị định. <i>(Bộ Ngoại giao)</i>	Tiếp thu , hoàn thiện rà soát hồ sơ, quy định về phân cấp, phân quyền tại dự thảo, kỹ thuật trình bày.
II - Về bảng so sánh, thuyết minh	Đài THVN	Số thứ tự 7.2: Đề nghị sửa “ 1.550 triệu đồng ” thành “ 1.600 triệu đồng ” để phù hợp với định mức của chức danh bậc 1 Nhóm II Quy định số 368 tại dự thảo Nghị định.	Tiếp thu , hoàn thiện bảng so sánh, thuyết minh.
III- VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ			
Cơ sở thực tiễn	Bộ Tài chính	(1) Bổ sung: đánh giá cụ thể số lượng chức danh bị tác động do thay đổi theo QĐ368 và KL31; trong đó làm rõ: (i) SL chức danh được nâng nhóm	(1) Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiêu chuẩn; (ii) SL chức danh thay đổi tiêu chuẩn; (iii) SL xe hiện có có thể tiếp tục bố trí sử dụng; (iv) Nhu cầu mua sắm bổ sung (nếu có), nhu cầu điều chuyển, xử lý xe dôi dư; (v) Tác động dự kiến đến kinh phí mua sắm, kinh phí vận hành hàng năm, và khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, làm căn cứ đề xuất chính sách sửa đổi, bổ sung, lựa chọn phương án quy định đối tượng sử dụng xe chức danh phù hợp và bảo đảm có cơ sở thực tiễn. Trên cơ sở đó làm căn cứ lựa chọn và đánh giá tính khả thi của chính sách, phục vụ việc xem xét, quyết định của cấp có thẩm quyền. (2) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo hướng tập trung làm rõ các nhóm chính sách sửa đổi lớn so với quy định hiện hành, tác động thực tiễn và tác động ngân sách; hạn chế viện dẫn hoặc diễn giải trùng lặp để bảo đảm Tờ trình ngắn gọn, súc tích, thuận lợi trong quá trình xem xét, thẩm định.	(2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
III- VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH			
Về tên dự thảo Nghị định	Bộ Tư pháp	Luật QLSDTSC quy định: “TCĐM sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là các quy định về chủng loại, số lượng, mức giá, đối tượng được sử dụng do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành” (khoản 1 Điều 24). Qua rà soát, nội dung dự thảo Nghị định ngoài quy định về TCĐM sử dụng xe ô tô còn quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô; sắp xếp lại, xử lý xe ô tô. Do đó, cần cân nhắc về tên của dự thảo Nghị định, đảm bảo bao quát hết nội dung của văn bản.	Giải trình, tiếp thu: Khoản 1 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định TCĐM sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là các quy định về chủng loại, số lượng, mức giá và đối tượng được sử dụng do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định quy định về TCĐM sử dụng xe ô tô; đồng thời quy định một số nội dung liên quan nhằm bảo đảm việc áp dụng, tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả các quy định về TCĐM sử dụng xe ô tô, như khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô, điều hòa, sắp xếp lại, xử lý xe ô tô. Các nội dung này không phải là các chính sách độc lập mà là các cơ chế để thực hiện, điều chỉnh và xử lý trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị cho giữ tên gọi của dự

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thảo Nghị định “ <i>Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô</i> ” để đảm bảo tính kế thừa, ngắn gọn; đồng thời, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính chỉnh lý phạm vi điều chỉnh Nghị định như sau: <i>Nghị định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và một số nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; gồm: xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô chuyên dùng; xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.</i>
Về căn cứ ban hành	<i>Bộ Công Thương</i>	Đề nghị rà soát, bổ sung căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương vào căn cứ ban hành Nghị định để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý.	Giải trình: Tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định: “Điều 62. Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật ...Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”. - Văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản (Chính phủ) là Luật Tổ chức chính phủ. - Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản là Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, dự thảo đã quy định đầy đủ căn cứ ban hành.
Tham gia chung về Nghị định	<i>Hội Luật gia VN</i>	Rà soát kỹ thuật soạn thảo, bảo đảm việc dẫn chiếu giữa dự thảo Nghị định với Quy định số 368-QĐ/TW và các văn bản có liên quan được chính xác, thống nhất.	Tiếp thu, rà soát để hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh			
1. Nghị định này quy định về TCDM sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô; gồm: a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh. b) Xe ô tô phục vụ công tác chung. c) Xe ô tô chuyên dùng. d) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.	Bộ Tư pháp	Luật QLSDTSC phân định thẩm quyền cho Chính phủ quy định TCDM sử dụng xe ô tô (điểm b khoản 1 Điều 26); giao Chính phủ quy định chi tiết: “ <i>đối tượng, phương pháp xác định mức khoán và việc thanh toán kinh phí khoán sử dụng tài sản công</i> ” (khoản 3 Điều 3 - qua trao đổi là khoản 3 Điều 13); “ <i>xử lý tài sản công;...sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị bảo đảm đúng mục đích, TCDM</i> ”. Như vậy, Chính phủ ban hành dự thảo Nghị định để thực hiện thẩm quyền được Quốc hội giao và quy định nội dung chi tiết tại Luật QLSDTSC. Do đó, quy định về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định cần tuân thủ quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187) ⁵ .	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
5. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác với mức giá do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ,	Khánh Hòa, TCT Mobifone, TCT Tàu thủy VN	- Tỉnh Khánh Hòa: Bổ sung thêm nội dung sau: “ <i>Đối với các Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập thì việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý sử dụng và xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, không thực hiện theo quy định tại Nghị định này</i> ”. - TCT Mobifone: Bỏ cụm từ “do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập”. Lý do: NĐ 72, NĐ 153 áp dụng đối với đối tượng là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do đó, việc dự thảo chỉ quy định Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định là chưa bao quát đầy đủ các DNNN thuộc đối tượng điều chỉnh của NĐ 72; đồng thời chưa rõ quy định đối với DNNN do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập. - TCT Tàu thủy VN: Bổ sung nhóm chức danh của tổng công ty nhà nước <u>do Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập</u> ”	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	TĐ Than-Khoáng sản VN	Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 hiện chỉ quy định nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước, <u>mua sắm</u>	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

⁵ Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản

1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản.

2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.

3. Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
quyền hạn của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.		<u>TSCĐ</u> của doanh nghiệp, chưa có quy định cụ thể về TCĐM, số lượng, mức khoán kinh phí... đối với xe ô tô phục vụ công tác. Do đó, để đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai, đề nghị sửa như sau: “ <i>Việc mua sắm... do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo phù hợp với được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp</i> ”	
	Mobifone	Thay thế cụm từ “mức giá” thành “TCĐM”. Lý do: Cụm từ “TCĐM” bảo đảm thống nhất với thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo Nghị định và bao quát đầy đủ các nội dung quản lý, sử dụng xe ô tô, không chỉ giới hạn ở yếu tố giá trị hoặc mức giá.	Giải trình: TCĐM sử dụng tài sản công là các quy định về chủng loại, số lượng, mức giá, đối tượng được sử dụng; tại dự thảo quy định cụ thể đối tượng (chức danh) được sử dụng xe chức danh của Tổng công ty, tập đoàn, về mức giá do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định.
	Bộ Công Thương	Quy định này chưa phù hợp với K2 Đ98 Luật QLSDTSC, do đó đề nghị rà soát theo hướng giao CP quy định TCĐM trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo doanh nghiệp để phù hợp với nguyên tắc phân công, phân cấp và các VBQPPL hiện hành	
Điều 2. Đối tượng áp dụng			
1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Điều 29 Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị). b) Cơ quan, người có thẩm quyền về TCĐM sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này. c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng TCĐM sử dụng xe ô tô. 2. Cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức gồm: a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng	Hưng Yên	Tiêu đề khoản 2: Đề nghị thêm cụm từ in đậm như sau: “2. Cơ quan, người có thẩm quyền về TCĐM sử dụng xe ô tô, gồm:...”	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	Tỉnh ủy Khánh Hòa; Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lạng Sơn	Điều 2 có tiêu đề là “Đối tượng áp dụng”, tuy nhiên khoản 2 Điều này lại quy định về cơ quan, người có thẩm quyền quyết định TCĐM sử dụng xe ô tô. Đề nghị: (1) tách nội dung quy định tại khoản 2 thành một điều riêng hoặc điều chỉnh tiêu đề Điều 2 cho phù hợp; (2) điều chỉnh điểm b thành “Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định về TCĐM sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này”.	Giải trình, tiếp thu: Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 dự thảo cũng là đối tượng áp dụng của dự thảo; ngoài thẩm quyền quyết định về TCĐM thì còn có thẩm quyền quyết định về: bố trí sử dụng kết hợp xe ô tô chuyên dùng để phục vụ công tác chung, việc khoán kinh phí, trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án,...
	TP HCM	Bổ sung thêm đối tượng là “cơ quan hành chính đặc thù” thuộc UBND thành phố (Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại TP HCM và Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại TP Đà Nẵng) (theo Nghị định số 323/2025/NĐ-CP)	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	VPTW Đảng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định: “a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương”. là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng”. Lý do: Để đảm bảo thống nhất, đầy đủ các đối tượng áp dụng để xác định TCĐM xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định và phù hợp với quy định tại	Giải trình, tiếp thu: Chánh VPTW Đảng quyết định đối với đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng (bao gồm các đơn vị thuộc, trực thuộc các đơn vị này). Về TCĐM các đơn vị thuộc, trực

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Trung ương Đảng. b) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. c) Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (sau đây gọi là Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng). d) Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. đ) Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Quốc hội. e) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Chính phủ. g) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương; không bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương. h) Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Liên đoàn lao động cấp tỉnh. i) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương đối với xe ô		khoản 1 Điều 5 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.	thuộc các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, sau khi tiếp thu, đã được quy định cụ thể tại Điều 9 dự thảo.
	VPQH	Đề nghị sửa lại điểm d như sau: <u>"Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với xe ô tô của các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Quốc hội."</u> <i>Lý do:</i> Việc sửa đổi nhằm bảo đảm thống nhất với chức danh "Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm VPQH" theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội; đồng thời phù hợp với mô hình tổ chức của Quốc hội theo Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 và Nghị quyết số 74/2025/UBTVQH15. Quy định theo hướng này cũng bảo đảm thống nhất với thẩm quyền của VPQH trong việc quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động và quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động của các cơ quan của Quốc hội, VPQH và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
	UBTWMTT QVN	Đề nghị gộp điểm g và điểm h khoản 2 Điều 2 như sau: <u>"g. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định hoặc ủy quyền quyết định đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương)"</u> . <i>Lý do:</i> (i) theo Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị thì các tổ chức chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) trực thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQVN; <u>không phải là các Cơ quan độc lập</u> ; (ii) theo Kết luận số 230- KL/TW ngày 05/01/2026, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết các vấn đề về nhà, đất, tài chính và tài sản của các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.	Giải trình: Tại Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 về thi hành Điều lệ Đảng quy định: <u>"18. Điều 14 (Khoản 1): Lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy 18.3. Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các cơ quan Trung ương của đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam); các cơ quan Trung ương của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (nếu có) trực thuộc Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan nêu trên ở địa phương (nếu có): Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên</u>

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. k) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm Đảng ủy cấp xã. l) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. m) Thường trực Hội đồng nhân dân đối với xe ô tô của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. n) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm xe ô tô của Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xe ô tô của cấp xã.			<i>chế thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.</i>"; do đó, dự thảo quy định đảm bảo phù hợp với quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Đảng.
	Hưng Yên	- Tại các điểm k, l, m và n: Nghiên cứu giao một đầu mối thống nhất quyết định (Chủ tịch UBND cấp tỉnh) TCĐM sử dụng xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, thay vì phân tách thẩm quyền cho nhiều chủ thể như dự thảo quy định để bảo đảm đồng bộ, thuận lợi trong tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công. <i>Lý do:</i> Việc xác định TCĐM và phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô PVCTC cần được xem xét trên cơ sở tổng thể nhu cầu sử dụng, số lượng xe hiện có và khả năng điều hòa, phân bổ xe trong phạm vi toàn tỉnh. Trường hợp phân tách thẩm quyền sẽ gây khó khăn trong công tác điều hòa, sắp xếp xe ô tô; có thể làm tăng thủ tục hành chính; đồng thời làm giảm tính chủ động trong việc khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực xe ô tô hiện có trên địa bàn. Bên cạnh đó, <u>ở cấp xã nhiều chức năng, nhiệm vụ được tổ chức thực hiện theo hướng sử dụng chung phương tiện. Nhu cầu sử dụng xe ô tô của Đảng ủy, HĐND, UBND và UBNDTTQVN cấp xã có mối liên hệ chặt chẽ, khó tách bạch trong quá trình quản lý và sử dụng.</u> Trong trường hợp giao một đầu mối thống nhất quyết định TCĐM thì đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về thẩm quyền giao, điều hòa, điều chuyển, thu hồi và xử lý xe ô tô để bảo đảm thống nhất giữa thẩm quyền quyết định và trách nhiệm tổ chức thực hiện.	Giải trình: (i) Quy định tại dự thảo đảm bảo: - Thống nhất với thẩm quyền đối với quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam quy định tại Nghị định số 52. - Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025: "<i>2. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân</i>" + Tăng cường phân cấp, phân quyền. (ii) Đối với cấp xã thì dự thảo quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định các vấn đề tại dự thảo (như: phân bổ (điều hòa), TCĐM xe ô tô chuyên dùng,...); trừ trường hợp áp dụng khoản thì quy định Ban Thường vụ Đảng ủy xã quyết định việc áp dụng, đối tượng, hình thức và công đoạn thực hiện, đơn giá và mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Quy chế làm việc của Đảng ủy xã.
	LMHTXVN	Đề nghị bổ sung " <i>Chủ tịch các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương</i> "	Giải trình: Dự thảo quy định thẩm quyền về TCĐM cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhà nước đảm

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			bảo cơ sở vật chất. Hội thuộc đối tượng xem xét, hỗ trợ tài sản theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ⁶ ; theo đó, thẩm quyền quyết định, việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.
	KTNN	Bổ sung điểm d: “ <i>Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Quốc hội; Tổng Kiểm toán nhà nước đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i> ”.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
	Tuyên Quang	Tại điểm 1 khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “ <i>l) Ban Thường trực UBMTTQVN cấp tỉnh đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i> ”. Đề nghị bổ sung “... <i>các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bao gồm các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh (trừ Liên đoàn Lao động tỉnh)</i> ” để bảo đảm xác định rõ cơ quan, người có thẩm quyền quy định TCĐM xe ô tô PVCTC đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và một số hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã được trang bị xe ô tô PVCTC.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
	NHNN, Thái Nguyên, Cần Thơ, Khánh Hòa, Đồng Tháp	Đề nghị bổ sung đối tượng được quyết định TCĐM xe ô tô là ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (để đảm bảo tính thống nhất với khoản 4 Điều 17, Điều 20, Điều 26 của dự thảo Nghị định)	Tiếp thu , theo hướng loại trừ các trường hợp tại dự thảo đã quy định thẩm quyền cụ thể (trong đó có ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).
	Dà Nẵng, Quảng Ninh, Lâm Đồng, Tỉnh ủy Hưng Yên	(i) Sửa điểm k khoản 1 Điều 2 như sau: “Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm Đảng ủy UBND cấp tỉnh , Đảng ủy cấp xã” để cụ thể rõ đối tượng không thuộc thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn định mức của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy và phù hợp với khoản 5 Điều 2 Nghị định số	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo sửa thành cụm từ “ <i>Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> ”

⁶ Tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định:

“**Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với hội**

1. Khuyến khích, tạo điều kiện để các hội tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ, tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, dự án, đề tài, đề án và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này giao.”.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		52/2026/NĐ-CP là “ <i>Đảng ủy UBND tỉnh</i> ”; tương tự ủa đổi khoản 1 Điều 15 dự thảo; (ii) Sửa điểm a khoản 2 Điều 22 “ <i>Văn phòng Đảng ủy UBND cấp tỉnh</i> ” thành “ <i>Cơ quan Đảng ủy UBND cấp tỉnh</i> ” để phù hợp với Quy định số 260-QĐ/TW ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư (Văn phòng Đảng ủy UBND cấp tỉnh chỉ là cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy UBND cấp tỉnh).	
	<i>Tỉnh ủy Lai Châu</i>	Đề nghị nghiên cứu phân cấp thẩm quyền từ Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy xuống <u>thường trực tỉnh ủy, thành ủy</u> . <i>Lý do:</i> để đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời, sát sao trong chỉ đạo điều hành công việc thường xuyên của cấp ủy và tương đồng với thẩm quyền đang dự kiến sửa đổi từ UBND tỉnh xuống Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Giải trình: Theo quy định tại Điều 3 Quy chế làm việc mẫu của tỉnh ủy, thành ủy Ban hành kèm theo Quyết định số 330-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của BCHTW ⁷ thì trong số nhiệm vụ (công việc) mà Ban thường vụ ủy quyền cho thường trực tỉnh ủy, thành ủy giải quyết không

⁷ “**Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thường trực tỉnh ủy**

Thường trực tỉnh ủy gồm bí thư và các phó bí thư, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chỉ đạo giải quyết những công việc hàng ngày của đảng bộ, những vấn đề đột xuất nảy sinh giữa hai kỳ họp của ban thường vụ

2. Giúp ban thường vụ tỉnh ủy chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức thực hiện quy chế làm việc, chương trình làm việc toàn khoá và hằng năm, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của tỉnh ủy; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc hằng năm, 6 tháng, hằng quý, hằng tháng của ban thường vụ và chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của ban thường vụ;

3. Chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, viện kiểm sát nhân dân, toà án nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quán triệt, cụ thể hoá và chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của cấp ủy địa phương. Chỉ đạo chuẩn bị việc chất vấn tại hội nghị ban chấp hành đảng bộ tỉnh theo quy định. Chỉ đạo chuẩn bị tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm theo quy định của Đảng và Quốc hội.

4. Thay mặt ban thường vụ giải quyết những công việc theo sự chỉ đạo của Trung ương, theo quy chế làm việc của tỉnh ủy và những công việc được ban thường vụ ủy quyền.

Những công việc ban thường vụ ủy quyền cho tập thể thường trực tỉnh ủy giải quyết gồm:

a) Về tổ chức, cán bộ.....

b) Về công tác nội chính, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.....

c) Về kinh tế - xã hội

- Cho ý kiến về chủ trương đầu tư một số dự án quan trọng theo quy định của ban thường vụ để ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (theo mức vốn đầu tư hoặc quy mô sử dụng đất, có ảnh hưởng sâu rộng đến quyền lợi, tư tưởng của nhiều đối tượng xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại... trên địa bàn) phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi địa phương.

- Cho ý kiến về chủ trương sử dụng các khoản chi từ nguồn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, thành phố bạn, các tổ chức trong và ngoài nước cho các nhu cầu phòng, chống thiên tai, cứu trợ khẩn cấp... (trừ những trường hợp thiên tai, cứu trợ đặc biệt khẩn cấp, không có điều kiện họp được thường trực tỉnh ủy, do chủ tịch UBND quyết định, sau đó báo cáo lại thường trực tỉnh ủy).

Những công việc được ủy quyền nêu trên, nếu có vấn đề phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì thường trực tỉnh ủy xin ý kiến ban thường vụ trước khi quyết định.

Trong phạm vi được ủy quyền, các ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh ủy có hiệu lực thực hiện như quyết định của ban thường vụ và phải báo cáo ban thường vụ trong phiên họp gần nhất.”

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			bao gồm nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy.
	Điện Biên, Quảng Trị, Ninh Bình, Tỉnh ủy Hưng Yên	(1) Đề nghị bổ sung đối tượng “<i>Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>” cũng thuộc đối tượng được Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định về TCĐM quy định tại điểm k khoản 2 Điều 2 mà không thuộc đối tượng được Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định tại điểm n khoản 2 Điều 2. (<i>Lý do: Theo Quy định số 260-QĐ/TW ngày 24/01/2025: “Đảng ủy UBND tỉnh là cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương ...; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy; ...”</i>; Căn cứ khoản 5 Điều 2, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 52: Tài sản tại Đảng ủy UBND cấp tỉnh được theo dõi, hạch toán và quản lý theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Kế thừa quy định tại Nghị định số 72, Nghị định số 153). (2) Ngoài ra Ninh Bình đề nghị chuyển thẩm quyền từ Chủ tịch UBND về UBND: Đảm bảo tính tập thể trong việc phân bổ số lượng xe. (3) Bỏ TCĐM của Đảng ủy cấp xã. (Điện Biên). <i>Lý do:</i> Đồng thời đối với TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cấp xã đối tượng áp dụng bao gồm Đảng ủy cấp xã, UBMTTQ Việt Nam cấp xã, HĐND cấp xã, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác của cấp xã và được phân bổ tối đa 02 xe/01 xã không phân biệt TCĐM riêng của Đảng ủy cấp xã.	Giải trình: (1) Đảng ủy UBND là đơn vị dự toán của Văn phòng UBND tỉnh; do đó, quy định thẩm quyền phân bổ để đảm bảo cân đối số lượng xe được phân bổ và nguồn lực. (2) Đảm bảo phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đồng thời, rút ngắn quy trình xử lý, đảm bảo tính kịp thời trong giải quyết các công việc phát sinh. (3) Đảng ủy cấp xã có tiêu chuẩn sử dụng chung trong xe của cấp xã. Tuy nhiên, do Đảng ủy cấp xã thuộc tỉnh ủy, thành ủy⁸ nhưng lại có TCĐM sử dụng xe chung; do đó, quy định để rõ thẩm quyền đối với Đảng ủy cấp xã.
	Bộ KIICN	Xem xét, bổ sung quy định tại điểm i thành: “ <i>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định này</i> ”. <i>Lý do:</i> Tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn về thẩm	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

⁸ Theo Điều 1 Quy định số 298-QĐ/TW ngày 09/6/2025 chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu thì Đảng ủy cấp trên cơ sở ở cấp xã là cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp ủy cấp tỉnh)

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quyền quyết định về TCĐM sử dụng xe ô tô	
	<i>Quảng Trị</i>	Đề nghị quy định nội dung điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 2 do cùng quy định một nội dung.	Giải trình: Quy định riêng để thuận lợi trong triển khai, thực hiện chính sách
3. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của ĐVSNCL thì TCĐM sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định áp dụng đối với ĐVSNCL tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.	<i>Thái Nguyên</i>	Tại khoản 5 Điều 1, khoản 3 Điều 2: Bổ sung hướng dẫn đối với việc xác định định TCĐM xe ô tô của các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách <u>không hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập</u> (Quý hỗ trợ Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên được hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).	Giải trình: Luật QLSDTSC giao Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị. Do đó, trường hợp Quý không hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức; thay thế xe ô tô phục vụ công tác; khoản kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô			
	<i>Hội Luật gia VN</i>	Dự thảo chủ yếu quy định về TCĐM, mua sắm, điều chuyển..., nhưng chưa nhấn mạnh trách nhiệm công khai, minh bạch trong việc quản lý xe công. Trong bối cảnh hiện nay, xe công là lĩnh vực rất nhạy cảm, dễ phát sinh dư luận xã hội không tốt về việc sử dụng tài sản công, đề nghị <u>bổ sung nguyên tắc</u> : “Việc trang bị, điều chuyển, thanh lý, thu hồi và sử dụng xe ô tô phải được thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”.	Giải trình: Luật QLSDTSC và văn bản quy định chi tiết (Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) đã quy định cụ thể các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm xe ô tô); trong đó có các nội dung: trang bị, mua sắm, xử lý (điều chuyển, thanh lý, thu hồi,...), đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.
1. TCĐM sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoản kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô. Số lượng, mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng, mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển	<i>Điện Biên, Bộ Tư pháp, Quảng Trị</i>	(1) Tỉnh Điện Biên: Đề nghị sửa lại như sau để nội dung chính xác “1. TCĐM sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng là một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, ...” (2) Ý kiến Bộ Tư pháp, tỉnh Quảng Trị: - Bộ Tư pháp: Một số nội dung tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 3 dự thảo không có <u>tính nguyên tắc</u> mà là các quy định điều chỉnh nội dung; Điều 19 dự thảo cũng quy định giá mua xe là giá tối đa là có sự trùng lặp, do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc <u>bổ quy định tại khoản 1 Điều 3</u> để đảm bảo sự thống nhất trong văn bản. - Tỉnh Quảng Trị: Quy định “Giá mua xe ô tô trong TCĐM là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp...” tại điểm, khoản, điều, mục nào tại Nghị	(1) Giải trình: Việc điều chỉnh không làm thay đổi nội dung; do đó, giữ như dự thảo để đảm bảo thống nhất với quy định tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg. (2) Giải trình: - Quy định tại các khoản (1, 2, 5,...) về: số lượng xe ô tô, mức giá; nguyên tắc trang bị khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác; nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn đối với người giữ nhiều chức danh,... là các nguyên tắc chung để

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật) để thực hiện việc trang bị.		định, không quy định chung, nhằm đảm bảo tính rõ ràng, tránh hiểu nhầm trong quá trình áp dụng.	áp dụng thống nhất làm cơ sở áp dụng các nội dung quy định tại các Điều, khoản tại các Chương (II, III, IV, V) dự thảo cho phù hợp. - Quy định về mức giá tại khoản 1 Điều 3 là nguyên tắc chung cho cả xe chức danh và phục vụ công tác chung. Còn Điều 19 là quy định cụ thể về mức giá xe phục vụ công tác chung.
	ĐHQGTPH CM	Xem xét bổ sung khoản 1 Điều 3: “Đơn vị sự nghiệp công lập <u>tự bảo đảm chi thường xuyên</u> được quyết định bổ sung số lượng xe phục vụ hoạt động chuyên môn từ nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị khi đáp ứng điều kiện tự cân đối kinh phí và không sử dụng ngân sách nhà nước.”. Lý do: Đối với đơn vị tự chủ: (i) Không làm tăng chi ngân sách. (ii) Có khả năng tự tạo nguồn thu; (iii) Nhu cầu sử dụng xe gắn với hoạt động dịch vụ, đào tạo, liên kết. Nếu áp dụng <u>cùng định mức</u> với đơn vị hưởng ngân sách sẽ làm giảm tính tự chủ.	Giải trình: - Đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư được trao toàn quyền quyết định cho đơn vị để có cơ hội tự chủ cao hơn trong việc sử dụng xe ô tô. - Đối với đơn vị tự chủ chi thường xuyên (phần chi đầu tư vẫn phải do ngân sách đảm bảo); do đó, việc trang bị căn cứ khả năng cân đối ngân sách, đảm bảo hiệu quả trong bối cảnh yêu cầu tiết kiệm hiện nay.
3. Số biên chế làm căn cứ xác định TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc (<i>viên chức, người làm việc được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn</i>) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc tạm giao theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) tại thời điểm xác định TCĐM sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị trực thuộc được tách riêng để tính TCĐM thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Thái Nguyên, TANDTC	(1) Làm rõ cơ sở xác định số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc (viên chức, người làm việc được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc tạm giao theo quy định của pháp luật: Ví dụ theo Quyết định giao biên chế, Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt...(Thái Nguyên) (2) Làm rõ căn cứ để xem xét hỗ trợ xe ô tô đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có được xác định trên cơ sở số người làm việc được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn? (để đảm bảo tính thống nhất với việc xác định số biên chế làm căn cứ xác định TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, đơn vị; mặt khác Hội chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên là đơn vị thường xuyên phải sử dụng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ cứu trợ khẩn cấp, trợ giúp nhân đạo, phòng ngừa và ứng phó thiên tai, thảm họa, vận động hiến máu nhân đạo, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, đơn vị hiện được giao 18 biên chế và có 2 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, nếu xác	(1) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (2) Giải trình: - Theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật QL,SDTSC thì tổ chức xã hội tự bảo đảm tài sản để phục vụ hoạt động - Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP thì tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, các Hội quần chúng thuộc đối tượng được xem

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Số biên chế làm căn cứ để xem xét, hỗ trợ xe ô tô đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là số lượng biên chế được giao được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ xe ô tô.		định theo tiêu chí quy định tại dự thảo Nghị định thì đơn vị sẽ không được hỗ trợ xe ô tô, gây khó khăn cho đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) (Thái Nguyên)	xét, hỗ trợ kinh phí để mua xe, thuê xe, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc hỗ trợ bằng hiện vật.
	Quảng Ninh	Về việc lấy số biên chế làm căn cứ xác định TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là khoa học và sát thực tế, tuy nhiên dự thảo cần làm rõ thời điểm chốt số liệu "biên chế công chức, số lượng người làm việc" để tránh việc số liệu biến động gây khó khăn trong công tác phê duyệt định mức	Giải trình: Dự thảo đã quy định "tại thời điểm xác định TCDM sử dụng xe ô tô"
4. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để PVCTC mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô PVCTC để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định cụ thể khi ban hành TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đồng thời, phải được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Đà Nẵng	Xem xét điều chỉnh thành: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được trang bị xe ô tô chịu trách nhiệm xem xét việc sử dụng kết hợp. Lý do: Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này ban hành TCDM, việc mua sắm và quản lý, sử dụng do cơ quan, người có thẩm quyền của đơn vị có TCDM quyết định việc sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.	Giải trình: Xe chuyên dùng để phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị; do đó, quy định như dự thảo để tránh việc lạm dụng sử dụng xe chuyên dùng, ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ đặc thù riêng có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.
	DHQG TP HCM	Đề nghị quy định cụ thể điều kiện, trình tự phê duyệt, trách nhiệm quản lý và chế độ theo dõi khi sử dụng kết hợp xe ô tô chuyên dùng để phục vụ công tác chung trong một số trường hợp tránh khó khăn trong công tác kiểm tra, thanh tra, quyết toán và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản công	Giải trình: Tại khoản 4 Điều 3 dự thảo đã quy định việc sử dụng kết hợp phải được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
	DHQG TP HCM	Bổ sung nội dung "Việc xác định nguyên giá để ghi tăng tài sản cố định đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị" vào điểm a K5 Đ3 để làm rõ nghĩa về việc xác định giá mua xe trong tiêu chuẩn định mức chưa đủ cấu thành nguyên giá để ghi tăng tài sản cố định.	Giải trình: Việc xác định nguyên giá tài sản đã được quy định tại Thông tư số 141/2025/TI-BTC của Bộ Tài chính.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>VPTW Đảng, VPQH, Bộ Tài chính, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Hưng Yên</i>	(1) Nghiên cứu bổ sung lộ trình sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường đối với khu vực miền núi, biên giới, hải đảo,..., nơi hạ tầng trạm sạc điện chưa đáp ứng yêu cầu thực tế (<i>VPQH</i>); Về nội dung khuyến khích sử dụng xe điện, xe Hybrid, xe sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường khác; đề nghị: (i) bổ sung đánh giá điều kiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ sử dụng xe điện tại các bộ, ngành, địa phương; (ii) khả năng đáp ứng của thị trường; (iii) chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vận hành, bảo trì; (iv) có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp chuyển đổi dần từ xe sử dụng nhiên liệu truyền thống sang xe điện để bảo đảm khả thi khi triển khai thực hiện, cần làm rõ đây là cơ chế “khuyến khích”, không bắt buộc áp dụng đại trà để bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị (<i>Bộ Tài chính</i>). (2) Bổ sung tiêu chí, nguyên tắc xác định rõ loại xe “thân thiện môi trường” để bảo đảm thống nhất trong áp dụng (<i>Bộ Tài chính</i>); Đề nghị thay cụm từ “xe ô tô sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường (xe điện, xe hybrid điện, xe sử dụng hoàn toàn nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo)” thành “xe ô tô thân thiện môi trường hoặc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường.”. Lý do: Để phù hợp với các nội dung được quy định tại Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường⁹ và quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định. (<i>Quảng Ngãi</i>); Do từ “hybrid” là từ gốc tiếng Anh, để bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật BHVBQPPL đề nghị bổ sung định nghĩa thuật ngữ trong phần giải thích từ ngữ xe ô tô hybrid (xe ô tô lai giữa động cơ đốt trong và động cơ điện/....) hoặc việt hóa thuật ngữ này. (<i>Hưng Yên</i>) (3) Cần có quy định làm rõ danh mục và tiêu chí kỹ thuật cụ thể đối với khái niệm “năng lượng sạch, năng lượng sáng tạo” do Bộ KH&CN ban hành để tạo thuận lợi cho công tác lập dự toán và thẩm định đầu thầu mua sắm (<i>Quảng Ninh</i>). (4) Đối với quy định mức giá xe điện, xe hybrid tối đa không vượt quá	(1) Giải trình: Tại dự thảo Nghị định đã quy định rõ là không bắt buộc việc trang bị điện, xe Hybrid, xe sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường khác; theo đó chỉ quy định mức giá đối với trong trường hợp trang bị xe ô tô sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường. Việc trang bị cụ thể do các cơ quan, tổ chức, đơn vị lựa chọn trên cơ sở điều kiện hạ tầng kỹ thuật, thị trường, chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vận hành, bảo trì,... (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo theo hướng: “Trường hợp trang bị xe ô tô thân thiện môi trường hoặc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là xe ô tô thân thiện môi trường)...” (3) Giải trình: Việc hướng dẫn “năng lượng sạch, năng lượng sáng tạo” thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ KH&CN. (4) Quy định dự thảo để thực hiện

⁹ - Tại khoản 2 Điều 9: Xe cơ giới thân thiện môi trường là xe cơ giới sử dụng năng lượng hoặc công nghệ giúp giảm phát thải các-bon trực tiếp khi vận hành so với xe cơ giới thông thường nêu tại khoản 1 của Điều này (như xe sử dụng nhiên liệu CNG, xe hybrid điện nhẹ MHEV, xe hybrid điện hoàn toàn FHEV hoặc SHEV, xe hybrid nạp điện ngoài PHEV);
- Tại khoản 3 Điều 9: Xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường là xe cơ giới không phát thải trực tiếp các-bon khi vận hành (như xe thuần điện PEV hoặc BEV, xe điện dùng pin nhiên liệu thuần túy PFCEV hoặc FCEV, xe sử dụng nhiên liệu hy-đrô).

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		120% mức giá quy định chung, đề nghị đánh giá kỹ hơn tác động đối với khả năng cân đối ngân sách, chi phí vận hành, hạ tầng sử dụng và bảo trì trong quá trình triển khai thực hiện (<i>Bộ Tài chính</i>). (5) Đề nghị sửa đổi cụm từ “<i>mức giá không quá ($\leq$) 120% mức giá của xe ô tô...</i>” thành “<i>giá mua không quá ($\leq$) 120% giá mua tối đa của xe ô tô...</i>” và sử dụng thống nhất thuật ngữ là “<i>giá mua</i>” hay “<i>mức giá</i>”. (<i>VPTW Đảng</i>); ngoài ra, tại điểm b khoản 5, đề nghị bỏ cụm từ “<i>tối đa</i>” do khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định đã quy định “<i>Số lượng, mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng, mức giá tối đa</i>”, cụ thể: “<i>... bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại không quá ($\leq$) 115% của mức giá tối đa mua xe theo quy định tại Nghị định này</i>”(BỘ Ngoại giao). (6) Bổ sung thẩm quyền quyết định việc trang bị xe ô tô sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường trong trường hợp vượt mức giá tối đa. (<i>VPTW Đảng</i>)	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 theo quy định tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 44/CT-TTg ngày 09/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, trường hợp trang bị xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường thì tiết kiệm được chi phí xăng xe và góp phần thực hiện bảo vệ môi trường. Mặt khác, việc trang bị xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường thực tế sẽ không thực hiện đồng loạt mà do các Bộ, ngành, địa phương xem xét, xác định trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thị trường cung cấp, địa hình, nhu cầu,... (5) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo theo hướng sử dụng thống nhất thuật ngữ “<i>mức giá</i>” trong toàn bộ dự thảo. (6) Giải trình: Tại dự thảo đã quy định trong trường hợp này thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo xem xét, quyết định.
	Tỉnh ủy Lai Châu	Đề nghị bổ sung các xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 19 cũng được áp dụng nguyên tắc tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này	Giải trình: dự thảo đã quy định “ <i>mức giá theo quy định tại Nghị định này</i> ” đã bao gồm mức giá tại khoản 2 Điều 19.
	Bộ KHCN, Quảng Ninh	Bổ sung nội dung đối với xe thân thiện với môi trường, giá quy định tại Nghị định này chưa bao gồm chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị trạm sạc ban đầu tại đơn vị. <i>Lý do:</i> Hiện nay các yêu cầu cam kết về Net Zero đến năm 2050, chiến lược tăng trưởng xanh và chính sách phát triển phương tiện xanh rất cần khuyến khích dùng xe điện (<i>BKHCN</i>); hướng dẫn cụ thể	Giải trình: Các thiết bị này không phải cấu thành mức giá xe theo TCĐM mà là thiết bị phục vụ vận hành hoặc thay thế trong quá trình sử dụng. Việc quản lý, đầu tư, xây

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đối với việc áp dụng TCĐM các thiết bị máy móc đi kèm theo xe (trạm sạc điện, dây sạc, pin/ắc quy thay thế...) (<i>Quảng Ninh</i>)	dùng, mua sắm các thiết bị này được thực hiện theo quy định tại các văn bản khác; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.
	<i>Thanh Hóa</i>	Đề nghị xem xét quy định mức giá 120% cho phù hợp, bởi thực tế trên thị trường hiện nay giá <u>xe điện, hybrid</u> cao hơn mức giá này khá nhiều	Giải trình: Khảo sát giá năm 2026 thì: (i) xe điện giao động từ 759 triệu đồng (như: VF6) đến 1.699 triệu đồng (như: VF9); (ii) xe hybrid giao động từ 878 triệu đồng (như: Toyota Corolla Altis 1.8HEV) đến 1.530 triệu đồng (như: Toyota Camry 2.5HV). Với quy định tại dự thảo đảm bảo mức giá để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trang bị trong trường hợp lựa chọn xe thân thiện môi trường ¹⁰ .
	<i>Gia Lai</i>	Quy định này dễ dẫn đến sự thiếu thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương khi tự đánh giá mức biến động tăng trên thị trường trong thực hiện mua sắm xe ô tô. Đề nghị sửa đổi theo hướng: <u>Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính</u> căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng, biến động thị trường, bảng giá tính lệ phí trước bạ xe ô tô,... để có văn bản thông báo điều chỉnh chung cho cả nước, tránh việc áp dụng tùy tiện. Ngoài ra, xe ô tô PVCTC là mặt hàng phổ biến thông thường, được đầu thầu rộng rãi nên trường hợp thị trường có biến động tăng thì là mức tăng chung trên cả nước, không chỉ riêng một số địa phương.	Giải trình: Quy định tại dự thảo để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động và đáp ứng nhu cầu thực tế cho các bộ, ngành, địa phương trong việc trang bị xe.

¹⁰ (i) Trường hợp trang bị xe phục vụ chức danh (như: Thứ trưởng, bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368) thì có thể trang bị được loại xe với mức giá 1.530 triệu đồng (như: Toyota Camry 2.5HV). Vì định mức xe ô tô thân thiện môi trường theo dự thảo là: $(1.400 \times 120\% = 1.680 \text{ triệu đồng})$; $(1.300 \times 120\% = 1.560 \text{ triệu đồng})$.

(ii) Trường hợp trang bị xe phục vụ công tác chung:

+ Nếu định mức được duyệt là loại xe 01 cầu thì có thể trang bị được loại xe với mức giá 999 triệu đồng (như: VF7), 1.100 triệu đồng (như: VF8), 878 triệu đồng (như: Toyota Corolla Altis 1.8HEV), 963 triệu đồng (như: Toyota Corolla Cross 1.8HV). Vì định mức xe ô tô thân thiện môi trường theo dự thảo là $(950 \text{ triệu đồng} \times 120\% = 1.140 \text{ triệu đồng})$.

+ Nếu định mức được duyệt là loại xe 02 cầu thì có thể trang bị được loại xe với mức giá: 1.699 triệu đồng (như: VF9), 1.360 triệu đồng (như: Lexus LS 500h). Vì định mức xe ô tô thân thiện môi trường theo dự thảo là $(1.600 \text{ triệu đồng} \times 120\% = 1.920 \text{ triệu đồng})$.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>Bộ Ngoại giao, Hà Nội</i>	Điều chỉnh từ 15% thành 30% để phù hợp thực tế và thống nhất quy định điều chỉnh giá đối với máy móc thiết bị Quyết định 15/2025/QĐ-TTg, sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. (Bộ Ngoại giao, Hà Nội)	Giải trình: Qua khảo sát mức giá xe hiện nay cơ bản không biến động so với thời điểm ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; một số loại xe có biến động tăng giá thì dự thảo đã điều chỉnh; do đó, mức giá tại dự thảo đã cơ bản phù hợp với thị trường nên tiếp tục quy định như hiện hành để dự phòng trường hợp trượt giá. Trường hợp mặt bằng giá tăng thì Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để đánh giá, trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chính sách cho phù hợp.
	<i>Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bộ Ngoại giao</i>	<u>Làm rõ cơ sở xác định mức 120% đối với trường hợp sau thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, giá xe ô tô trên thị trường biến động tăng, người có thẩm quyền được quyết định giá mua cao hơn (không vượt quá 15%), cần có quy định rõ căn cứ tính mức tăng này, cụ thể: Tính trên mức giá tối đa quy định tại Nghị định hay tính trên mức giá đã được điều chỉnh tăng theo quy định về biến động giá thị trường (không vượt quá 15%). Việc làm rõ nội dung này sẽ bảo đảm thống nhất trong quá trình áp dụng và thực hiện (Thái Nguyên); làm rõ: mức giá làm cơ sở để tính tăng thêm không vượt quá 15% khi thị trường có biến động tăng đối với xe ô tô sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường có phải là mức giá không quá ($\leq$) 120% hay không (Bộ Ngoại giao).</u>	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo theo hướng quy định rõ hơn; theo đó, đối với trường hợp trang bị xe ô tô thân thiện môi trường mà giá xe ô tô trên thị trường có biến động thì cũng được điều chỉnh tăng 15% so với mức giá quy định như các trường hợp khác.
	<i>ĐHQG TPHCM</i>	Đề nghị điều chỉnh: <u>Hàng năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng thì được điều chỉnh từ 10 - 15% so với mức giá năm trước.</u> Lý do: Trong thực tế: Giá xe biến động, quy chuẩn khí thải thay đổi, xe điện đang được khuyến khích sử dụng. Nếu giá trần cố định trong thời gian dài sẽ gây khó khăn khi mua sắm.	Giải trình: Quy định tại dự thảo trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 72, theo đó chỉ áp dụng cho trường hợp giá xe trên thị trường biến động.
	<i>NHNN</i>	Đề nghị bổ sung: “Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô cùng chủng loại, số chỗ ngồi trên thị trường có biến động tăng, ...” để các đơn vị có cơ sở so sánh tại các thời điểm.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
6. Nguyên tắc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô ..b) Đối với xe ô tô PVCTC: Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa	<i>Ngân hàng nhà nước VN, Cần Thơ</i>	(1) NHNN: Đề nghị bổ sung như sau: “... Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã trang bị đủ xe phục vụ công tác chung theo TCDM mà không đủ xe để bố trí phục vụ công tác hoặc không đáp ứng yêu cầu công tác thì được thuê xe dịch vụ” để phù hợp với các trường hợp phải thuê xe dịch vụ	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
được trang bị hoặc đã được trang bị nhưng chưa đủ xe ô tô PVCTC theo TCĐM thì được thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô. Các đối tượng đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không được sử dụng xe của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã trang bị đủ xe PVCTC theo TCĐM mà không đủ để bố trí phục vụ công tác thì được thuê dịch vụ xe ô tô. đ) Việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phải phù hợp tính chất công việc và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 30 Nghị định này quyết định việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc áp dụng thuê dịch vụ xe ô tô, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.		để phục vụ các đoàn công tác có số lượng người nhiều nhưng đơn vị không có xe công tác có chỗ lớn. (2) TP Cần Thơ: Điều chỉnh theo hướng: <i>Trường hợp chưa được trang bị xe phục vụ công tác chung hoặc xe ô tô hiện có không đủ thì được thuê dịch vụ xe ô tô</i> mà không thực hiện khoán xe.	
	VPTW Đảng, Bộ KHCN	(1) VPTW Đảng: Bổ sung nguyên tắc: Việc khoán kinh phí hoặc thuê dịch vụ xe ô tô phải phù hợp tính chất nhiệm vụ, <u>không áp dụng cứng nhắc đối với nhiệm vụ có yêu cầu bảo mật, an toàn, cơ động cao hoặc phục vụ lãnh đạo, đoàn công tác theo chỉ đạo đột xuất. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định hình thức bố trí xe, khoán hoặc thuê dịch vụ trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.</u> Lý do: Cần phân định rõ các trường hợp <u>không phù hợp</u> khoán hoặc thuê dịch vụ, đặc biệt là nhiệm vụ có yêu cầu bảo mật về lịch trình, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ phục vụ đoàn công tác làm việc về công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ hoặc nhiệm vụ cần bảo đảm an toàn, chủ động về thời gian. (2) Bộ KHCN: Bổ sung quy định liên quan tới nguyên tắc áp dụng, trường hợp cần bắt buộc/không bắt buộc thuê xe công vụ, phương pháp so sánh hiệu quả kinh tế giữa thuê xe/mua mới xe.	Giải trình: Dự thảo Nghị định đã quy định nguyên tắc, điều kiện và thẩm quyền thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô theo hướng tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động lựa chọn hình thức phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Việc bố trí xe ô tô công, thực hiện khoán kinh phí hoặc thuê dịch vụ xe ô tô thuộc trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và khả năng đáp ứng của từng hình thức. Việc liệt kê các nhiệm vụ có yêu cầu bảo mật, an toàn, cơ động hoặc đột xuất không thể bao quát đầy đủ các tình huống phát sinh trên thực tế và có thể làm giảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện.
	Đồng Tháp	Điều chỉnh theo hướng: <i>Trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền quyết định TCĐM trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung thì được <u>khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô</u>.</i>	Giải trình: Tại dự thảo đã quy định trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô theo quy định nhưng không thực hiện trang bị hoặc đã trang bị nhưng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức thì được thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
8. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 7 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý; việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng <u>một trong các điều kiện</u> sau đây: a) Khi hết hạn sử dụng (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn tài sản theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc hết niên hạn, tần suất sử dụng theo quy định của pháp luật). b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là đơn vị hành chính cấp xã) là các xã miền núi, xã đảo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Quyết định số 40/2025/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (sau đây gọi là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn) <u>hoặc/và</u> đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp xã là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn; đã sử dụng trên 250.000 km đối với các trường hợp còn lại. c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá).	Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung quy định cụ thể hơn đối với trường hợp xe ô tô đủ điều kiện thanh lý, cho phép cơ quan, đơn vị được chủ động thực hiện thay thế sau khi hoàn thành thủ tục thanh lý theo quy định.	Giải trình: Việc thay thế (mua mới, nhận điều chuyển,...) thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản khác; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.
	Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung điểm a khoản 8: “a) Khi hết hạn sử dụng (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn, khấu hao tài sản theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định ...)” bảo đảm bao quát các loại hình đơn vị.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	Quảng Trị	Bổ sung trường hợp được thanh lý <u>do không đáp ứng nhu cầu công việc khi chưa đủ điều kiện thanh lý</u> để đáp ứng nhu cầu công tác, đảm bảo tính linh động trong điều hòa xe ô tô hiện có giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương và tính thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 3 dự thảo.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	Hưng Yên	Điểm b khoản 8 bị lặp một số cụm từ, đề nghị điều chỉnh như sau: “ <u>Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn xã miền núi, xã đảo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn) hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp xã là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn; đã sử dụng trên 250.000 km đối với các trường hợp còn lại.</u> ”.	Giải trình: Quy định cụ thể để thống nhất áp dụng, tránh lợi dụng trong quá trình thực hiện.
	VPTW Đảng, ĐHQG TPHCM, Quảng Ninh Bộ DT&TG	(1) Đề nghị tăng số km từ 200.000 km lên 250.000 km và từ 250.000 km lên 300.000 km; do chất lượng đường giao thông đã được cải thiện (VPTWĐ); Mức km theo quy định khá cao đối với các xe phổ thông phục vụ công tác chung, đặc biệt là xe hoạt động tại địa bàn hiểm trở (đồi núi, đường cao, trơn dốc), chất lượng đường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến độ hao mòn của ô tô, vì vậy có thể cân nhắc việc hạ mức tiêu chuẩn đối với xe thuộc khu vực có địa bàn hành chính đặc biệt khó khăn. (Quảng Ninh); Đề nghị bổ sung trường hợp xe thường xuyên hoạt động tại địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa có điều kiện khai thác khắc nghiệt được xem xét thay thế sớm hơn. Ngoài tiêu chí thời gian sử dụng xe, đề xuất bổ sung các tiêu chí đánh giá khác để xem xét việc thay thế hoặc thanh lý xe ô tô, bao gồm: số kilomet đã vận hành, tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện, tần suất sử dụng và chi phí bảo trì, sửa chữa hằng năm, yếu tố cường độ sử dụng và phạm vi hoạt động thực tế của đơn vị khi quy định TCĐM và thời gian sử dụng xe ô tô. (ĐHQGTPHCM) (2) Tại điểm b dự thảo Nghị định: Rà soát bổ sung việc thanh lý ô tô đóng	(1) Giải trình: Dự thảo quy định trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 72; trong đó đã quy định cụ thể các trường hợp được thay thế: theo số kilomet đã vận hành; tình trạng xe bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được; mức chi phí sửa chữa không hiệu quả (30%); cơ bản các bộ, ngành, địa phương không có ý kiến về nội dung này. (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trên các xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP quy định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 cho phù hợp; đồng thời, rà soát khoản 5 Điều 8, điểm a và điểm b khoản 4 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 3 Điều 14 dự thảo cho phù hợp (<i>Bộ DT&TG</i>)	
	<i>Bộ Nội vụ, Hưng Yên, Bộ Công Thương</i>	(1) Quy định "30% nguyên giá" là bất hợp lý đối với những xe có thời gian sử dụng đã lâu (ví dụ trên 7-8 năm). Giá trị còn lại trên sổ kế toán của xe thấp, nhưng nguyên giá mua ban đầu cao. Đề nghị thay đổi căn cứ tính toán từ "nguyên giá" sang "giá trị còn lại trên sổ kế toán" hoặc "giá trị đánh giá lại theo thị trường tại thời điểm hỏng"; theo đó, dự kiến chi phí sửa chữa lớn hơn 50% giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc vượt quá giá trị thực tế của xe tại thời điểm đánh giá. (<i>Bộ Nội vụ</i>) (2) Điểm c khoản 8 đề nghị thêm cụm từ in đậm: "c)... lớn hơn 30% nguyên giá của tài sản)." (<i>Hưng Yên</i>) (3) Pin xe điện có tỷ lệ suy hao tự nhiên và nguy cơ phát sinh hỏng hóc đột xuất cao hơn, chi phí thay thế khối pin hoặc sửa chữa lớn đối với hệ thống phần mềm điều khiển thông minh thường rất cao. Do đó, đề nghị tách riêng chi phí thay pin hệ thống động cơ điện ra khỏi hạn mức 30% nguyên giá khi tính điều kiện thanh lý hoặc có hướng dẫn riêng (<i>Bộ Công Thương</i>)	(1) Giải trình: quy định thống nhất với quy định tại Điều 29 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, là quy định áp dụng chung với tất cả các loại tài sản; đồng thời, cơ bản các bộ, ngành, địa phương khác không có ý kiến về nội dung này. (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (3) Tiếp thu, hoàn thiện quy định theo hướng: "Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa (không tính chi phí thay pin hệ thống động cơ điện) lớn hơn 30% nguyên giá của xe ô tô)."
Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá			
Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch UBTWMTTQVN; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.	<i>Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh</i>	Bổ sung chức danh "Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương" theo vị trí tương ứng với chức danh do cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định. Trường hợp người giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương đồng thời giữ chức danh khác có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô cao hơn thì thực hiện theo nguyên tắc tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định, tức áp dụng tiêu chuẩn xe ô tô theo chức danh cao nhất, không làm phát sinh trùng lặp chế độ. Lý do: Theo Quyết định số 11-QĐ/TW ngày 06/3/2026 về thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương là chức danh đứng đầu Hội đồng, <u>Giám đốc Học viện là Phó Chủ tịch Thường trực</u>. Như vậy, Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan được Bộ Chính trị quyết định thành lập, có vị trí, chức năng, bộ máy tham mưu, kinh phí, con dấu và cơ quan đặt tại Học viện <u>Tuy nhiên, qua đối chiếu Quy định số 368-QĐ/TW, Danh mục hiện có quy định chức danh</u>	Giải trình: Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo đã có quy định đối với các chức danh, chức vụ chưa được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định này, Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) thì căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Nghị định này hoặc tương đương nhóm, bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhưng chưa nêu trực tiếp chức danh Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương. Nếu dự thảo Nghị định không quy định hoặc không có cơ chế xác định rõ sẽ phát sinh khoảng trống pháp lý, đặc biệt trong trường hợp chức danh này không đồng thời giữ chức danh khác đã được quy định tiêu chuẩn xe ô tô.</u>	theo Kết luận số 31-KL/TW) để xác định TCĐM xe tương ứng. Đồng thời, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi xin ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương; trên cơ sở đó sẽ hoàn thiện cho phù hợp.
Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá			
1. Các chức danh tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng xe ô tô có giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe. 2. Các chức danh tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng xe ô tô có mức giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe.	VPTW Đảng	Tiếp tục quy định một số chức danh, chức vụ có hệ số phụ cấp (1,25) tương đương với chức danh Tổng Cục trưởng và tương đương được trang bị xe ô tô quy định tại Nghị định số 72 có tiêu chuẩn sử dụng xe chức danh.	Giải trình: Theo Quyết định số 09-QĐ/TW của Ban Bí thư các chức danh (như Cục trưởng loại 1) giữ nguyên phụ cấp chức vụ <u>như hiện nay</u> cho đến khi các cơ quan có thẩm quyền quyết định phân loại cục loại 1. Dự thảo đã quy định chuyển tiếp đối với trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp.
	VPQH, Ủy ban công tác đại biểu (VPQH), HVCTQHH CM, TTXVN, Đài THVN	(1) VPQH: Nghiên cứu, báo cáo Chính phủ xem xét áp dụng tiêu chuẩn xe ô tô phục vụ công tác chức danh đối với Ủy viên là ĐBQH hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội <u>theo Phương án 2 của dự thảo Tờ trình; Trường hợp chưa quy định TCĐM xe chức danh, đề nghị nghiên cứu cơ chế đặc thù xe PVCTC chung và nghiên cứu quy định theo hướng giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng chế độ sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối với các chức danh này theo thẩm quyền quy định của Luật Tổ chức Quốc hội về chế độ, điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội.</u> Đây là nhóm đối tượng có số lượng hạn chế, có tính chất hoạt động đặc thù và đã được bảo đảm điều kiện phục vụ trong các nhiệm kỳ Quốc hội trước; việc quy định riêng sẽ bảo đảm tính kế thừa, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đồng thời vẫn bảo đảm mục tiêu tiết kiệm, quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công. (2) UB Công tác đại biểu: Thống nhất với quan điểm của VPQH tại Công văn số 445/VPQH-KHTC ngày 13/3/2026, các Ủy viên là ĐBQH hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội được bố trí tiêu chuẩn sử dụng thường xuyên một xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, đi công tác (3) HVCTQGHCM: Xem xét bổ sung chức danh Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Học viện là chức danh chuyên trách trong tổ chức đảng của Học viện (được sử dụng xe chức danh theo Nghị định số 72) tiếp tục được sử	(1), (2) Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng: <u>Tiêu chuẩn, định mức và nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội (trừ chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</u> (3), (4), (5) Giải trình: Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo đã có quy định đối với các chức danh, chức vụ chưa

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dụng xe chức danh, bảo đảm tính kế thừa, ổn định của chính sách hiện hành. (4) TTXVN: Đề nghị bổ sung chức danh Phó Bí thư chuyên trách đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương. (5) Đài THVN: Đề nghị bổ sung chức danh Phó Bí thư chuyên trách của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 04 đảng. Lý do theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định số 34-QĐ/TW ngày 14/10/2021 của Ban Bí thư quy định: “<i>Thực hiện phụ cấp chức vụ cán bộ chuyên trách công tác đảng đồng bộ với phụ cấp chức vụ chức danh lãnh đạo quản lý: Phó Bí thư chuyên trách hưởng phụ cấp như lãnh đạo cấp phó của đơn vị...</i>”; (6) Tỉnh An Giang: Đề nghị bổ sung các chức danh là Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.	được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định này, Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) thì căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Nghị định này hoặc tương đương nhóm, bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) để xác định TCĐM xe tương ứng. Đồng thời, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi xin ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương; trên cơ sở đó sẽ hoàn thiện cho phù hợp. (6) Giải trình: TCĐM xe chức danh tại dự thảo chỉ quy định đối với chức danh từ bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368 (được sửa đổi, bổ sung Kết luận số 31) trở lên.
	HVCTQG Hồ Chí Minh	Tham khảo mặt bằng thị trường hiện nay, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức giá 1.250 triệu đồng lên khoảng 1.400 triệu đồng/xe. Lý do: Thực tế thị trường xe ô tô hiện nay đã có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm ban hành Nghị định số 72. Các dòng xe sedan, SUV, MPV phổ biến, có độ an toàn, độ bền, khả năng vận hành ổn định, tiết kiệm nhiên liệu và phù hợp sử dụng lâu dài trong khu vực công hiện đều có mặt bằng giá cao hơn trước. Do đó, nếu tiếp tục giữ nguyên mức giá tối đa hiện nay, các cơ quan, đơn vị có thể bị giới hạn lựa chọn vào các dòng xe cấu hình thấp, khả năng vận hành hạn chế, chưa thật sự phù hợp với yêu cầu sử dụng lâu dài, tần suất cao và phạm vi công tác rộng. Vì vậy, cần được cập nhật ngay theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm hiện nay. (HVCTQGHCM)	Tiếp thu theo hướng điều chỉnh lên 1.400 triệu đồng/xe.
3. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì...	Quảng Ngãi	Bổ sung nội dung về khoán xe công đối với đối tượng khác ngoài quy định tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định này, tạo sự linh hoạt trong công tác, thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Đặc biệt là tạo điều kiện cho cán bộ, công chức có thể sử dụng các dịch vụ xe công nghệ, xe cá nhân để	Giải trình: Tại khoản 1 Điều 30 dự thảo đã quy định việc khoán xe đối với các đối tượng khác.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phục vụ công tác, nhất là đối với đoạn đường ngắn, thời gian gấp.	
Mục 2. TCĐM SỬ DỤNG XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC			
Tham gia chung	ĐHQG TP HCM	Nghiên cứu bổ sung tiêu chí về phạm vi địa bàn quản lý, đặc thù nhiệm vụ, số lượng đơn vị trực thuộc và tần suất công tác thực tế do số lượng biên chế chưa phản ánh đầy đủ khối lượng công việc và nhu cầu sử dụng xe của từng cơ quan, đơn vị.	Giải trình: Ngoài tiêu chí về biên chế, tại dự thảo có quy định các tiêu chí bổ sung xe như: số lượng đơn vị trực thuộc, địa bàn, phạm vi quản lý, mức độ tự chủ của ĐVSNCL,...
	Thành ủy Hải Phòng	Bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đối với Ban nghiên cứu Chuyên đề phát triển ở Trung ương và địa phương (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 03/6/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thành lập Bộ phận nghiên cứu chuyên đề ở Trung ương và địa phương) khi được thành lập để đảm bảo phương tiện phục vụ công tác cho các cơ quan.	Giải trình: Dự thảo đã quy định đầy đủ TCĐM đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng ở Trung ương và địa phương. Do vậy, căn cứ mô hình hoạt động của Ban nghiên cứu Chuyên đề phát triển ở Trung ương và địa phương được cấp của thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chí nêu tại dự thảo Nghị định để áp dụng TCĐM tương ứng.
Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô PVCTC			
Tham gia chung	UBND tỉnh Lạng Sơn và Tỉnh ủy Lạng Sơn	Điều 8 có tiêu đề là “Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô PVCTC”, trong khi nội dung còn quy định về xe ô tô PVCTC của các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đặc thù . Đề nghị rà soát, điều chỉnh tiêu đề Điều 8 để phản ánh đầy đủ nội dung điều chỉnh.	Tiếp thu , hoàn thiện tên Điều 8: “ <i>Phạm vi, đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có hoạt động đặc thù</i> ”.
	VPTW Đảng	Đề nghị bổ sung việc sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để phục vụ các hoạt động phúc lợi chung của cơ quan, đơn vị do hiện nay tại các cơ quan hành chính nhà nước không còn tổ chức công đoàn.	Giải trình: Việc trang bị xe để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Việc sử dụng xe ô tô phục vụ hoạt động phúc lợi chung được sử dụng trong số xe ô tô hiện có của cơ quan, đơn vị hoặc thuê dịch vụ xe ô tô.
1. Xe ô tô PVCTC là xe ô tô có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô một cầu, hai cầu; xe ô tô con Pickup, ô tô tải Pickup ca bin kép (sau đây gọi là xe bán tải)) để PVCTC của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị) không thuộc danh mục	Hưng Yên	Đề nghị nghiên cứu không xếp xe ô tô bán tải (bao gồm xe ô tô con pickup, xe ô tô tải pickup ca bin kép và các loại xe bán tải khác) vào nhóm xe ô tô PVCTC tại khoản 1; đồng thời bỏ khoản 5 Điều 8. Lý do: Xe ô tô bán tải có đặc tính kỹ thuật, công năng sử dụng và yêu cầu khai thác khác với xe ô tô chở người PVCTC. Đề nghị nghiên cứu quy định xe ô tô bán tải thuộc nhóm xe ô tô chuyên dùng khác để làm cơ sở cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng TCĐM trang bị phù hợp	Giải trình: Nếu chỉ sử dụng xe bán tải để thực hiện nhiệm vụ đặc thù thì sẽ không sử dụng hết công suất do đa phần các nhiệm vụ đặc thù không phải là công việc thường xuyên. Do vậy, Nghị định số 72 đã điều chỉnh thu hẹp lại danh mục xe

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25 Nghị định này.		với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện hoạt động và yêu cầu thực tiễn của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị (trong trường hợp này thì không cần quy định thêm khoản 5 Điều 8).	ô tô chuyên dùng, chuyển xe ô tô bán tải sang xe ô tô PVCTC để tối ưu hóa mục đích sử dụng, tần suất sử dụng, hiệu quả sử dụng xe ô tô công, tránh lợi dụng trong tổ chức thực hiện, gây lãng phí.
3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.	Bộ Tư pháp	Quy định “ <i>trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác</i> ” mang tính định tính; quy định Thủ trưởng quyết định cho “ <i>cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này</i> ” mà không giới hạn phạm vi Thủ trưởng được quyết định có thể phát sinh việc lạm dụng khi bố trí, sắp xếp xe; cần nhắc quy định cụ thể về các trường hợp và khoảng vùng đối tượng được sử dụng xe để Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định.	Giải trình: Nội dung này quy định kế thừa tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP để đảm bảo chủ động của cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao trách nhiệm cho người đứng đầu, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quyết định. Quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.
5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi PVCTC cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường, phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn), kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	Viện Hàn lâm KH&CN VN, Bộ Xây dựng	- Viện Hàn lâm KH&CNVN: Bổ sung “ <i>công tác bảo tồn và cứu hộ động, thực vật</i> ”. Lý do thường xuyên phải tiến hành các chuyến đi thực địa, vận chuyển trang thiết bị, mẫu vật và cá thể sống. Tính chất cơ động và yêu cầu phương tiện của công tác này hoàn toàn tương đương với nhiệm vụ kiểm lâm, điều tra địa chất hay phòng chống dịch bệnh nông nghiệp. - Bộ Xây dựng: Bổ sung nhiệm vụ “ <i>đăng kiểm</i> ”.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	Bộ Ngoại giao	Bổ sung “ <i>công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài</i> ”. Lý do: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài thường xuyên tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động chính trị, đối ngoại và đối ngoại nhân dân. Đặc điểm của các hoạt động này là đối tượng phục vụ chủ yếu là các đoàn đại biểu, khách mời, doanh nhân, trí thức, chuyên gia, kiều bào và khách quốc tế; thường xuyên phát sinh nhu cầu vận chuyển tập trung theo đoàn trong quá trình làm việc tại Trung ương và địa phương.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	Hải Phòng	Bổ sung “ <i>phát thanh truyền hình</i> ”. Lý do: Báo và Phát thanh truyền hình Hải Phòng là ĐVSN thuộc thành ủy Hải Phòng sẽ được phân bổ số lượng xe ô tô theo Quyết định của Ban Thường vụ thành ủy Hải Phòng là 05 xe ô tô. Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, địa bàn hoạt động của đơn vị tăng lên và trải rộng, với quy mô được gộp từ 04 đơn vị; số lượng phóng viên, ghi hình cần sử dụng xe ô tô công tác chung để tác nghiệp tại	Giải trình: Đối với lĩnh vực phát thanh truyền hình “ <i>xe phát thanh truyền hình lưu động</i> ” thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng; đối với xe chở người phóng viên thì sử dụng xe PVCTC của ĐVSNCL;

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiện trường được phân công tại nhiều địa bàn khác nhau, do vậy với số lượng phân bổ 05 xe, là chưa đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Thành ủy Hải Phòng có 32 xe, không có định mức sử dụng còn dư để phân bổ tăng thêm cho Báo. Các xe ô tô để sử dụng chở các phóng viên, đội ngũ kỹ thuật ghi hình tại hiện trường là <u>các xe 05 - 07 chỗ ngồi, bán tải hoặc 16 chỗ ngồi</u> , không thuộc danh mục xe chuyên dùng. Số lượng được phân bổ không đảm bảo được so với thực tế đặc thù hoạt động.	trường hợp thiếu thì sử dụng thực hiện thuê hoặc khoán. Ngoài ra có sửa đổi đối với ĐVSNCN nhóm 1; theo đó đơn vị nhóm 1 có thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng xe.
	<i>Bộ NN&MT</i>	Bổ sung “ <i>nhiệm vụ về điều tra cơ bản, khảo sát khí tượng thủy văn, môi trường</i> ”.	Giải trình: Văn bản chưa thuyết minh cụ thể về nhiệm vụ, chủng loại xe cần trang bị; do đó, chưa có cơ sở để tiếp thu.
	<i>UBND tỉnh Lạng Sơn và Tỉnh ủy Lạng Sơn, Quảng Trị</i>	(1) Tỉnh Lạng Sơn: Để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, tránh áp dụng không đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị và bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản công, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể số lượng xe tối đa hoặc các tiêu chí, điều kiện làm căn cứ xem xét, quyết định số lượng đối với các loại xe nêu trên. (2) Tỉnh Quảng Trị: Không quy định cụ thể chủng loại xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi do thực tiễn cho thấy, <u>xe PVCTC khác</u> vẫn đáp ứng thực hiện các nhiệm vụ này. Ngoài ra, việc không quy định cụ thể chủng loại tạo điều kiện cho địa phương bố trí linh hoạt xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị; phát huy tính tiết kiệm, hiệu quả từ việc sử dụng nguồn xe hiện có.	Giải trình: Quy định này kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP và chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ đặc thù riêng có của một số cơ quan, đơn vị mà có nhu cầu sử dụng loại xe bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi. Đồng thời tại dự thảo đã giao thẩm quyền xem xét, quyết định cho người đứng đầu của các bộ, cơ quan, trung ương, địa phương số lượng xe, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Việc không quy định chủng loại cụ thể dẫn đến lạm dụng, gây lãng phí.
	<i>Thái Nguyên, Quảng Trị, Gia Lai, Tây Ninh</i>	(1) Đề nghị xem xét nội dung xe phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn) là xe PVCTC hoặc bỏ quy định này hoặc rà soát, làm rõ từ ngữ để tránh nhầm lẫn với xe chuyên dùng. Lý do: Hiện nay một số tỉnh đã ban hành tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng của cấp xã là xe phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền thông tin lưu động kết hợp đảm bảo trật tự xã hội (xe có gắn thiết bị chuyên dùng cố định như hệ thống âm thanh, thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền thông tin lưu động; xe ô tô sân khấu lưu động phục vụ tuyên truyền, thông tin lưu động (giấy đăng ký xe, giấy đăng kiểm ghi loại xe là ô tô sân khấu lưu động) hoặc xe có gắn logo nhận biết,...) (<i>Thái Nguyên, Quảng Trị, Gia Lai</i>). (2) Đề nghị quy định cho tất cả các xã, phường, không chỉ giới hạn ở khu vực các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn. Do đây là nhu cầu thiết	(1) Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo theo hướng giải thích rõ các loại xe này không thuộc xe chuyên dùng. (2) Giải trình: Hiện nay, đối với các địa bàn việc tuyên truyền qua

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiện nay ở các xã phường phục vụ công tác thông tin lưu động lĩnh vực văn hóa thông tin (<i>Tây Ninh</i>)	nhiều hình thức (Mạng internet, nền tảng xã hội,...) do đó chỉ quy định đối với các địa bàn khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.
	<i>Thái Nguyên</i>	Đề nghị xem xét nội dung xe kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực giao thông vận tải là xe PVCTC (do hiện nay một số tỉnh đã ban hành tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng của Sở Xây dựng là xe gắn biển hiệu nhận biết phục vụ công tác Tuần kiểm, quy định tại khoản 1 Điều 20 và Phụ lục VIII Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng). Phương tiện giao thông đường bộ phục vụ tuần kiểm có dán chữ “TUẦN KIỂM ĐƯỜNG BỘ”). (<i>Thái Nguyên</i>)	Giải trình: Việc tuần kiểm đường bộ thực hiện theo pháp luật về đường bộ và không có chức năng xử phạt vi phạm hành chính ¹¹ ; việc kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo pháp luật về kiểm tra chuyên ngành ¹² và Thông tư số 10/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ¹³ . Do đó

¹¹ (1) Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuần kiểm đường bộ để thực hiện các công việc sau: (i) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác: quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ của nhà thầu hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ; công tác tuần đường; (ii) Lập biên bản vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền được giao (*khoản 2 Điều 20 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17 Thông tư số 72/2025/T-BXD*); (2) Người quản lý, sử dụng đường bộ là chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ (*khoản 7 Điều 2 Luật Đường bộ*). (3) Mục đích tuần kiểm đường bộ: “Tuần kiểm đường bộ nhằm kiểm tra, giám sát hoạt động tuần đường và kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, vận hành, khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ của đơn vị quản lý, bảo dưỡng nhằm mục đích xử lý kịp thời những hư hỏng, vi phạm hoặc sự cố xảy ra để nhanh chóng khắc phục, tránh những hậu quả xấu làm thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như xã hội. Nhật ký tuần kiểm là tài liệu quan trọng trong công tác quản lý phải được ghi chép và lưu trữ đầy đủ.” (*điểm 2 Mục II Phụ lục VIII Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT*). VD ở Hà Nội: Ban Duy tu các công trình hạ tầng giao thông thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường (QĐ số ...; theo Nhật ký tuần kiểm); đồng thời, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT không có quy định về việc kiểm tra chuyên ngành và xử lý VPHC.

¹² Nghị định số 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Ví dụ: (i) Sở Xây dựng TP HN chức năng kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở (QĐ số 56/2025/QĐ-UBND TP Hà Nội ngày 22/9/2025); (ii) Phòng Kiểm tra giao thông vận tải, có chức năng tham mưu giúp GD Sở kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực giao thông vận tải (QĐ 2272/QĐ-SXD ngày 23/9/2025); Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra chuyên ngành lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và quy định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

¹³ CHƯƠNG II

SỞ XÂY DỰNG, SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Sở Xây dựng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về xây dựng gồm: ...; kết cấu hạ tầng giao thông; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ).

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng

13. Về phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá; trừ nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành xây dựng.

a) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

14. Về vận tải:

...c) Hướng dẫn, kiểm tra xây dựng và công bố bến xe khách, điểm đỗ xe taxi, điểm đón, trả khách trên địa bàn theo quy hoạch được phê duyệt.”

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			tuần kiểm đường bộ và kiểm tra chuyên ngành GTVT là 02 hoạt động khác nhau, do các đơn vị có chức năng khác nhau thực hiện. Qua rà soát thì chưa có quy định cụ thể về phương tiện chuyên dùng trong kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực giao thông vận tải (như xe thanh tra giao thông trước đây)
	Tuyên Quang	Xem xét, bổ sung như sau: "... <u>quản lý nhà nước về biên giới, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc,...</u> ". Lý do: Nhiệm vụ quản lý nhà nước về biên giới bao gồm các công việc như kiểm tra, khảo sát đường biên, mốc giới, xử lý các vụ việc liên quan trên khu vực biên giới, kiểm soát, theo dõi việc xây dựng các công trình trên biên giới,... tần suất di chuyển đi các khu vực biên giới của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về biên giới thường xuyên, liên tục.	Giải trình: Dự thảo Nghị định quy định các nhiệm vụ đặc thù làm căn cứ xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung trên cơ sở tính chất, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Nhiệm vụ quản lý nhà nước về biên giới là chức năng quản lý nhà nước, bao gồm nhiều nội dung công việc khác nhau; việc thường xuyên di chuyển đến khu vực biên giới chỉ phát sinh đối với một số hoạt động cụ thể, không phải là đặc điểm chung của toàn bộ nhiệm vụ quản lý nhà nước về biên giới. Do đó, chưa có đủ cơ sở để bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà nước về biên giới vào danh mục các nhiệm vụ đặc thù quy định tại dự thảo Nghị định.
	Gia Lai	Nhiệm vụ tuần tra biên giới, phân giới cắm mốc không thuộc về một cơ quan đơn lẻ mà là sự phối hợp của nhiều ban ngành (tại tỉnh Gia Lai có <u>Ban chỉ đạo công tác biên giới</u> thực hiện nhiệm vụ này, <u>thành viên của Ban gồm các sở, ngành trên địa bàn tỉnh</u>) nên địa phương gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe. Đề nghị bổ sung thêm quy định đối với một số trường hợp xe ô tô PVCTC phục vụ nhiệm vụ của liên ngành (theo hướng được xem xét, bố trí cho cơ quan thường trực của Ban,...).	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
Điều 9. TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, tổ chức khối các văn phòng ở trung ương, Cơ quan UBTWMTTQVN			
1. Đối tượng áp dụng	Viện Hàn	Bổ sung: "Đơn vị chức năng trực thuộc đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp	Giải trình: Điều này áp dụng cho

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
a) Văn phòng Đảng ủy các cơ quan Đảng ở trung ương, Văn phòng Đảng ủy Quốc hội, Văn phòng Đảng ủy Chính phủ, Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương. b) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc các cơ quan của Đảng ở trung ương là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng. c) Các vụ, cục và tương đương thuộc UBTWMTTQVN (không bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ). d) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ.	<i>lâm KHI&N VN</i>	<i>hành Trung ương Đảng</i> ". Do tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định số 17-QĐ/TW về cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm, đề nghị nghiên cứu	khỏi các VPTW, cơ quan trung ương khác áp dụng quy định chung tại Điều 11 dự thảo.
	<i>VPTW Đảng</i>	- Đề nghị sửa đổi bổ sung: " <i>b) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng</i> ". - Đề nghị bổ sung 01 điểm b1 sau điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định: " <i>Các cục, vụ, ban và tương đương thuộc, trực thuộc Báo Nhân Dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Tạp chí cộng sản Việt Nam</i> ". <i>Lý do:</i> Để đảm bảo bao quát, cụ thể hơn đối tượng là các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	<i>HVCTQG Hồ Chí Minh</i>	Bổ sung cụm từ " <i>các học viện, vụ, viện và tương đương thuộc, trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i> " vào mục a, khoản 1, Điều 9 dự thảo Nghị định. <i>Lý do:</i> Học viện thuộc trường hợp xác định TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị của Đảng ở TW). Việc bổ sung để bảo đảm tính ổn định trong tổ chức thực hiện, kế thừa các quy định đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn, không làm phát sinh bất cập trong quản lý, sử dụng xe ô tô và phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ đặc thù.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	<i>VPQH</i>	Bổ sung đối tượng áp dụng gồm: (i) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Quốc hội; (ii) Các Vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH; (iii) Các vụ, cục và đơn vị tương đương thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Quốc hội. <i>Lý do:</i> Để phù hợp với mô hình tổ chức mới của Quốc hội theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội; bảo đảm các đơn vị trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước có cơ sở pháp lý để xác định TCDM xe phục vụ công tác.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	<i>KTNN</i>	Bổ sung điểm d: " <i>Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Kiểm toán nhà nước</i> ". <i>Lý do:</i> Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11 dự thảo thì số lượng xe ô tô PVCTC của Kiểm toán nhà nước xác định là 110 xe, giảm 25 xe so với định mức hiện hành 135 xe, tương đương giảm khoảng 18,51%. Theo Nghị quyết số 999/2020/UBTVQH14 về Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030, KTNN phấn đấu tăng cường kiểm toán hoạt động, kiểm toán chuyên đề và từng bước mở rộng phạm vi kiểm toán đối với ngân	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sách địa phương. So với quy mô hiện nay khoảng 1.200 đến 1.350 tổ kiểm toán/năm, số lượng tổ kiểm toán có thể tăng thêm từ khoảng 16% đến 28%. Điều này đồng nghĩa với việc nhu cầu sử dụng phương tiện phục vụ công tác cũng tăng tương ứng, trong khi dự thảo giảm 18,51%, tạo ra sự mất cân đối đáng kể giữa nhu cầu thực tế và khả năng đáp ứng về phương tiện. Bên cạnh đó, khác với mô hình kiểm toán tại cấp huyện trước đây, các đơn vị hành chính cấp xã phân bố rộng, nhiều địa phương có địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối, vùng ven biển, hải đảo hoặc khu vực có điều kiện giao thông khó khăn. Việc di chuyển trực tiếp đến từng xã sẽ làm gia tăng đáng kể cường độ sử dụng phương tiện và nhu cầu bố trí xe phục vụ các tổ kiểm toán. Do đó, việc xác định TCDM xe ô tô PVCTC đối với Kiểm toán nhà nước cần được xem xét theo cơ chế riêng phù hợp với vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và đặc thù hoạt động của ngành.	
Điều 10. TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục loại 1 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương			
2. TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục loại 1 và tương đương được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này trên cơ sở tổng số lượng biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị ngành dọc tại khoản 3, khoản 4 Điều này); trường hợp cục loại 1 và tương đương có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có biên chế từ 20 người trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này. 3. TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị trực thuộc cục loại 1 và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định như sau: a) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. ...d) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên	Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định quy định yếu tố diện tích, biên chế làm tiêu chí quyết định TCDM xe ô tô phục vụ công tác chung đối với 01 đơn vị (Điều 10). Tuy nhiên, một số cơ quan, đơn vị có hoạt động chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, phối hợp diễn ra với tần suất nhiều, phạm vi rộng nên việc điều chỉnh TCDM ô tô phục vụ công tác chung theo dự thảo Nghị định có thể chưa phù hợp với hoạt động của các cơ quan, đơn vị này. Ví dụ, trong lĩnh vực tư pháp: Sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống thi hành án dân sự (THADS), khối lượng công việc của các cơ quan THADS không giảm, ngày càng tăng theo sự phát triển kinh tế xã hội. Đặc thù của công tác THADS là phải gần với người dân, với cơ sở nên sau khi sắp xếp lại bộ máy thì khoảng cách giữa cơ quan THADS với cơ sở ngày càng tăng, vì vậy nhu cầu được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo hoạt động đối với mỗi khu vực là rất cần thiết. Theo dự thảo dự kiến cơ quan THADS được trang cấp (236 xe) sẽ khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thực tế cho thấy, qua công tác quản lý, sử dụng xe ô tô theo TCDM quy định tại khoản 7, Điều 3 Nghị định 72 cho thấy là phù hợp, đáp ứng yêu cầu của công tác THADS. Do đó, đề nghị bổ sung quy định TCDM đặc thù cho các cơ quan có tính chất công việc như cơ quan THADS.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
120 người trở lên thì ngoài số xe xác định theo điểm c khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. đ) Trường hợp đơn vị ngành dọc có đơn vị trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km ² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì xác định TCĐM như sau:...	Bộ Tài chính	Đề nghị sửa theo hướng: " <i>TCĐM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Cục loại 1 và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định...</i> " cho phù hợp với tổ chức, bộ máy của các cục loại 1.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
4. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều này, các đơn vị ngành dọc được bổ sung số lượng xe tối đa như sau: a) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố: Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km ² đến dưới 12.000 km ² thì được bổ sung 01 xe; từ 12.000 km ² trở lên thì cứ 3.000 km ² tăng thêm được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe. b) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố: ...	ĐHQGTP HCM	Đề nghị bổ sung tiêu chí về điều kiện giao thông, khoảng cách di chuyển và đặc điểm địa hình do có địa phương diện tích lớn nhưng giao thông thuận lợi; ngược lại có địa phương diện tích không lớn nhưng việc đi lại rất khó khăn. <i>Tương tự với Điều 13, 14, 15</i>	Giải trình: Các tiêu chí tại dự thảo về điều kiện giao thông, khoảng cách di chuyển và đặc điểm địa hình đã thể hiện thông qua yếu tố diện tích địa bàn được giao quản lý, địa bàn khó khăn.
Điều 11. TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của vụ, cục loại 2 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương không tổ chức theo ngành dọc			
2. TCĐM được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến	Đài TNVN	Theo Quyết định số 16-QĐ/TW ngày 30/03/2026 của Bộ Chính trị, Đài TNVN là ĐVSNCL của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, là đài phát thanh quốc gia, cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực đa phương tiện, đa ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước. Hệ thống tổ chức trực thuộc của Đài TNVN quy mô lớn và trải rộng, bao gồm Khối nội dung (Ban Thời sự, Ban Văn hóa- Xã hội và Dân tộc, Ban Văn học- Nghệ thuật - Âm nhạc,...), Khối chức năng, 06 Cơ quan thường trú (CQTT) khu vực đóng tại các địa bàn chiến lược trọng điểm trong nước (Đông Bắc, Tây Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên, TP. HCM, Đồng bằng sông Cửu Long) và hệ thống CQTT ở nước ngoài, cùng các Trung tâm đặc thù chuyên ngành như	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.		Trung tâm Kỹ thuật, Trung tâm Sản xuất và Lưu trữ chương trình... Thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng và vận hành mạng lưới thông tin ứng cứu khẩn cấp quốc gia trên sóng phát thanh”, đồng thời trực tiếp quản lý hệ thống kỹ thuật chuyên dùng để truyền dẫn, phát sóng mặt đất và vệ tinh. Do đó, tần suất phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên phải chia nhiều mũi độc lập, sử dụng phương tiện lưu động di chuyển đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo hoặc các khu vực chịu thiên tai, bão lũ là diễn ra liên tục. Dự thảo nghị định đang áp dụng mức xe ô tô PVCTC theo quy mô biên chế hành chính thông thường sẽ gây sụt giảm chỉ tiêu phương tiện, làm giảm tính cơ động khẩn cấp và an toàn phát sóng quốc gia. Đài TNVN đề nghị lồng ghép quy định cơ chế đặc thù: Cho phép giữ nguyên số lượng chỉ tiêu (định mức) xe ô tô như hiện nay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm bảo đảm hoạt động thông tin, phát thanh diễn ra liên tục, ổn định.	
	Bộ KHCN	Việc chỉ dựa vào số biên chế hoặc số người làm việc thực tế chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu sử dụng thực tế của các cơ quan; vì vậy, đề nghị căn cứ thêm tiêu chí địa bàn hoạt động (đối với hệ thống ngành dọc đã căn cứ vào tiêu chí này) do trên thực tế, nhiều đơn vị có tính chất đặc thù (biên chế ít nhưng phạm vi quản lý rộng, hoạt động lưu động cao hoặc <u>ngược lại</u>).	Giải trình: Tại Nghị định đã quy định việc phân bổ (điều hòa) lại số lượng xe giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương; theo đó, Bộ có thể điều hòa số lượng xe của đơn vị có biên chế nhiều nhưng phạm vi quản lý không rộng, hoạt động lưu động không cao sang cho các đơn vị biên chế ít nhưng phạm vi quản lý rộng, hoạt động lưu động cao.
Điều 12. TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc			
1. Đối tượng áp dụng gồm: Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc (bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam).	VKSNDTC	Đối tượng áp dụng gồm: Các bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc (bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam). Lý do: Quy định như dự thảo: “Các vụ, cục và tương đương thuộc...” thì chỉ mới quy định cho các đơn vị trực thuộc ở cấp trung ương (tối cao), <i>chưa thể hiện đầy đủ đối tượng</i> cho các cấp trực thuộc ngành dọc (cấp tỉnh, cấp khu vực).	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
2. TCĐM được xác định như sau: a) TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của các vụ, cục và tương đương (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này) được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định	Ngân hàng nhà nước VN	Đề nghị giữ nguyên tiêu chí diện tích của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố như quy định tại NĐ số 153 về TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc trong đó có Ngân hàng Nhà nước. Lý do: Thực hiện NĐ số 153, NHNN đã rà soát lại	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
này. b) TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định này.		số xe hiện có, xây dựng định mức phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của NHNN, định mức xe ô tô PVCTC của NHNN đã giảm 45 xe (từ 245 xe ¹⁴ xuống 190 xe ¹⁵). Đồng thời, NHNN phân bổ toàn bộ định mức xe theo quy định cho các đơn vị để phục vụ công tác. Tuy nhiên, theo quy định tại tiết b Khoản 2 Điều 12 dự thảo, thì số xe của NHNN tiếp tục giảm khoảng 15 xe trong khi địa bàn hoạt động, quản lý nhà nước của NHNN chi nhánh khu vực không thay đổi, nhu cầu sử dụng xe ô tô không giảm mà còn tăng hơn do phát sinh hoạt động thanh tra chéo khi trụ sở các khu vực đóng ở tỉnh này nhưng đối tượng thanh tra lại ở tỉnh khác. Việc tiếp tục giảm định mức xe khi NHNN đã ổn định về mô hình tổ chức sẽ gây khó khăn trong công tác thanh, kiểm tra nhất là tại các đơn vị địa bàn rộng, địa bàn vùng núi, biên giới sẽ không có đủ xe để hoạt động. Do đó đề xuất giữ nguyên quy định về định mức như tại ND số 153.	
	TANDTC	TANDTC được xác định là cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc, có tính chất đặc thù, khối lượng công việc kiểm tra xét xử, giám đốc thẩm, tái thẩm và chỉ đạo nghiệp vụ trên toàn quốc là rất lớn. Việc bỏ khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 72 và không bổ sung Tòa án nhân dân tối cao vào nhóm được áp dụng cơ chế quyết định số lượng xe cao hơn số xe theo quy định sẽ gây khó khăn cho hoạt động đặc thù của ngành tư pháp. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung TANDTC và các bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc khác (gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước,...) vào nhóm được áp dụng cơ chế quyết định số lượng xe cao hơn số xe theo quy định tại Điều 12 của dự thảo Nghị định này.	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo.
Chưa có quy định	VKSNDTC	- Đề nghị giữ nguyên số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của ngành Kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 7 điều 3 Nghị định số 72 và Nghị định số 153. - Bổ sung điểm c khoản 2 như sau: “c) <i>Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các vụ, cục và tương đương trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; của Toàn án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực được xác định theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định này.</i> <i>Trường hợp số lượng xe áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức này thấp hơn số lượng xe đã được xác định theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 7</i>	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo.

¹⁴ Quyết định số 254/QĐ-NHNN ngày 21/02/2024 của Thống đốc NHNN

¹⁵ Quyết định số 4069/QĐ-NHNN ngày 30/12/2025 của Thống đốc NHNN

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Điều 3, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì căn cứ nhu cầu để đáp ứng nhiệm vụ công tác, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định số lượng xe đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong ngành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt tổng tiêu chuẩn, định mức xe đã được xác định trước ngày thi hành Nghị định này.” Lý do: Quy định như trên sẽ phù hợp trước hết xác định nhu cầu xe ô tô phục vụ công tác chung gắn với nhiệm vụ và địa bàn hoạt động của các cấp thuộc ngành dọc; biên chế có giảm, việc giảm đầu mối chính quyền cấp xã (nếu có) thì nhiệm vụ công tác như của Viện kiểm sát nhân dân vẫn phải hoạt động như vậy (chưa kể nhiệm vụ tăng thêm). Đồng thời bảo đảm không vượt quá số lượng xe đã được xác định theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 72 và khi Chính phủ ban hành Nghị định 153 (đã được rà soát, tính toán sau sắp xếp tổ chức, bộ máy).	
Điều 13. TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC của các Văn phòng cấp tỉnh			
2. TCDM được xác định như sau: a) Đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Tối đa 10 xe/Văn phòng. b) Đối với các tỉnh, thành phố còn lại: Tối đa là 05 xe/Văn phòng; trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên thì được bổ sung số lượng xe như sau: từ 5.000 km² đến dưới 8.000 km² được bổ sung 01 xe; từ 8.000 km² đến dưới 11.000 km² được bổ sung 02 xe; từ 11.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe. c) Ngoài số xe được xác định theo quy định tại các điểm a, điểm b khoản này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau: Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe; Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí	STC Tuyên Quang và Tỉnh ủy Tuyên Quang, Cần Thơ, Ninh Bình	(1) Tỉnh Tuyên Quang: Đề nghị tăng định mức số lượng xe của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh hoặc có tiêu chuẩn riêng cho các Ban Hội đồng nhân dân để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. <i>Lý do:</i> - Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, phạm vi giám sát của HĐND tỉnh mở rộng xuống toàn bộ xã, phường. Các Ban HĐND thường xuyên tổ chức khảo sát, giám sát chuyên đề độc lập. - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh và các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang có 29 người có chức danh từ bậc 8 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ. - Các Ban của HĐND thành phố tương đương với các Sở, ban, ngành chuyên môn (theo quy định Quy định số 368-QĐ/TW “<i>Cấp trưởng các ban chuyên môn của HĐND, chánh văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh</i>” tương đương “<i>Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh</i>”). (2) TP. Cần Thơ: Đề xuất điều chỉnh định mức khối Văn phòng lên 06 xe/Văn phòng; <i>Lý do:</i> Hiện nay, các tỉnh mới đều sáp nhập tối thiểu từ 02 tỉnh trở lên so với trước đây, từ đó số biên chế lãnh đạo và cán bộ công chức, viên chức tăng lên rất nhiều, công việc xử lý tăng lên rất đáng kể; do địa bàn rộng, đoạn đường di chuyển xa, số lượng xe phục vụ công tác chung như dự thảo là không đảm bảo trong thời gian tới. (3) Ninh Bình đề xuất: Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy là những cơ quan trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động lãnh	(1) Tiếp thu, hoàn thiện khoản 4 Điều 13 dự thảo. (2), (3): Tiếp thu, hoàn thiện điểm b khoản 2 Điều 13 dự thảo như sau: “<i>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sáp nhập từ 03 tỉnh, thành phố trở lên được bổ sung 01 xe/Văn phòng.</i>”

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
dó; trường hợp Văn phòng đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiêu chí được đáp ứng. d) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định như sau: Đối với các ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này. Đối với các ĐVSNCL ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này. Đối với các đơn vị còn lại: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. 3. Trường hợp Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô PVCTC của Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản 2 Điều này và số xe quy định tại Điều 14 Nghị định này. 4. Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong TCĐM xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này để phục vụ công tác.		đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy; thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, khảo sát, nắm tình hình cơ sở, theo dõi địa bàn, tham dự các cuộc họp, hội nghị, làm việc với các địa phương, cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh. Để bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, đề nghị nghiên cứu, xem xét: (i) Bổ sung cơ chế xác định định mức xe ô tô PVCTC đối với Văn phòng Tỉnh ủy và các ban xây dựng đảng tại các tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; (ii) Cho phép xác định hoặc bổ sung định mức xe ô tô PVCTC trên cơ sở các tiêu chí như quy mô địa bàn quản lý, dân số, số lượng đơn vị hành chính, khoảng cách địa lý và khối lượng nhiệm vụ thực tế phát sinh sau sắp xếp; (iii) Có cơ chế chuyển tiếp hoặc cơ chế đặc thù để có điều kiện bổ sung phương tiện.	
	Thanh Hóa, Đà Nẵng	(1) Tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị bổ sung thêm tiêu chí quy định số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn theo hướng: “<i>Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn hoặc có từ 20 đơn vị hành chính cấp xã trở lên là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe/Văn phòng.</i>” (2) TP Đà Nẵng: Tại điểm b quy định định mức xe công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh tối đa là 05 xe là chưa phù hợp với tính chất đặc thù. Dù dự thảo có cơ chế điều hòa (Điều 22, 23), nhưng nếu tổng định mức biên chế toàn tỉnh không đủ lớn, sẽ không có nguồn xe dôi dư để điều hòa cho Văn phòng UBND cấp tỉnh, dẫn đến thiếu hụt phương tiện phục vụ Thường trực UBND đi công tác thực địa... Do vậy, đề nghị xem xét, bổ sung vào Điều 13 nội dung: <i>Trường hợp Văn phòng UBND cấp tỉnh có nhu cầu sử dụng số lượng xe lớn hơn định mức quy định tại Điều này do yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị đặc thù; giao UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định định mức xe công tác chung của Văn phòng UBND cấp tỉnh, đảm bảo phù hợp với thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.</i>	Giải trình: Dự thảo kế thừa quy định hiện hành. Cơ bản các địa phương thống nhất với quy định tại dự thảo Nghị định. Tại dự thảo đã quy định các tiêu chí để bổ sung xe như: diện tích tự nhiên, số ĐVHC cấp xã, khả năng cân đối ngân sách. Ngoài ra, tại dự thảo cũng đã quy định cho phép địa phương được phân bổ (điều hòa) xe giữa các cơ quan thuộc phạm vi của địa phương.
	Đà Nẵng	Tại điểm d đề nghị bỏ đoạn: “<i>Đối với các đơn vị còn lại: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/1 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe</i>” do trùng lặp; vì thực tế đối với các ĐVSNCL ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này, đã bao hàm đầy đủ nội dung.	Giải trình: Quy định tại dự thảo đảm bảo bao quát các loại hình (cơ quan, ĐVSNCL) trực thuộc Văn phòng cấp tỉnh có thể phát sinh.
Điều 15. TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; sở, ban, ngành và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2. TCDM được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.	Quảng Ngãi	Khoản 2 này chưa hợp lý. Bởi vì, khối lượng công việc của các sở, ban, ngành rất lớn, thường xuyên đi công tác cơ sở, trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, tổ chức với điều kiện hiện nay là địa bàn rất rộng sau khi nhập tỉnh, trong khi tại Điều 13 dự thảo Nghị định lại quy định các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (trừ Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, ĐVSNCL thuộc tỉnh ủy, thành ủy và Đảng ủy cấp xã) là Đơn vị có số biên chế chỉ từ 20 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Do đó, <i>đề nghị nâng mức áp dụng định mức tiêu chuẩn được sử dụng xe ô tô ít nhất là 02 xe/đơn vị có biên chế từ 40 người trở xuống đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i> Như vậy, đảm bảo việc thực hiện tốt nhiệm vụ và tương ứng với đối tượng là các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy được quy định tại dự thảo Nghị định này.	Giải trình: Quy định tại dự thảo kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, sau khi tiếp thu ý kiến, dự thảo đã hoàn thiện theo hướng Chủ tịch UBND tỉnh được xem xét, quyết định phân bổ (điều hòa) xe giữa các cơ quan chuyên môn, cấp xã và các ĐVSNCL nhóm 2, 3, 4 (mà không chỉ giữa các cơ quan chuyên môn và cấp xã như dự thảo xin ý kiến).
Điều 16. TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC của cấp xã			
1. Đối tượng áp dụng: Đảng ủy cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác của cấp xã (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã). 2. TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC: Tối đa 02 xe/xã. 3. Trường hợp cấp xã có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định này.	Nghệ An Cần Thơ, Đồng Tháp, Điện Biên	Đề nghị bổ sung nội dung quy định đối với trường hợp sáp nhập xã để đảm bảo thực hiện khi có chủ trương sáp nhập cấp xã. (1) TP Cần Thơ, Đồng Tháp: Đề nghị điều chỉnh thành: <i>"a. TCDM đối với Đảng ủy cấp xã: Tối đa 01 xe/xã (đối tượng sử dụng gồm: Đảng ủy cấp xã, Ủy ban MTTQVN cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc Đảng ủy, Ủy ban MTTQVN cấp xã)</i> <i>b. TCDM đối với UBND cấp xã: Tối đa 01 xe/xã. (đối tượng sử dụng gồm: HĐND cấp xã, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc HĐND cấp xã, UBND cấp xã."</i> Lý do: Liên quan đến việc đăng ký chủ sở hữu sử dụng xe ô tô và thẩm quyền xử lý tài sản tại cơ quan của Đảng theo quy định tại Nghị định số 52/2026/NĐ-CP. Quy định cụ thể như vậy để làm rõ hơn thẩm quyền xử lý và quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Đảng về sau. (2) Tỉnh Điện Biên: Xem xét bỏ TCDM của Đảng ủy cấp xã. Lý do: TCDM cấp xã đối tượng áp dụng bao gồm Đảng ủy cấp xã, Ủy ban MTTQVN cấp xã, HĐND cấp xã, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác của cấp xã và được phân bổ tối đa 02 xe/01 xã không phân biệt tiêu chuẩn định mức riêng của Đảng ủy cấp xã.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (1) Giải trình: Quy định thẩm quyền cho địa phương để chủ động việc phân bổ (điều hòa) cho phù hợp với từng xã. Việc bố trí cụ thể theo phương thức quản lý xe của từng xã. (2) Giải trình: Theo Điều 1 Quy định số 298-QĐ/TW ngày 09/6/2025 chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu thì <u>Đảng ủy cấp trên cơ sở ở cấp xã là cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy</u> trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp ủy cấp tỉnh); đồng thời cấp xã có chung định mức, do đó, quy định để xác định rõ tiêu chuẩn, định mức của cấp xã (bao gồm Đảng ủy cấp xã) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.
	Quảng Ngãi	Đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn cụ thể đối với việc quản lý, sử dụng	Giải trình: Tại dự thảo (Điều 24)

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xe ô tô dùng chung đối với Đảng ủy cấp xã. Vì thực tế hiện nay ở cấp xã có 3 đối tượng sử dụng xe ô tô: Đảng ủy cấp xã, Ủy ban MTTQVN cấp xã, HDND và UBND cấp xã; UBND cấp xã đang lúng túng trong việc quản lý, sử dụng xe ô tô trong trường hợp Đảng ủy cấp xã đề nghị giao xe ô tô cho Đảng ủy cấp xã quản lý, sử dụng.	đã quy định cụ thể về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung; gồm: Phương thức quản lý tập trung/Phương thức quản lý gián tiếp/Kết hợp phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp. Đồng thời đã quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định phương thức quản lý của cấp xã, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.
	Đồng Nai, Ninh Bình, Cần Thơ, Đồng Tháp, Đồng Nai, Tây Ninh, ông Nguyễn Bá Luân (Công TTĐT Chính phủ)	Bổ sung một số nội dung quy định làm rõ các vấn đề như sau: (1) Phương pháp xác định (hoặc phân bổ hoặc điều hòa) tổng số lượng xe ô tô PVCTC của cấp xã đối với trường hợp cần thiết bổ sung số lượng xe ô tô PVCTC của các đơn vị trực thuộc cấp xã có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 dự thảo. (2) Đề nghị làm rõ nội dung về đơn vị trực thuộc tại cấp xã. Trường hợp các phòng chuyên môn, ban, trung tâm, trường học trực thuộc UBND xã và Đảng ủy xã là các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng và có số biên chế từ 20 người trở lên thì có được tính tiêu chuẩn định mức riêng và được cộng vào tổng số TCDM xe ô tô PVCTC của xã và tính để thực hiện phân bổ hay số lượng tối đa chỉ là 02 xe/xã? (3) Đề nghị sửa thành: “3. Trường hợp cấp xã có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định này (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo). Lý do: Cấp xã có các Trường Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, các Trạm Y tế... vẫn có số biên chế trên 20 người. Nếu quy định như dự thảo thì số lượng xe ô tô tăng rất cao dẫn đến ngân sách nhà nước phải cân đối nguồn kinh phí rất khó khăn, trong khi các trường hợp này không cần thiết trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung. (4) Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 16 theo hướng <u>không quy định mức tối đa 02 xe/xã</u> mà quy định theo hướng căn cứ vào số lượng biên chế và bổ sung thêm quy định trường hợp được bổ sung thêm số lượng xe đối với đơn vị cấp xã. Lý do: Việc quy định tối đa 02 xe/xã và quy định thêm trường hợp đơn vị trực thuộc xã được bố trí xe ô tô sẽ gây khó khăn trong quá trình thực hiện xác định tiêu chuẩn định mức và phân	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo (khoản 3 Điều 16) theo hướng: “3. Ngoài số xe quy định tại khoản 2 Điều này, trường hợp cấp xã có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này và được cộng vào định mức sử dụng xe ô tô của cấp xã.”.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bổ xe ô tô cho cấp xã. (5) Khái niệm “các đơn vị trực thuộc cấp xã” được nêu tại khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định có bao gồm các <u>cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy cấp xã</u> hay không? (6) Đề nghị bỏ Khoản 3, bổ sung thêm 02 xe ô tô công tác chung, thành tối đa 04 xe/ xã. Lý do: Số lượng biên chế các phòng ban (đơn vị có nhu cầu sử dụng xe ô tô) thường ít hơn 20 biên chế, trong khi các đơn vị trường học, trạm y tế ít có nhu cầu sử dụng xe ô tô lại có số lượng nhiều hơn 20 biên chế. Việc giao thêm xe theo số lượng biên chế của đơn vị trực thuộc cấp xã tại Khoản 3 sẽ tạo ra bất cập. (7) Nghiên cứu bổ sung quy định về TCĐM sử dụng xe ô tô đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã và bổ sung đối tượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã vào phạm vi điều chỉnh của Điều 17 hoặc bổ sung quy định dẫn chiếu để các đơn vị này được áp dụng TCĐM tương ứng theo lĩnh vực hoạt động và quy mô biên chế, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong áp dụng pháp luật và phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy hiện nay.	
	ĐHQG TP HCM	Đề nghị bổ sung tiêu chí xem xét trang bị thêm xe đối với các xã có diện tích lớn, địa bàn chia cắt, miền núi, biên giới, hải đảo hoặc dân số đặc biệt đông sau sắp xếp đơn vị hành chính, nhiều xã có quy mô diện tích và phạm vi quản lý tăng đáng kể. Định mức cứng 02 xe/xã có thể không đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, phát sinh nhu cầu thuê xe thường xuyên, làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách	Giải trình: Quy định tại dự thảo kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, sau khi tiếp thu ý kiến, dự thảo đã hoàn thiện theo hướng Chủ tịch UBND tỉnh được xem xét, quyết định phân bổ (điều hòa) xe giữa các cơ quan chuyên môn, cấp xã và các ĐVSNCN nhóm 2, 3, 4 (mà không chỉ giữa các cơ quan chuyên môn và cấp xã như dự thảo xin ý kiến).
Điều 17. TCĐM xe ô tô PVCTC của ĐVSNCN trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
Tham gia chung	Quảng Ninh	Đề nghị bổ sung thêm: “ <i>đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy</i> ” do: Để đảm bảo đúng Quy định số 393-QĐ/TW, ngày 05/01/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố, trong đó tại khoản 1 Điều 1 tiếp th quy định: “ <i>Trường chính trị tỉnh, thành phố là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện và thường xuyên của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy</i> ” và đảm bảo thống nhất, đồng bộ quy	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định đối với các loại hình đơn vị tại Nghị định.	
	VPTWD	Tại Mục 3 Chương 3 dự thảo Nghị định quy định TCDM xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập; tuy nhiên, chưa có quy định về TCDM sử dụng xe ô tô của 05 cơ quan là Viện HLKHXH Việt Nam, Viện HLKI&CN Việt Nam, Đài THVN, Đài TNVN và Thông tấn xã Việt Nam ¹⁶ ; vì vậy, đề nghị bổ sung quy định và tổng hợp ý kiến của các đơn vị vào dự thảo.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo theo hướng quy định rõ định mức của 05 ĐVSNCL của BCHTW Đảng tại Điều 11 dự thảo.
1. TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC của ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.	Hưng Yên	Nghiên cứu quy định riêng TCDM sử dụng xe ô tô PVCTC đối với ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế và lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Việc áp dụng chung một TCDM đối với cả hai lĩnh vực có thể chưa phản ánh đầy đủ đặc thù hoạt động của từng ngành. Lý do: Lĩnh vực y tế thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn có tính cấp thiết, phục vụ khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo tuyến, vận chuyển nhân lực, trang thiết bị y tế đến các địa bàn khó khăn; nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cao hơn so với nhiều lĩnh vực sự nghiệp công lập khác. Trong khi đó, hoạt động của các ĐVSNCL thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo chủ yếu được thực hiện ổn định tại cơ sở, nhu cầu sử dụng xe ô tô PVCTC có tính chất và tần suất khác với lĩnh vực y tế.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng chỉ quy định riêng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

¹⁶ Theo Quyết định số 12-QĐ/TW, số 15-QĐ/TW, số 16-QĐ/TW, số 17-QĐ/TW và số 18-QĐ/TW, ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị, kể từ ngày 01/4/2026, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam là đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ KHCN, ĐHQGTPH CM	(1) Bộ KHCN: Quy định số biên chế tương ứng như quy định tại Khoản 2 Điều 17 vì hiện nay quy định từ 100 người đến 300 người tối đa 02 xe/01 đơn vị... 2.000 người trở lên tối đa được 05 xe/01 đơn vị sẽ khó khăn cho đơn vị thực thi trong việc sắp xếp phương tiện phục vụ công tác cho cán bộ; (2) ĐHQGTPHCM: Ngoài tiêu chí số lượng biên chế, đề nghị bổ sung các tiêu chí đặc thù để xác định TCĐM xe phục vụ công tác chung đối với cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: quy mô người học; số lượng cơ sở đào tạo, cơ sở thực hành, thực nghiệm; số lượng cơ sở đào tạo theo đơn đặt hàng; số lượng bệnh viện, doanh nghiệp và các đơn vị đối tác ký kết phục vụ đào tạo, thực hành, thực tập; phạm vi địa bàn quản lý và khoảng cách giữa các cơ sở. Một trường đại học có thể có từ 100 - 300 viên chức người lao động nhưng sẽ có nhiều cơ sở giảng dạy, đào tạo; đặc biệt trường đại học khối ngành khoa học sức khỏe cần thực tập tại các bệnh viện; các nhà máy dược; và đào tạo theo đơn đặt hàng của địa phương.	(1) Tiếp thu đối với lĩnh vực y tế thì quy định như các đơn vị sự nghiệp thông thường; riêng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo có số lượng biên chế lớn, trong khi nhu cầu sử dụng xe không nhiều nên dự thảo giữ như dự thảo. (2) Giải trình: Tại khoản 3 Điều 17 dự thảo đã quy định việc xác định định mức xe đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có đơn vị thuộc, trực thuộc.
2. TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của ĐVSNCL ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.	Bộ XD	Đề nghị sửa như sau: "2. TCĐM sử dụng xe ô tô PVCTC của ĐVSNCL ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo hoặc ĐVSNCL phải thực hiện đồng thời nhiều chức năng, nhiệm vụ riêng biệt được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. ...e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị." - Lý do: Hiện nay, nhiều ĐVSNCL sau khi sáp nhập bộ máy phải đồng thời thực hiện nhiều chức năng quản lý nhà nước có tính chất riêng biệt, có thể vừa thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo, vừa thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học, hoạch định chiến lược và quản lý nhà nước. Do vậy, đối với các đơn vị có nhiều chức năng, việc phân tách đơn vị nào là đơn vị thuộc hoặc không thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở đó, đề nghị sửa đổi quy định như đề xuất trên để các đơn vị có nhiều chức năng nhiệm vụ riêng biệt, có khối lượng công việc lớn được hưởng định mức xe ô tô tương tự như các ĐVSNCL ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.	Giải trình: Đối với ĐVSNCL đa ngành, đa lĩnh vực thì cần phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính theo Quyết định thành lập hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị đó. (Qua trao đổi với Vụ KTN, Vụ TCCB thì việc xác định lĩnh vực chính xếp các đơn vị vào các khối thì không có quy định cụ thể mà căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị đó. VD: Đơn vị là Trường thì xếp vào khối giáo dục; Bệnh viện thì xếp vào khối y tế. Trường hợp các đơn vị này có đơn vị trực thuộc thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị trực thuộc để xếp vào khối cho phù hợp (Bệnh viện Đại học Y thuộc Trường ĐHY Hà Nội thì Bệnh viện xếp vào khối y tế).

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3. Trường hợp ĐVSNCL tại khoản 1, khoản 2 Điều này có các đơn vị trực thuộc (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thì việc xác định TCDM như sau: a) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị để xác định TCDM sử dụng xe ô tô của đơn vị theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này. b) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị để xác định TCDM sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định như sau: Đối với các ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với các ĐVSNCL ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.	Bộ XD	Bổ sung vào khoản 3 Điều 17: “4. Đối với ĐVSNCL (kể cả đơn vị trực thuộc quy định tại khoản 3 Điều này) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô ngoài số lượng xe quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định”. Lý do: Mặc dù việc phân cấp cho các đơn vị tự chủ được quyền tự quyết định số lượng xe ô tô được phép sử dụng là cần thiết, tuy nhiên thực tế hiện nay các bộ, ngành thường xuyên phải thực hiện công tác thống kê, báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công do đơn vị mình quản lý, trong đó có tài sản là xe ô tô. Do vậy, cần bổ sung quy định về việc các đơn vị tự chủ phải báo cáo kết quả về cơ quan chủ quản khi thực hiện việc tự quyết định phê duyệt định mức xe ô tô nhằm thông tin về công tác quản lý, sử dụng xe ô tô được cập nhật, theo dõi kịp thời.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	VKSNDTC, TANDTC	Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 17 dự thảo: “Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tại khoản 1,2 điều này có các đơn vị trực thuộc (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng hoặc có phân hiệu tại các tỉnh, thành phố thì việc xác định TCDM như sau:..... Lý do: Sau khi sắp xếp sáp nhập, Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Kiểm sát tại TP. HCM sáp nhập vào Trường Đại học Kiểm sát trở thành phân hiệu Trường Đại học Kiểm sát tại TP HCM, TANDTC mở thêm phân hiệu của HV Tòa án tại TPHCM, <u>tuy nhiên theo Luật Giáo dục đào tạo thì phân hiệu không có tư cách pháp nhân, con dấu.</u>	Giải trình: Quy định tại dự thảo kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/ND-CP. Ngoài ra, sau khi tiếp thu ý kiến, dự thảo đã hoàn thiện theo hướng Thủ trưởng cơ quan trung ương được xem xét, quyết định phân bổ (điều hòa) xe giữa các cơ quan và các ĐVSNCL nhóm 2, 3, 4 (mà không chỉ giữa các cơ quan như dự thảo xin ý kiến).
4. Đối với ĐVSNCL (kể cả đơn vị trực thuộc quy định tại khoản 3 Điều này) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô ngoài số lượng xe quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	NIINN	Theo quy định tại dự thảo người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư có thể chủ động mua sắm số xe ô tô công tác chung cao hơn định mức xét theo biên chế quy định tại dự thảo. Như vậy, việc quy định định mức xe ô tô PVCTC đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư trong dự thảo này là không <u>thật sự cần thiết.</u>	Giải trình: ĐVSNCL chỉ quyết bổ sung số lượng xe; trường hợp được phân cấp thì được quyết định chủng loại xe; còn mức giá theo quy định vẫn phải theo quy định chung.
	Nghệ An	Đề nghị bổ sung nội dung như sau: “Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa như quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này”. Lý do: Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, nhiều ĐVSNCL thực hiện nhiệm vụ quản lý trên	Giải trình: Tại dự thảo đã quy định đối với đơn vị sự nghiệp Nhóm 1 thì Thủ trưởng đơn vị được quyết định bổ sung số lượng xe; đồng

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		địa bàn rộng hơn, phải thường xuyên kiểm tra hiện trường, giám sát công trình, khảo sát hoặc cung cấp dịch vụ công. Trong khi đó Điều 17 dự thảo chỉ mới xác định dựa trên số lượng biên chế, chưa tính đến diện tích địa bàn quản lý, số lượng công trình dự án, điều kiện miền núi, vùng sâu, vùng xa.	thời, sau khi tiếp thu ý kiến, dự thảo đã hoàn thiện theo hướng Chủ tịch UBND cấp tỉnh được xem xét, quyết định phân bổ (điều hòa) xe giữa các cơ quan chuyên môn, cấp xã và các ĐVSNCL nhóm 2, 3, 4 (mà không chỉ giữa các cơ quan chuyên môn và cấp xã như dự thảo xin ý kiến).
	Bộ Tài chính	Đề nghị sửa “ <u>người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô</u> ” thành “ <u>người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô</u> ”.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
	ĐHQG TPHCM	Làm rõ, bổ sung hướng dẫn quy trình trình duyệt, nguyên tắc xác định nhu cầu để tăng tính minh bạch, thuận lợi cho việc hậu kiểm và báo cáo quản lý/nhu cầu xe.	Giải trình: Đây là quy trình nội bộ của bộ, ngành, địa phương, không thuộc phạm vi dự thảo Nghị định. Đồng thời, tại khoản 3 Điều 35 dự thảo Nghị định cũng quy định trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 trong việc tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả các ĐVSNCL nhóm 1).
Điều 18. Xe ô tô PVCTC của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án			
2. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án: ...c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm theo quy định sau: Chi trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được	Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng	(1) Bộ Ngoại giao: Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-BNG ngày 10/3/2025, Ủy ban Biên giới đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về PGCM, quản lý biên giới đất liền và biển đảo theo chức năng được giao. Đây là nhiệm vụ chính trị đặc thù, phức tạp, đòi hỏi thường xuyên tổ chức các đoàn công tác khảo sát, kiểm tra, đàm phán và xử lý các vấn đề phát sinh tại khu vực biên giới. Công tác quản lý biên giới vẫn đòi hỏi thời gian đi thực địa để xử lý các vấn đề phát sinh như xâm canh, xâm cư, việc xây dựng các công trình biên giới, sạt lở tại khu vực đường biên, mốc giới do tác động của biến đổi khí hậu...trên thực địa. Trên biển, Ủy ban thường xuyên tổ chức các đoàn công tác tại địa phương và khu vực biên giới với điều kiện địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt và yêu cầu cơ động cao.	(1) Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
trang bị xe ô tô để phục vụ hoạt động của dự án. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sắp xếp, bố trí trong số xe hiện có để phục vụ hoạt động lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong tổng số xe hiện có để phục vụ hoạt động lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này. Không thực hiện trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP), trừ trường hợp các dự án lớn được cơ quan, người có thẩm quyền thành lập Ban Quản lý dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Không sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại để mua sắm xe ô tô, trừ trường hợp việc mua xe ô tô đã quy định cụ thể tại hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2018. Đối với dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mà hiệp định hoặc văn kiện dự án đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có quy định việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thì việc mua sắm xe ô tô thực hiện theo quy định của hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động dự án được thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và Điều ước quốc		Việc thuê phương tiện còn nhiều hạn chế, như không đáp ứng kịp thời yêu cầu cơ động, lái xe không thông thạo địa bàn và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, bí mật thông tin, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Hiện nay, trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia vẫn còn khoảng 16% khối lượng công tác phân giới, cắm mốc (PGCM) chưa hoàn thành. Đây là các khu vực tồn đọng có điều kiện đặc biệt khó khăn, cả về địa hình và tính chất nhạy cảm, đòi hỏi phải thường xuyên thành lập các đoàn công tác để tiến hành khảo sát, đo đạc, nghiên cứu và tính toán kỹ lưỡng. Hiện có 05 xe ô tô đang được sử dụng trực tiếp để phục vụ thực hiện nhiệm vụ này. Qua rà soát, việc đầu tư, thay thế phương tiện phục vụ công tác phân giới, cắm mốc không thuộc phạm vi điều chỉnh của NĐ số 72 mà được thực hiện theo Kế hoạch tổng thể PGCM Việt Nam - Campuchia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành. Vì vậy, việc tiếp tục đầu tư, thay thế phương tiện là cần thiết để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định nội dung sau: (i) Quy định việc trang bị xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ phân giới cắm mốc theo Kế hoạch Tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện như đối với xe ô tô phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước tại khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị định. (ii) Bổ sung định mức xe phục vụ công tác chung đối với Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Nhà nước về biên giới ở trung ương (2) Bộ Xây dựng: Đề nghị sửa như sau: "<u>Số lượng xe ô tô phục vụ hoạt động dự án cho từng Ban quản lý dự án được xác định tương ứng với thời kỳ ổn định phương án tự chủ tài chính 05 năm. Trong thời gian này, số lượng xe ô tô được xác định trên cơ sở số lượng dự án được giao và số lượng dự án dự kiến triển khai đồng thời trong kỳ, đồng thời xem xét quy mô, địa bàn, khoảng cách, tiến độ và tính chất của các dự án. Ban quản lý dự án lập phương án bố trí, quản lý và sử dụng xe cùng thời điểm lập phương án tự chủ tài chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt một lần cho cả chu kỳ. Trong phạm vi tổng số lượng, chủng loại xe đã được phê duyệt, Ban được chủ động bố trí, điều hòa và luân chuyển xe giữa các dự án, không phải lập phương án trang bị xe riêng cho từng dự án. Trường hợp xe ô tô được mua sắm mới bằng nguồn kinh phí, ngân sách của một dự án cụ thể thì khi dự án đó kết thúc vẫn phải thực hiện xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của nhà tài trợ và pháp luật có liên quan</u>". Lý do: Qua rà soát khoản 2 Điều 18, dự thảo đang xác định việc trang bị	(2) Giải trình: Xe ô tô phục vụ hoạt động dự án quy định tại khoản 2 là áp dụng đối với các dự án có sử dụng vốn ngân sách, là các dự án được thực hiện trong một thời gian nhất định mà có yêu cầu phải trang bị xe ô tô; theo đó, khi dự án kết thúc thì xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại Hiệp định, văn bản đã ký kết; trường hợp tại Hiệp định, văn bản đã ký kết có quy định xử lý tài sản theo quy định hiện hành thì việc xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 286/2025/ NĐ-CP.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
tổ. Giá mua xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án được áp dụng theo giá mua xe ô tô PVCTC quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này, trừ trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại đã ký kết có quy định khác. Giá xe ô tô làm căn cứ giao, điều chuyển được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định này.		xe ô tô phục vụ hoạt động theo từng dự án cụ thể, căn cứ quy mô, địa bàn, đặc điểm và nhu cầu của từng dự án. Các quy định này có thể làm phát sinh thủ tục bố trí, mua sắm, điều chuyển hoặc xử lý xe lặp lại <u>mỗi khi dự án kết thúc</u> . Trong khi đó, khoản 3 Điều 23 đã có nguyên tắc ổn định số lượng, chủng loại xe theo chu kỳ 05 năm. Theo thực tế hiện nay, phần lớn các dự án không bố trí nguồn kinh phí để mua sắm mới xe ô tô phục vụ hoạt động dự án. Xe ô tô do các Ban QLDA đang quản lý, sử dụng chủ yếu là xe được tiếp nhận, chuyển giao từ các dự án trước đây sau khi dự án kết thúc và đã phải thực hiện thủ tục xử lý tài sản qua nhiều lần.	
Điều 19. Giá mua xe ô tô PVCTC			
1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi, xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi thì mức giá có thể cao hơn nhưng không quá là 1.300 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi), không quá 1.600 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi).	HVCTQG HCM, Khánh Hòa	(1) HVCTQGHCM: Đề nghị điều chỉnh mức giá cụ thể: (i) Đối với xe ô tô PVCTC thông thường, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức giá mua tối đa từ 950 triệu đồng/xe lên khoảng 1.100 triệu đồng/xe; (ii) Đối với xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức giá mua tối đa từ 1.300 triệu đồng/xe lên khoảng 1.500 triệu đồng/xe; (iii) Đối với xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức giá mua tối đa từ 1.600 triệu đồng/xe lên khoảng 1.800 triệu đồng/xe. Lý do: Như đã trình bày tại K2 Đ7. (2) Tỉnh Khánh Hòa: Đề nghị điều chỉnh quy định mức giá trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo hướng chỉ quy định mức giá chung cho các loại xe ô tô phục vụ công tác chung (xe ô tô có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô một cầu, hai cầu); xe ô tô con Pickup, ô tô tải Pickup ca bin kép (sau đây gọi là xe bán tải)): (i) Đối với cấp tỉnh: mức giá trang bị tối đa 2.700 triệu đồng/xe; (ii) Đối với cấp xã: mức giá trang bị tối đa 1.800 triệu đồng/xe.	(1) Giải trình: Qua khảo sát mức giá xe trên thị trường (loại xe được nêu tại Tờ trình số 307/TTr-BTC của BTC trình Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) cơ bản không tăng; do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo. (2) Giải trình: Do là xe PVCTC là để phục vụ thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nên không phân biệt cấp tỉnh và xã; Tùy nhu cầu thực tế, khả năng ngân sách để quyết định việc trang bị cho phù hợp.
	Tây Ninh	Bổ sung quy định tại trường hợp nào được mua xe 12-16 chỗ hoặc xe 07-08 chỗ 02 cầu và thẩm quyền quyết định.	Giải trình: Tại dự thảo đã quy định thẩm quyền cơ quan có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe khi thực hiện phân bổ
	VPTW Đảng	Đề nghị bổ sung: “1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp ... (đối với xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi), <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</u> ”	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	ĐHQG TP HCM	Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa 950 triệu đồng/xe: Đề nghị bổ sung cơ chế rà soát, điều chỉnh định kỳ theo biến động giá thị trường hoặc giao thẩm quyền điều chỉnh trong một biên độ nhất định, mức giá cố	Giải trình: Dự thảo đã có quy định trong trường hợp giá xe trên thị trường biến động thì cơ quan, người

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định có thể nhanh chóng lạc hậu do biến động giá xe, đặc biệt đối với các dòng xe phục vụ địa bàn khó khăn.	có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quyết định mức giá tăng thêm tối đa không quá 15% mức giá theo quy định.
	<i>Quảng Ngãi</i>	Việc áp dụng một mức giá trần hoặc định mức chung cho tất cả các tỉnh/thành phố có thể chưa phản ánh đúng đặc thù địa lý. Đối với các tỉnh miền núi, địa bàn chia cắt, giao thông phức tạp, phân khúc xe giá thấp hoặc dung tích xi lanh nhỏ khó đáp ứng được tần suất và điều kiện công tác, dẫn đến chi phí bảo dưỡng, sửa chữa phát sinh cao, không tối ưu về mặt tổng chi phí sở hữu.	Giải trình: Kế thừa quy định Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP, dự thảo đã quy định các loại xe như: xe công suất lớn, xe 02 cầu 07 - 08 chỗ... để đảm bảo phù hợp với đặc thù địa lý, địa bàn miền núi, địa bàn chia cắt, giao thông phức tạp...
2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe PVCTC quy định tại các Điều 9, 11 và 13 Nghị định này để thực hiện các <u>nhiệm vụ đặc thù</u> của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng, của UBTWMTTQVN, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố (gồm: phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các <u>nhiệm vụ đặc thù khác</u>) thì mức giá mua xe được quy định như sau:	<i>Bộ Y tế</i>	Bổ sung thêm cụm từ “gồm: <u>phục vụ công tác ..., ứng phó sự cố về y tế, an toàn thực phẩm và kiểm soát dịch bệnh,...</u> ”	Giải trình: Nhiệm vụ này sử dụng xe phục vụ công tác chung thông thường, không cần thiết phải sử dụng xe công suất lớn.
	<i>DHQP TPHCM</i>	Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “nhiệm vụ đặc thù”, điều kiện áp dụng và hồ sơ chứng minh nhu cầu để tránh áp dụng không thống nhất giữa các địa phương, đơn vị; hạn chế phát sinh đề xuất vượt nhu cầu thực tế	Giải trình: Dự thảo kế thừa quy định hiện hành; đồng thời, đây là quy định chính sách áp dụng chung cho tất cả các bộ, ngành, địa phương nên không thể quy định cụ thể, chi tiết các nhiệm vụ đặc thù. Theo đó, tại dự thảo đã có quy định “các nhiệm vụ đặc thù khác”.
	<i>UBTWMTT QVN</i>	Đề nghị quy định mục riêng cho Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng: - Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: được trang bị 01 xe ô tô có mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa 3.200 triệu đồng/xe. - Các tổ chức chính trị - xã hội: được trang bị 01 xe ô tô có mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 01 xe có mức giá tối đa 3.200 triệu đồng/xe. Lý do: (i) tại Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02/6/2026, Bộ Chính trị giao biên chế Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở Trung ương là 1.414 (gồm: biên chế cán bộ, công chức: 1.153, viên chức: 261); gần bằng 2/3 số lượng cán bộ, công chức của các Ban, Cơ quan, đơn vị ở Trung ương; (ii) Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hiện có 01 Ủy viên Bộ Chính trị và 06 Ủy viên Trung ương Đảng, 01 Ủy viên dự	Giải trình: Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 về thi hành Điều lệ Đảng quy định: “18. Điều 14 (Khoản 1): <u>Lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy</u> 18.3. <u>Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các cơ quan Trung ương của đoàn thể chính trị - xã hội</u> (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3.200 triệu đồng/xe. Trường hợp cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương có từ 15.000 đến 20.000 biên chế thì được trang bị thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.200 triệu đồng/xe; trên 20.000 biên chế thì được trang bị thêm 02 xe với mức giá tối đa là 3.200 triệu đồng/xe. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 9.000 km² thì được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.200 triệu đồng/xe. b) Đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe có mức giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. Thẩm quyền quyết định số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này như sau: Chánh Văn phòng Trung ương Đảng đối với các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng và Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư); Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước đối với Văn phòng Chủ tịch; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với Văn phòng Quốc hội; Bộ trưởng,		khuyết Trung ương Đảng. Hiện nay, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương đang được Bộ Chính trị giao rà soát, sửa đổi Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; do đó, đề nghị cập nhật nội dung Quyết định nếu được Bộ Chính trị ban hành.	<i>Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam); các cơ quan Trung ương của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (nếu có) trực thuộc Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan nêu trên ở địa phương (nếu có): Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.</i> Theo đó các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị xã hội sẽ áp dụng quy định định mức đối với cơ quan Trung ương quy định tại khoản 2 Điều 19 dự thảo.
	VPTW Đảng	(1) Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 dự thảo: “2. Trường hợp ... các cơ quan, đơn vị của trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng, của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố (gồm: <i>phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; phục vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý, vận chuyển hồ sơ, tài liệu mật và các nhiệm vụ có yêu cầu cơ động, bảo mật cao của các cơ quan Đảng ở Trung ương</i>; ...; phục vụ ... như sau: a) Mỗi cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe có mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa là 3.200 3.500 triệu đồng/xe..... b) Đối với cơ quan, đơn vị của trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe có mức giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị của <u>Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng ở trung ương</u>, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các <u>cơ quan, đơn vị chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này</u> với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. ... Lý do: Việc tăng mức giá tối đa của 02 xe ô tô có công suất lớn từ 3.200 triệu đồng/xe lên 3.500 triệu đồng/xe để đảm bảo linh hoạt, chủ động	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với Văn phòng Chính phủ; Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương; Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với tỉnh ủy, thành ủy.		trong việc trang bị xe phục vụ công tác trong trường hợp thị trường khan hiếm, tuy nhiên, đây là mức giá tối đa; vì vậy, các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào nguồn kinh phí và dự toán được giao để trang bị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.	
	UBND tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh ủy Lạng Sơn, Tỉnh ủy Thái Nguyên, Cần Thơ, Quảng Ninh, Đồng Tháp, Tỉnh ủy Khánh Hòa	Theo quy định tại điểm a mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe có mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa 3.200 triệu đồng/xe. <i>Tuy nhiên, dự thảo chưa quy định nguyên tắc phân bổ số lượng xe theo từng mức giá đối với từng cơ quan thuộc tỉnh</i>; trong khi Điều 2 của dự thảo phân định thẩm quyền quyết định TCĐM của khối cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN thuộc các chủ thể có thẩm quyền khác nhau. Đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể số lượng xe theo từng mức giá đối với từng cơ quan hoặc quy định thống nhất thẩm quyền quyết định việc phân bổ số lượng xe theo từng mức giá nhằm bảo đảm thống nhất, thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện; bổ sung nội dung sau: “<i>Giao Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định số lượng xe ô tô có mức giá cao tại điểm này cho khối Văn phòng cấp tỉnh tại địa phương</i>”.	Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng: Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định số lượng xe ô tô công suất lớn cho từng Văn phòng cấp tỉnh.
	Hà Nội, Khánh Hòa, Thành ủy Đà Nẵng	(1) TP Hà Nội: Đề nghị tăng số lượng xe ô tô có công suất lớn trong số xe PVCTC của TP Hà Nội và TP HCM thành 02 xe có mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe. (2) Tỉnh Khánh Hòa: Đề nghị điều chỉnh tăng số lượng như sau: “Mỗi cơ quan, đơn vị của BCH Trung ương Đảng, mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 02 xe có mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 03 xe có mức giá tối đa là 3.200 triệu đồng/xe”. (3) TP Đà Nẵng: Đề xuất điều chỉnh tăng mức giá: “<i>01 xe có mức giá tối đa là 4.800 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe.</i>”.	(1) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo do thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị loại đặc biệt. (2) Giải trình: Dự thảo kế thừa quy định hiện hành; đồng thời, các bộ, ngành, địa phương cơ bản thống nhất với dự thảo. (3) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng điều chỉnh thành 4.800 triệu đồng.
	Thái Nguyên	Đề nghị bổ sung nội dung sau: “Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 8.000 km² thì được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe” để đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.	Giải trình: Cơ bản các địa phương cơ bản thống nhất với dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chưa có quy định	VPTW Đảng	Bổ sung khoản 3: "Đối với nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng phục vụ công tác của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ các chuyển công tác của các lãnh đạo Đảng tại các địa phương, phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc với lãnh đạo Đảng thì Văn phòng Trung ương Đảng được trang bị xe theo yêu cầu công tác. Số lượng, chủng loại và mức giá do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư" Lý do: Bảo đảm linh hoạt khi cần trang bị xe ô tô phục vụ các đoàn công tác của các đồng chí UVBCT, UVBBT, Lãnh đạo Đảng. Việc trang bị xe chỉ thực hiện tại VPTWĐ và Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến của đồng chí Thường trực Ban Bí thư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
Mục 6 PHÂN BỐ (ĐIỀU HÒA) SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG			
Tham gia chung	Cần Thơ, Đồng Tháp	Đề bãi bỏ các Điều 20, 21, 22 và 23 của dự thảo. Vì theo dự thảo tình phải xây dựng TCĐM xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị theo Điều 13, 14, 15, 16 và 17. Việc phân bổ (điều hòa) số lượng là không khách quan cho các đơn vị có số biên chế cao hơn đơn vị có số biên chế thấp.	Giải trình: Chỉ tiêu biên chế cơ bản phản ánh được khối lượng, tính chất công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị...; tuy nhiên chưa bao quát được hết các yếu tố tác động đến nhu cầu sử dụng xe. Do đó, để đảm bảo việc xác định TCĐM xe ô tô PVCTC vừa phù hợp với biên chế, khối lượng, tính chất công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đặc thù khác (như địa bàn hoạt động, diện tích tự nhiên, số ĐVHC cấp xã...), việc quy định điều hòa phân bổ tổng số xe đã xác định theo định mức cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị là để nâng cao hiệu quả sử dụng xe ô tô công. Vì vậy, dự thảo tiếp tục kế thừa quy định này; đồng thời, các bộ, ngành, địa phương khác đều thống nhất với quy định này.
	Bộ Tài chính	- Đề nghị làm rõ hơn trách nhiệm của cơ quan được giao phân bổ, điều hòa số lượng xe giữa các đơn vị trực thuộc và quyết định chủng loại xe; đồng thời bổ sung nguyên tắc: <i>Ưu tiên sử dụng tối đa số xe hiện có, hạn chế mua</i>	Giải trình: - Dự thảo quy định cụ thể thẩm quyền quyết định phân bổ, điều

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sắm mới trong trường hợp còn khả năng điều hòa nội bộ và tăng cường thực hiện khoán kinh phí, thuê dịch vụ xe ô tô đối với các trường hợp phù hợp. - Đề nghị có cơ chế điều hòa linh hoạt hơn đối với xe dôi dư phát sinh sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, tạo điều kiện khai thác hiệu quả tài sản hiện có trước khi quyết định đầu tư, mua sắm mới.	hòa: cơ quan, người có thẩm quyền, như: (i) Bộ trưởng, Thủ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,...; (ii) Cục trưởng cục loại 1 và tương đương. - Việc sắp xe hiện có, xe xử lý xe hiện có dôi dư thực hiện theo quy định của pháp luật.
	Tây Ninh, Ninh Bình	(1) Tây Ninh: Đề nghị bỏ quy định phân bổ (điều hòa) về chủng loại, vì rà soát toàn văn bản chưa có quy định cơ sở để phân bổ (điều hòa) chủng loại, việc xác định chủng loại xe ô tô sẽ do cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu thực tế quyết định chủng loại. (2) Ninh Bình: Việc mua mới xe ô tô PVCTC sẽ được căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và phục vụ nhiệm vụ của các đơn vị ở từng thời điểm. Đồng thời, xe ô tô PVCTC nằm trong danh mục mua sắm tập trung. Do đó, đề nghị sửa đổi với thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô theo chủ trương mua sắm tại từng thời điểm để đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tế.	Giải trình: Số lượng, chủng loại xe sau khi phân bổ (điều hòa) làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập dự toán, thực hiện mua sắm. Việc quyết định từng thời điểm mua sắm sẽ phát sinh nhiều công việc sự vụ, “xin-cho”; trường hợp đã quy định mà không còn phù hợp thì điều chỉnh.
Điều 20. Các trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô PVCTC			
1. Việc phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung không áp dụng đối với: a) Cơ quan, đơn vị tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này. b) <u>Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định này.</u> c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. d) Xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.	Bộ Ngoại giao	Khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 17 đang quy định chung cho ĐVSNCI, không quy định riêng đối với ĐVSNCI tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Do đó, đề nghị điều chỉnh theo hướng: “<i>b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định này là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>”.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2. Số lượng xe ô tô PVCTC của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tại Nghị định này; chủng loại xe ô tô do cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.	Quảng Trị	K2 Đ20 và điểm a K3 Đ21: Việc quy định riêng đối với chủng loại xe từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi trong trường hợp này là không cần thiết, <u>quá trình thực hiện quy định chung cho toàn bộ chủng loại xe ô tô PVCTC không phát sinh vướng mắc</u> , do vậy, đề nghị <u>bỏ</u> nội dung quy định phân bổ về chủng loại xe và quy định riêng đối với chủng loại xe từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi (tương tự đề xuất bỏ quy định về chủng loại xe tại Điều 21, 22, 23 dự thảo Nghị định).	Giải trình: Quy định tại khoản 2 Điều 20 và điểm a khoản 3 Điều 21 dự thảo là quy định chung cho các loại xe mà không quy định riêng đối với chủng loại xe từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi.
3. Số lượng, chủng loại xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được ổn định 05 năm bắt đầu từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Việc xử lý xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	Đồng Tháp	Đề nghị điều chỉnh lại cho phù hợp với tiêu đề Điều 20. Các trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung: <i>Số lượng, chủng loại xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được ổn định 05 năm bắt đầu từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định cần thực hiện điều chỉnh lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Việc xử lý xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</i>	Giải trình: Nội dung dự thảo liên quan đến việc phân bổ (điều hòa) xe ô tô; do đó, việc sử dụng cụm từ “điều chỉnh lại” thay cho cụm từ “phân bổ (điều hòa) lại” là không phù hợp.
	Bộ Ngoại giao	Để làm rõ hơn về số lượng xe quy định tại khoản 2 Điều 20, đề nghị điều chỉnh khoản 2 như sau: “2. Số lượng xe ô tô phục vụ chung của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tại Nghị định này (bao gồm số lượng xe ô tô do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định); chủng loại xe ô tô...”.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
Điều 21. Phạm vi và thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương			
2. Phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe (không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này): a) Phân bổ giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này. b) Phân bổ trong phạm vi cục loại 1 và tương đương. c) Phân bổ trong phạm vi ĐVSNCL trực thuộc bộ, cơ quan trung ương. 3. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe:	NHNN	Đề nghị bỏ tiết c Khoản 2,3 và điều chỉnh lại tiết a Khoản 2 như sau: “Phân bổ giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này”. Lý do: Thực tế, ĐVSNCL là các cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc bộ, ngành có quy mô tổ chức lớn, thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ như đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, chuyển giao tri thức. Số lượng đơn vị trực thuộc, cơ sở đào tạo nhiều, phạm vi quản lý rộng tại nhiều tỉnh thành khác nhau; nhu cầu đi lại thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, trao đổi sinh viên, đưa sinh viên đi thực tế lớn. Việc xác định định mức xe ô tô PVCTC cần xem xét đến đặc thù về mô hình tổ chức, phạm vi hoạt động và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; đồng thời bảo đảm phân cấp gắn với trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả.	Tiếp thu theo hướng quy định ĐVSNCL nhóm 1 không thực hiện điều hoà; còn lại các ĐVSNCL khác cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 quyết định việc phân bổ (điều hòa).

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
a) Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của cục loại 1 và tương đương, ĐVSNCL trực thuộc.	VPQH	Đề nghị rà soát quy định về thẩm quyền phân bổ (điều hòa) xe ô tô tại Điều 21 để bảo đảm thống nhất với Điều 2 của dự thảo Nghị định, quy định rõ cơ quan có thẩm quyền quyết định việc điều hòa xe trong phạm vi các bộ, cơ quan trung ương.	Giải trình: Dự thảo đã quy định rõ phạm vi, thẩm quyền điều hòa theo từng nhóm cơ quan, tổ chức, đơn vị
b) Cục trưởng cục loại 1 và tương đương quyết định quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.	Một số đơn vị¹⁷	Khoản 1 Điều 21 dự thảo Nghị định không có điểm a, đề nghị rà soát lại dung này để dẫn chiếu đúng quy định	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
c) Người đứng đầu ĐVSNCL quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe đối với trường hợp quy định điểm c khoản 2 Điều này.	Bộ Tài chính	Đề nghị bỏ bớt 1 cụm từ “quyết định” do lỗi chính tả tại K3.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
3. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe: a) Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của cục loại 1 và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.	VKSNDTC, TANDTC	(1) Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng mở: “Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản Điều Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngành, bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chưa tự bảo đảm chi thường xuyên”. Lý do: Tính theo định mức như dự thảo thì số lượng xe ô tô cho 02 đơn vị gồm Trường Đại học Kiểm sát (có phân hiệu tại TP HCM) là đơn vị chưa tự chủ chi thường xuyên sẽ bị giảm 03 xe không đáp ứng đặc thù đào tạo cho ngành dọc. Vì vậy cần nêu rõ thẩm quyền điều chỉnh nội bộ giữa các đơn vị nội bộ trong ngành trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo nguyên tắc bảo đảm tổng số lượng xe không vượt định mức (VKSNDTC) (2) Tại điểm a khoản 3 đề nghị sửa “điểm a khoản 1 Điều này” thành “điểm a khoản 2 Điều này”. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung theo hướng mở “Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản Điều Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô, chủng loại xe ô tô của các đơn vị trực thuộc trong phạm vi quản lý, trừ các đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư” (TANDTC)	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
Điều 22. Phạm vi và thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương			

¹⁷ Quảng Trị, Ninh Bình, Điện Biên, Bộ DT&TG, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Thành ủy Hải Phòng

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe (không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này): a) Phân bổ (điều hòa) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. b) Phân bổ (điều hòa) giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. c) Phân bổ (điều hòa) trong phạm vi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	<i>Thái Nguyên</i>	Đối với thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô PVCTC của các cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc và các ĐVSNCL trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, UBND cấp tỉnh: Đề nghị xây dựng theo hướng chung là thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh để đảm bảo việc phân bổ số lượng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thống nhất (<u>trừ ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</u>), đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời ghi rõ việc phân bổ (điều hòa) bao gồm xe ô tô của Văn phòng UBND tỉnh.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	<i>Tây Ninh</i>	Đề nghị cân nhắc quy định tại điểm b việc điều hòa phân bổ giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị cấp xã, vì số lượng xe ô tô phân bổ cho các sở ngành thường không dư nhiều, nhưng số lượng các xã, phường hiện nay rất nhiều, trường hợp các xã có nhu cầu đề nghị điều hòa nhưng số lượng để phân bổ không đảm bảo hết sẽ gây ra sự so bì. Đề xuất chỉ điều hòa, phân bổ theo từng cấp (cấp tỉnh điều hòa, phân bổ cấp tỉnh, cấp xã điều hòa phân bổ trong cấp xã).	Giải trình: Dự thảo kế thừa quy định hiện hành; đồng thời, các bộ, ngành, địa phương cơ bản thống nhất với dự thảo.
	<i>Quảng Ninh</i>	(1) Điểm a khoản 1 đề nghị bổ sung thêm nội dung: “không bao gồm: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy cấp xã,” vào sau cụm từ “...thuộc tỉnh ủy, thành ủy,” và trước cụm từ: “trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.” do: Để đảm bảo thuận lợi trong triển khai thực hiện theo phạm vi thuộc thẩm quyền về TCĐM¹⁸, thuộc phạm vi thẩm quyền phân bổ (điều hòa)¹⁹, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 23: “3. Số lượng, chủng loại xe sau khi được phân bổ tại khoản 1, khoản 2 Điều này là TCĐM về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả đơn vị trực thuộc);...” và đồng bộ với quy định thẩm quyền về TCĐM của Chủ tịch UBND tỉnh đối với xe ô tô của Đảng ủy UBND tỉnh quy định tại điểm n khoản 2 Điều 2. (2) Đề nghị bổ sung thêm cụm từ: “(trong trường hợp ĐVSNCL có các đơn vị trực thuộc)” vào cuối điểm c khoản 1. Lý do: Để quy định rõ thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe giữa cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, <u>bao gồm cả ĐVSNCL quy định tại điểm a khoản 1</u> khác với thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe trong phạm vi ĐVSNCL: giữa ĐVSNCL và các đơn vị trực thuộc ĐVSNCL đó.	(1) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo theo hướng không thực hiện phân bổ (điều hòa) xe đối với ĐVSNCL nhóm 1; các ĐVSNCL còn lại thì thực hiện phân bổ (điều hòa) chung với các cơ quan chuyên môn, cấp xã.

¹⁸ Quy định tại điểm k khoản 2 Điều 2 Bản Dự thảo

¹⁹ Quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Bản Dự thảo

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe: a) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm Đảng ủy cấp xã; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của ĐVSNCL trực thuộc. b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và <u>cấp xã; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của ĐVSNCL trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.</u> c) Người đứng đầu ĐVSNCL quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe đối với trường hợp quy định điểm c khoản 1 Điều này.	Quảng Ninh, Khánh Hòa	(1) Đề nghị bổ sung thêm nội dung: "<u>Đảng ủy UBND tỉnh,</u>" vào sau cụm từ "<u>không bao gồm</u>" và trước cụm từ: "<u>Đảng ủy cấp xã</u>" do: Đề đảm bảo thuận lợi trong triển khai thực hiện như nêu trên và đồng bộ với quy định thẩm quyền về TCĐM của Chủ tịch UBND tỉnh đối với xe ô tô của Đảng ủy UBND tỉnh quy định tại điểm n khoản 2 Điều 2 (Quảng Ninh); Đề phù hợp với quy định tại điểm b, đề nghị điều chỉnh điểm a như sau: "<u>Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, ..., không bao gồm Đảng ủy UBND cấp tỉnh và cấp xã; ...</u>" (Khánh Hòa) (2) Đề các cơ quan, đơn vị nắm rõ chủng loại xe ô tô, đề nghị điều chỉnh như sau "... <u>quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô (theo quy định tại khoản 1 Điều 8) của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc</u>". (Khánh Hòa)	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
	TP HCM	Đề phù hợp với phân cấp thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công; đề nghị điều chỉnh nội dung về thẩm quyền theo hướng: "2. <u>Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe: a) ... b) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Đảng ủy UBND cấp tỉnh và cấp xã. c) Trên cơ sở số lượng, chủng loại xe sau khi được phân bổ tại điểm b, khoản 2 Điều này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe cho cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc.</u>"	Tiếp thu , hoàn thiện tại điều khoản quy định phân bổ xe trong trường hợp có đơn vị thuộc, trực thuộc tại khoản 2 Điều 23 đối với cấp xã.
	Điện Biên	(1) Đề nghị sửa điểm b thành: "<u>Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Đảng ủy UBND cấp tỉnh và xe ô tô của cấp xã.</u>" Lý do: nội dung đề nghị sửa lại "xe ô tô của cấp xã" để tránh nhầm lẫn trong việc phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe PVCTC cho cấp xã, không thực hiện phân bổ xe riêng cho Đảng ủy cấp xã phù hợp với quy định tại điểm n khoản 2 Điều 2 của Dự thảo. (2) Đề nghị xem xét <u>bỏ</u> nội dung "<u>quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh</u>" và xem xét quy định lại thẩm quyền của người đứng đầu ĐVSNCL tại khoản 4 Điều 17 dự thảo "<u>Đối với ĐVSNCL (kể cả đơn vị trực thuộc quy định tại khoản 3 Điều này) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của</u>	(1) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (2) Giải trình: Tại khoản 1 Điều 22 dự thảo đã quy định phạm vi phân bổ (điều hòa) xe tại khoản này không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này (ĐVSNCL nhóm 1).

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô ngoài số lượng xe quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả". Lý do: Dự thảo đã quy định Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe đối với các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh) việc quy định thêm nội dung quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của ĐVSNCL trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là không cần thiết và không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 của Dự thảo. Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định: "Số lượng, chủng loại xe sau khi được phân bổ tại khoản 1, khoản 2 Điều này là TCĐM về số lượng, chủng loại xe ô tô PVCTC của các cơ quan, tổ chức, đơn vị..." Như vậy, thẩm quyền quyết định về TCĐM xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại điểm n khoản 2 Điều 2 của Dự thảo; của Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quy định tại điểm k khoản 2 Điều 2 của dự thảo. Tuy nhiên, dự thảo lại quy định người đứng đầu ĐVSNCL quy định tại khoản 4 Điều 17 dự thảo được quyết định bổ sung số lượng xe ô tô là chưa phù hợp với thẩm quyền quyết định quy định. (3) Đề nghị xem xét quy định rõ, logic hơn đối với trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ (điều hòa) xe cho các đơn vị trực thuộc để địa phương thuận tiện trong quá trình tổ chức triển khai thực. Lý do: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của dự thảo chỉ quy định Người đứng đầu ĐVSNCL được quyết định phân bổ (điều hòa) xe phù hợp với phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 của dự thảo. Trong dự thảo không quy định phạm vi và thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cho các đơn vị trực thuộc tại Điều 22 của dự thảo nhưng lại giao tổ chức thực hiện theo khoản 2 Điều 23 của dự thảo là chưa đồng nhất. Đồng thời các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ (điều hòa) xe ở đây được hiểu là bao gồm cả các ĐVSNCL thuộc tỉnh ủy, thành ủy, UBND tỉnh, việc tách riêng ĐVSNCL trực thuộc là không cần thiết.	(3) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
Điều 23. Nguyên tắc phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô			
1. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa) quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định này, cơ quan,	Quảng Trị	Đề nghị xem xét quy định theo hướng căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa) quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 22 dự thảo, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều	Giải trình: Quy định như dự thảo để đảm bảo giám sự vụ lên cấp trên.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Số lượng xe ô tô được phân bổ (điều hòa) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 18 Nghị định này của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó nhưng phải bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 18 Nghị định này của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa).		22 Nghị định này quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng) (giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP) để đảm bảo tính quy định chung, tránh việc ban hành các quyết định riêng về phân bổ số lượng xe ô tô tại địa phương.	
2. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ (điều hòa) xe theo quy định tại khoản 1 Điều này mà có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe cho các đơn vị trực thuộc, đảm bảo số lượng, chủng loại không vượt quá số lượng và cơ cấu chủng loại xe mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) tại khoản 1 Điều này.	Điện Biên, Tây Ninh	(1) Tỉnh Điện Biên: Đề nghị quy định rõ nội dung đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của đơn vị quản lý cấp trên để xác định TCĐM sử dụng xe ô tô của đơn vị. <u>Vậy khi xây dựng TCĐM trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thì xây dựng TCĐM riêng cho các đơn vị này hay cộng số lượng xe được tiêu chuẩn định mức của đơn vị này vào tổng số lượng xe của đơn vị quản lý cấp trên để sau khi Quyết định TCĐM được ban hành, đơn vị quản lý cấp trên sẽ thực hiện phân bổ xe ô tô cho các đơn vị trực thuộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Dự thảo. Lý do: tại Khoản 2 Điều 23 Dự thảo quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe cho các đơn vị trực thuộc, không quy định rõ đối với đơn vị trực thuộc có dưới 20 biên chế hay đơn vị có 20 biên chế trở lên</u> (2) Tỉnh Tây Ninh: Đề nghị quy định rõ hơn việc điều hòa phân bổ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, UBND cấp tỉnh tại Điểm c Khoản 1 Điều 22 là có bao gồm hay không bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành. <u>Trường hợp không bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành, đề nghị thẩm quyền phân bổ, điều hòa tại điểm c Khoản 2 Điều 22 là Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch UBND tỉnh để đảm bảo tính tương đồng như các sở ngành tương đương</u>	Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng cộng số xe của đơn vị trực thuộc để xác định tổng số lượng xe của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3. Số lượng, chủng loại xe sau khi được phân bổ tại khoản 1, khoản 2 Điều này là TCĐM về số lượng, chủng loại xe ô tô PVCTC của cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả đơn vị trực thuộc); được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm, kể từ thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này có văn bản quyết định phân bổ (điều hòa), trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.	TTCP	(1) Số lượng, chủng loại xe ô tô PVCTC sau khi được phân bổ (điều hòa) là TCĐM của cơ quan, đơn vị và được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm, trừ trường hợp “ <u>cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ</u> ”.	(1) Giải trình: Dự thảo quy định để ổn định mức cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nếu căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ thì dẫn đến thường xuyên phải xác định lại TCĐM; đồng thời, dự thảo quy định đối với trường hợp “ <u>sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động</u> ” hoặc “ <u>cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ</u> .”
	Bộ KHCN	Nội dung quy định về các trường hợp loại trừ nêu trên chưa bao quát hết các tình huống biến động thực tế của bộ máy hành chính nhà nước như thay đổi về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, địa bàn hoạt động, số lượng biên chế... Do đó, đề nghị mở rộng phạm vi các trường hợp loại trừ để bảo đảm bao quát đầy đủ các biến động thực tiễn trong tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. (2) Bên cạnh đó, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể hơn trường hợp “ <u>người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ</u> ” để bảo đảm có căn cứ rõ ràng và thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.	(2) Giải trình: Việc phân bổ (điều hòa) xe cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị là để đảm bảo phù hợp với biên chế, khối lượng, tính chất công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đặc thù khác (như địa bàn hoạt động, diện tích tự nhiên, số ĐVHC cấp xã...) nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu quả sử dụng xe ô tô công; đồng thời, cơ bản các bộ, ngành, địa phương thống nhất.
Điều 25. Danh mục xe ô tô chuyên dùng			
1. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm: ...b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế gồm: Xe chụp X.quang lưu động. Xe khám, chữa mắt lưu động.	Bộ Y tế	(1) Tại điểm b: Bổ sung thêm 01 chủng loại xe: Xe xét nghiệm lưu động về lĩnh vực an toàn thực phẩm. Vì lĩnh vực An toàn thực phẩm trước đây do 03 Bộ quản lý (Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường), hiện nay Chính phủ đã giao cho Bộ Y tế chủ trì, quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm. (2) Tại điểm c: Sửa lại mục xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên	(1), (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Xe xét nghiệm lưu động. Xe phẫu thuật lưu động. Xe lấy máu. Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm. Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. c) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế, bao gồm: Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao. Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế. Xe vận chuyển người bệnh. Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi. Xe chở máy phun và hóa chất lưu động. Xe phục vụ lấy, vận chuyển mô, tạng để phục vụ công tác cấy ghép mô, tạng cho người. Xe vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần. Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm. Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan. Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. <i>Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng.</i> Xe chuyên giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác nghiên cứu, đánh giá kết quả thử nghiệm lâm sàng (theo dõi các phản ứng sau tiêm) và xử lý sự cố tại các điểm tiêm.		dùng thành Xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Vì theo Luật Khám chữa bệnh hiện nay đã sửa chỉ đạo tuyến thành hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật. (3) Đề nghị bổ sung thêm 02 danh mục phương tiện: - Loại xe đưa đón các bộ, nhân viên cho ĐVSNCL đối với các ĐVSNCL có 02 cơ sở và có khoảng cách địa lý cách xa nhau từ 20km trở lên. - Phương tiện cấp cứu đường thủy dành cho các Đặc khu và các địa phương có hệ thống sông ngòi nhiều như các tỉnh Tây Nam bộ.	(3) Giải trình: (i) Đối với xe để đưa đón các bộ, nhân viên thì tại dự thảo đã có quy định loại xe chuyên dùng trên 16 chỗ. (ii) Phương tiện cấp cứu đường thủy không thuộc phạm vi của Nghị định.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2. Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cầu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải, <i>xe chở huấn luyện viên và chó nghiệp vụ</i>,...).	<i>Viện Hàn lâm KH&CN VN</i>	Xem xét, nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về việc trang bị xe ô tô chuyên dùng <u>phục vụ công tác bảo tồn, cứu hộ thiên nhiên</u> . Đồng thời, cần bổ sung cơ chế xác định mức cho các đơn vị trực thuộc (các trạm, trung tâm bảo tồn, cứu hộ) có trụ sở cách xa cơ quan chủ quản do đối với các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cộng đồng, xã hội ở các địa bàn đặc thù, phương tiện PVCTC không thể đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật (thùng chứa mẫu, thiết bị chuyên biệt...). Việc quy định rõ loại xe này trong danh mục xe chuyên dùng sẽ tạo cơ sở pháp lý để các trung tâm chuyên trách được trang bị phương tiện phù hợp với chức năng hoạt động.	Giải trình: Qua rà soát không có văn bản quy phạm pháp luật gần thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết đối với chuyên dùng phục vụ công tác bảo tồn, cứu hộ thiên nhiên, xe phục vụ trực tiếp hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh, diễn tập, huấn luyện, vận chuyển trang thiết bị huấn luyện
	<i>DHQTGP HCM</i>	Đề nghị bổ sung nhóm: "Xe phục vụ trực tiếp hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh, diễn tập, huấn luyện, vận chuyển trang thiết bị huấn luyện." vào nhóm xe <u>chuyên dùng</u> hoặc nhóm xe được xác định theo nhu cầu thực tế. Do các đơn vị đào tạo huấn luyện giáo dục quốc phòng có đặc thù: Vận chuyển mô hình học cụ, thiết bị huấn luyện, vật chất quốc phòng, tổ chức diễn tập ngoài thao trường. Các nhiệm vụ này khác với hoạt động hành chính thông thường	
	<i>Bộ Tài chính, Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Bộ XD, TP HCM, Nghệ An, Sở Xây dựng TP Đà Nẵng</i>	(1) Đề nghị quy định rõ tiêu chí xác định xe chuyên dùng (chức năng kỹ thuật đặc thù, thiết bị chuyên dùng lắp đặt trên xe yêu cầu, phục vụ nhiệm vụ chuyên môn...) để đảm bảo thống nhất trong áp dụng giữa các cơ quan, đơn vị; hạn chế tình trạng "chuyên dùng hóa" xe công tác chung (<i>Bộ Tài chính</i>); Đề nghị sửa đổi thành "3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển nhận biết theo quy định của pháp luật (xe phát thanh truyền hình; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe kiểm định hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền, xe phòng chống thiên tai, xe gắn thiết bị quan trắc môi trường,...)". Lý do: Để rõ hơn trong việc xác định giữa xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng và xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết. (<i>Tỉnh ủy Hà Tĩnh</i>); Đề nghị quy định cụ thể <u>thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe tại khoản 3</u> gồm những thiết bị nào để các cơ quan, đơn vị, địa phương có cơ sở đề xuất cho phù hợp. (<i>Khánh Hòa</i>) (2) Bổ sung thêm nội dung tại khoản 3 Điều 25 theo hướng: "3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) ...; xe tuần tra, tuần kiểm đường bộ; xe tuần tra, kiểm tra bến xe, bãi đỗ xe; xe kiểm tra cảng biển, bến thủy nội địa; ...)" (<i>TP HCM</i>); đề nghị bổ sung " <u>xe tuần kiểm đường bộ</u> " vào danh mục xe ô tô chuyên dùng được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật. Lý do: Hiện nay một số tỉnh đã ban hành TCDM xe ô tô chuyên dùng của Sở Xây dựng là xe gắn biển hiệu nhận biết phục vụ công tác Tuần kiểm đường bộ quy định	
3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe kiểm định hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền, xe phòng chống thiên tai, xe gắn thiết bị quan trắc môi trường,...). 4. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ và hạt nhân, gồm: a) Xe ô tô chở nguồn phóng xạ; xe chở rác thải phóng xạ (đã qua sử dụng). Xe ô tô chở nguồn (rác thải) phóng xạ có kết cấu đặc biệt để đảm bảo an toàn, an ninh phóng xạ trong quá trình hoạt động. b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực ứng phó sự cố hạt nhân: Xe chở các thiết bị chuyên dùng (thiết bị quan trắc phóng xạ, thiết bị tẩy, khử xạ...); xe chở			(1) Giải trình: Dự thảo đã quy định cụ thể danh mục xe ô tô chuyên dùng; đồng thời đối với xe "Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết" đều phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Do đó, việc gắn thiết bị chuyên dùng thực hiện theo quy định của pháp luật. (2) - Tiếp thu đối với xe ô tô xe tuần kiểm đường bộ; - Giải trình: đối với các xe xe tuần tra, kiểm tra bến xe, bãi đỗ xe; xe kiểm tra cảng biển, bến thủy nội địa, phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
các thiết bị chiếu xạ. c) Xe chuyên dụng có các yêu cầu đặc thù riêng hoạt động trong các cơ sở hạt nhân (cơ sở bức xạ). 5. Xe ô tô tải 6. Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.		tại khoản 1 Điều 20 và Phụ lục VIII Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng), xe có dán chữ “TUẦN KIỂM ĐƯỜNG BỘ”) (Nghệ An); (3) Bổ sung quy định về xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng. <u>Lý do: Hiện nay, Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Sở thường xuyên tổ chức kiểm tra, khảo sát hiện trường, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kiểm tra hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng giao thông, xử lý sự cố công trình, sự cố hạ tầng giao thông, kiểm tra hoạt động vận tải và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất tại nhiều địa bàn có điều kiện đi lại phức tạp. Thực tiễn cho thấy nhiều nhiệm vụ chuyên ngành đòi hỏi phương tiện có khả năng chuyên chở hoặc tích hợp các thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác kiểm tra, khảo sát, đánh giá hiện trường; trong khi xe ô tô PVCTC không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tính cơ động, khả năng chuyên chở thiết bị và điều kiện kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ chuyên môn. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, bao gồm các phương tiện phục vụ kiểm tra, khảo sát hiện trường; kiểm định, đánh giá chất lượng công trình xây dựng; quản lý, kiểm tra kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kết cấu hạ tầng giao thông; kiểm tra hoạt động vận tải; xử lý sự cố công trình, sự cố hạ tầng giao thông và thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành khác, làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương xem xét, quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.</u> Đồng thời, đề nghị bổ sung TCĐM sử dụng đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực xây dựng phù hợp với tính chất, phạm vi và yêu cầu của từng nhiệm vụ, bảo đảm việc đầu tư, quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước (Sở XD Đà Nẵng). (4) Đề nghị xem xét bổ sung xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: xe chở phòng thử nghiệm di động/lưu động; xe phục vụ kiểm định, hiệu chuẩn lưu động, xe phòng thử nghiệm lưu động chuyên thực hiện thử nghiệm lưu động tại hiện trường, phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp do thực tế các đơn vị sự nghiệp công lập có sử dụng các xe chuyên chở phòng thí nghiệm di động phục vụ lấy mẫu, thử nghiệm mẫu,... (Bộ KHCN)	không có quy định về việc gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở để đưa vào danh mục xe chuyên dùng (3) Giải trình: Dự thảo Nghị định quy định đối với xe ô tô chuyên dùng là những xe có tính chất chuyên dụng, có cấu tạo, công năng sử dụng đặc thù như: có gắn thiết bị, có kết cấu đặc biệt, có biển hiệu,... theo quy định của pháp luật. Đồng thời có quy định đối với loại xe ô tô chuyên dùng loại trên 16 chỗ. Bên cạnh đó, tại khoản 5 Điều 8 dự thảo cũng đã có quy định việc trang bị xe trong lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực giao thông, vận tải. (4) Tiếp thu: bổ sung “xe kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhân hàng hóa”. Lý do: Tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “Điều 13. Hoạt động kiểm tra, giám sát 4. Điều kiện bảo đảm cho công tác kiểm tra, giám sát bao gồm: ...b) Nghiên cứu, chế tạo, đầu tư các thiết bị chuyên dùng như: <u>xe kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm; phương tiện, thiết bị đo kiểm tra nhanh và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khác, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát.</u>”.
Điều 26. Thẩm quyền quyết định TCĐM xe ô tô chuyên dùng			
1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này: b) Căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định TCĐM xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Người đứng đầu ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định TCĐM sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị mình.	Bộ XD	Bổ sung vào điểm b khoản 1 Điều 26: “...Người đứng đầu ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định TCĐM sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị mình, đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định”. Lý do: Giống khoản 3 Điều 17.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 25 Nghị định này: a) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định TCĐM của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm b khoản này.	Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung phân cấp thẩm quyền quyết định TCĐM xe ô tô chuyên dùng cho Cục trưởng cục loại 1 và tương đương để các đơn vị chủ động trong triển khai thực hiện.	Giải trình: Xe ô tô chuyên dùng gắn với nhiệm vụ đặc thù của từng cơ quan, đơn vị và do các bộ, ngành, địa phương tự xác định; do đó, cần quy định để kiểm soát, hạn chế việc lạm dụng xe ô tô chuyên dùng.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định TCĐM sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị mình.			
3. Giá xe ô tô chuyên dùng trong TCĐM sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định TCĐM tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định và được xác định như sau: a) Trường hợp xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi mức giá (số tiền) trong TCĐM xe ô tô chuyên dùng. b) Trường hợp không xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định TCĐM tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định tại thời điểm lập dự toán theo quy định của pháp luật.	<i>Thái Nguyên,</i>	Đề nghị xem xét khoản b theo hướng mức giá mua xe được xác định theo giá thị trường tại thời điểm lập dự toán, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo theo hướng: “b) Trường hợp không xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi “Mức giá xe ô tô chuyên dùng phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng” trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định.”
	<i>Quảng Ninh</i>	Đề nghị sửa đổi tương đương như quy định khoản 3 Điều 17 Nghị định số 72 như sau: “3. Giá xe ô tô chuyên dùng trong TCĐM sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định TCĐM quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này ban hành và được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng tại thời điểm mua xe tại quyết định phê duyệt dự toán mua xe.” do: (1) Đề đồng bộ, phù hợp với các quy định về mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng được quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định TCĐM sử dụng máy móc, thiết bị: “4. Mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng trong TCĐM sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.”; (2) Vẫn đảm bảo việc quản lý mức giá theo quy định về lập dự toán ngân sách; (3) Không phát sinh thêm trình tự, thủ tục; (4) Đảm bảo phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua sắm, trong khi xe chuyên dùng có tính chất đặc thù nên khó khăn khi xác định mức giá cụ thể tại thời điểm phê duyệt TCĐM phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua sắm.	
Điều 29. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ			
2. Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô phục vụ hoạt động theo quy định tại khoản này nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan như sau: a) Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà	<i>Đà Nẵng</i>	Đề nghị xem xét, bổ sung cơ quan có thẩm quyền quy định TCĐM của các hội, quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Điều 29 Nghị định này do Ban Thường trực UBMTTQVN cấp tỉnh hay Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố quy định.	Tiếp thu theo hướng việc hỗ trợ sau khi có ý kiến thống nhất của BTƯ UBMTTQ cùng cấp.
	<i>Hội LGVN</i>	Bổ sung vào đoạn cuối điểm b khoản 2 Điều 29 như sau: “Trường hợp xe ô tô chưa đủ điều kiện thanh lý nhưng không còn bảo đảm an toàn kỹ thuật hoặc chi phí sửa chữa, bảo dưỡng hằng năm vượt mức do cơ quan có thẩm quyền quy định thì được xem xét hỗ trợ thay thế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.” do trên thực tế có trường hợp xe ô tô chưa đủ điều kiện thanh lý nhưng xuống cấp nghiêm trọng, chi phí sửa chữa lớn, không	Giải trình: Điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 dự thảo đã quy định cả trường hợp “không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả”.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
nước giao nhiệm vụ ở trung ương tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô xe chức danh theo TCDM quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Chức danh lãnh đạo của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô xe chức danh theo TCDM quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô quy định tại điểm a khoản này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này thì tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ như sau: Hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe. Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này.	<i>Thái Nguyên, Hội Chữ thập đỏ VN,</i> <i>Hội Cựu TNXPVN; Hội KTS VN, LH các TCHNVN; LMHTXVN, Hội LGVN</i>	bảo đảm an toàn... - Hội chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên là đơn vị thường xuyên phải sử dụng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ cứu trợ khẩn cấp, trợ giúp nhân đạo, phòng ngừa và ứng phó thiên tai, thảm họa, vận động hiến máu nhân đạo, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, đơn vị hiện được giao 18 biên chế và có 2 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, nếu xác định theo tiêu chí quy định tại dự thảo thì đơn vị sẽ không được hỗ trợ xe ô tô, gây khó khăn cho đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. - Đề nghị bổ sung các Hội quần chúng được Đảng Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh (trong đó có Hội Chữ thập đỏ) trong đối tượng quy định TCDM sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung. Lý do: Hội Chữ thập đỏ các cấp, đặc biệt cấp tỉnh/thành phố thường xuyên phải triển khai các hoạt động đột xuất, cấp bách như cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, vận chuyển người và hàng hóa cứu trợ đến các vùng sâu, vùng xa. Xe ô tô là phương tiện bắt buộc, có tính cơ động cao, phục vụ công tác chuyên môn và phản ứng nhanh trong trường hợp khẩn cấp. (1) Đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; trong trường hợp chức danh Chủ tịch hội và số biên chế không đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định như dự thảo để hỗ trợ xe; đề nghị vẫn bố trí 01 xe ô tô để vừa phục lãnh đạo, vừa PVCTC để thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, thay vì hỗ trợ kinh phí thuê xe, hoặc khoản kinh phí sử dụng (<i>Hội Cựu TNXPVN</i>); Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương có biên chế dưới 50 người được hỗ trợ 01 xe ô tô sử dụng chung (<i>Hội KTSVN</i>); Bổ sung định mức xe phục vụ công tác chung để thực hiện nhiệm vụ, kiến nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định điều khoản mở, cho phép cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung định mức xe cho các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo yêu cầu, nhiệm vụ (<i>LH các TCHNVN</i>) (2) Đề nghị xem xét điều chỉnh như sau: "<i>Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô...</i>" thành "<i>Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe ô tô...</i>"; hoặc "<i>...được bố trí xe ô tô theo TCDM quy định tại Nghị định này</i>" hoặc "<i>...được áp dụng TCDM xe ô tô tương ứng với chức danh cùng nhóm theo quy định của Đảng và quy định của Chính phủ</i>". Lý do: Cụm từ "xem xét" rất rộng và có thể dẫn đến áp dụng không thống nhất, tạo nên cơ chế "xin – cho". <i>LMHTXVN, Hội LGVN</i>); Chỉ căn cứ biên chế thì nhiều hội có phạm vi hoạt động toàn quốc nhưng biên chế ít sẽ không đủ điều kiện bảo đảm phương tiện thực hiện nhiệm vụ. Căn cứ số biên chế thì	Giải trình: - Theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật QL,SDTSC thì tổ chức xã hội tự bảo đảm tài sản để phục vụ hoạt động. - Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP thì tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, các Hội quần chúng thuộc đối tượng được xem xét, hỗ trợ kinh phí để mua xe, thuê xe, khoản kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc hỗ trợ bằng hiện vật.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ.		chưa phản ánh đúng nhu cầu sử dụng thực tế về phương tiện. Đề nghị bổ sung tiêu chí về phạm vi hoạt động, tính chất nhiệm vụ chính trị - xã hội và tần suất công tác thực tế khi xác định TCĐM xe ô tô phục vụ công tác chung đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Theo đó, đề nghị sửa điểm b khoản 2 Điều 29: Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: "...Việc xác định số lượng xe ô tô được hỗ trợ không chỉ căn cứ vào số lượng biên chế được giao mà còn xem xét phạm vi hoạt động, tính chất nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, tần suất công tác và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng hội quần chúng.". Đồng thời, đề nghị đánh giá đầy đủ tác động ngân sách và nhu cầu phương tiện của các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm các quy định của Nghị định có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. (Hội LGVN)	
Điều 30. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô			
4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.	Tỉnh ủy Lai Châu	Đề nghị quy định rõ "đơn giá khoán" để tránh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện	Tiếp thu theo hướng "Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển (đồng/km) của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường".
9. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác: b) Hình thức khoán gọn: Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Mức khoán được xác định như sau:...	ĐHQG TPHCM	Bổ sung cách tính mức khoán cho trường hợp "đơn vị mới thành lập hoặc mới sáp nhập" làm cơ sở cho các đơn vị mới sáp nhập hoặc thành lập mới có căn cứ để tính số km bình quân, tránh vướng mắc khi thực hiện thực tế.	Tiếp thu theo hướng đơn vị mới thành lập hoặc mới sáp nhập thực hiện khoán theo "Hình thức khoán theo km thực tế" hoặc "thuê dịch vụ xe ô tô".
Điều 31. Thuê dịch vụ xe ô tô			
Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án	Quảng Ngãi	Bổ sung quy định khuyến khích các cơ quan, đơn vị tại trung tâm đô thị (nơi có dịch vụ vận tải phát triển) áp dụng tối đa hình thức thuê dịch vụ xe ô tô bên ngoài thay vì mua sắm tài sản cố định.	Giải trình: Dự thảo quy định các hình thức trang bị, bố trí. Cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ yêu cầu, tính

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.			chất công việc, nhu cầu sử dụng để thực hiện cho phù hợp thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
Điều 32. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô PVCTC			
1. Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ĐVSNNCL của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, UBTWMTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của tất cả cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	TTCP	Tại khoản 1 Điều 32 dự thảo quy định: thời hạn hoàn thành rà soát, sắp xếp lại xe ô tô, xử lý xe ô tô dôi dư là “12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”. Tuy nhiên, hiện nay thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn đang trong quá trình rà soát, tinh gọn và sắp xếp lại tổ chức bộ máy; cơ cấu tổ chức, số lượng đầu mối, chức năng, nhiệm vụ và biên chế chưa thực sự ổn định. Trong giai đoạn chuyển giao này, nhu cầu sử dụng xe ô tô biến động liên tục theo tiến độ kiện toàn tổ chức và phân công nhiệm vụ mới. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định đối với các cơ quan, đơn vị đang thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo hướng thời hạn hoàn thành việc rà soát, sắp xếp lại, xử lý xe ô tô dôi dư được tính từ thời điểm hoàn thành việc kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế. Điều này bảo đảm việc xác định nhu cầu sử dụng xe phù hợp với mô hình tổ chức thực tế sau sắp xếp, tránh phải điều chỉnh phương án sắp xếp, xử lý tài sản nhiều lần, gây lãng phí nguồn lực.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo.
2. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) thực hiện phân bổ (điều hòa) lại số lượng, chủng loại xe ô tô được sử dụng của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe quyết định thay đổi phương thức quản lý xe ô tô mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	Quảng Ninh	Đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32: Đề nghị bổ sung thêm cụm từ: “ <i>Trong thời kỳ sử dụng ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm, kể từ thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền ban hành TCĐM theo quy định tại Nghị định này,</i> ” vào trước cụm từ: “ <i>Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ....</i> ”, do: để quy định rõ việc sắp xếp, xử lý xe ô tô theo quyết định phân bổ (điều hòa) lần đầu quy định tại khoản 1 Điều 32 và các lần sau quy định tại khoản 2 Điều 32 dự thảo Nghị định và đồng bộ với quy định tại khoản 3 Điều 23.	Giải trình: Quy định tại dự thảo áp dụng đối với trường hợp đang trong chu kỳ ổn định 05 năm hoặc hết chu kỳ ổn định.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 34. Xử lý chuyển tiếp			
3. Xe ô tô PVCTC đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số xe ô tô phục vụ các chức danh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng nay chức danh đó không thuộc danh mục chức danh được sử dụng xe ô tô chức danh và xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô PVCTC theo quy định) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng PVCTC của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả trường hợp giá mua trước đây cao hơn mức giá tối đa quy định tại Nghị định này) thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo số lượng phù hợp với quy định tại Nghị định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) thì xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	VPTW Đảng, Bộ TC	(1) Quy định rõ thời hạn hoàn thành việc rà soát điều chuyển, xử lý xe dôi dư (<i>Bộ Tài chính</i>) (2) Trách nhiệm của cơ quan, người đứng đầu trong trường hợp chậm thực hiện (<i>Bộ Tài chính</i>). (3) Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đang thực hiện điều chuyển, xử lý số xe dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy. (<i>VPTW Đảng, Bộ TC</i>)	(1) Giải trình: Dự thảo đã quy định thời hạn hoàn thành xử lý xe ô tô dôi dư. (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo (điểm a khoản 3 Điều 35) (3) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo đối với trường hợp đã có quyết định xử lý.
	VPTWĐ, ĐHQG TPHCM	(1) Đề nghị quy định rõ nguyên tắc xử lý đối với xe ô tô đã được trang bị trước khi Nghị định có hiệu lực, xe đang trong quá trình, thanh lý, xe còn đủ điều kiện sử dụng nhưng vượt định mức do thay đổi mô hình tổ chức, biên chế hoặc do sắp xếp cơ quan, đơn vị. (2) Bổ sung quy định chuyển tiếp theo hướng xe ô tô đã được trang bị đúng thẩm quyền trước ngày Nghị định có hiệu lực thì tiếp tục quản lý, sử dụng đến khi có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp vượt định mức do sắp xếp tổ chức bộ máy thì thực hiện rà soát, điều hòa, xử lý theo lộ trình phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không gián đoạn nhiệm vụ. (3) Đề nghị bổ sung lộ trình xử lý, thời hạn điều chuyển hoặc tiếp tục sử dụng đối với xe đã được trang bị hợp pháp trước khi Nghị định có hiệu lực để tránh lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện và bảo đảm không gây lãng phí tài sản công hiện có.	(1) Tiếp thu: Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền thì tiếp tục xử lý. (2), (3) Giải trình: Điều 31, Điều 32 dự thảo đã quy định việc sắp xếp lại toàn bộ xe ô tô PVCTC đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp dôi dư thì xử lý theo quy định. Xe đang thực hiện thanh lý thì tiếp tục thanh lý do không thay đổi các điều kiện thanh lý.
	Quảng Ninh	Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 34: Đề nghị bổ sung thêm cụm từ: “ <i>mà không phù hợp với TCĐM được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định này</i> ” vào sau cụm từ: “ <i>...phục vụ công tác chung theo quy định</i> ” và trước cụm từ: “ <i>thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan...</i> ”	Giải trình: Dự thảo quy định việc rà soát, sắp xếp lại đối với toàn bộ xe PVCTC của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trường hợp dôi dư thì xử lý theo quy định.
4. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận sáp nhập, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hình thành sau khi hợp nhất có số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn cao hơn số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này do được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi sắp xếp thì được tiếp tục quản lý, sử	Bộ KHCN	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật về giải quyết chế độ cho người lao động là lái xe do việc thanh lý hoặc xử lý số lượng xe dôi dư, xe công suất lớn hơn mức quy định tại Nghị định này sẽ phát sinh việc giải quyết các chế độ cho người lao động là lái xe kèm theo	Giải trình: Tại điểm b khoản 3 Điều 35 đã quy định: “ <i>b) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này; bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy</i>

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
dụng số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn hiện có để phục vụ công tác. Khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này hoặc thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xử lý xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại Nghị định này.			<i>định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoản kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật."</i>
5. Trường hợp số lượng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định TCĐM sử dụng xe ô tô, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 mà tổng số lượng xe đã phân bổ (điều hòa) của các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý không vượt quá tổng số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Nghị định này và không thuộc trường hợp phải phân bổ lại theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thì được ổn định số lượng, chủng loại xe 05 năm, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe; cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng theo số lượng, chủng loại xe đã được phân bổ (điều hòa).	<i>Đà Nẵng</i>	Tại khoản 5 Điều 34 (Điều khoản chuyển tiếp) quy định các xe đã phân bổ (điều hòa) trước đây chỉ " <i>được ổn định số lượng, chủng loại xe 05 năm</i> ". Việc khống chế thời hạn " <i>ổn định 05 năm</i> " là chưa phù hợp với niên hạn sử dụng thực tế của tài sản xe ô tô (thường từ 10 - 15 năm), sẽ gây khó khăn và xáo trộn lớn trong công tác quản lý tài sản công. Do vậy, đề xuất sửa đổi thành: Trường hợp số lượng xe ô tô đã được phân bổ (điều hòa) theo đúng quy định thì được tiếp tục ổn định số lượng, chủng loại xe đã phân bổ cho đến khi xe đủ điều kiện thanh lý theo quy định", nhằm bảo đảm tính ổn định, liên tục trong quản lý tài sản	Giải trình: Quy định ổn định là ổn định về định mức; căn cứ TCĐM để trang bị xe và xử lý xe hiện có.
	<i>Đồng Nai</i>	Bổ sung quy định chuyển tiếp như sau: " <i>Đối với xe ô tô PVCTC đã được mua sắm từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước và bố trí sử dụng theo quy định tại Nghị định số 72 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153, việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô tại các doanh nghiệp nhà nước được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này</i> ".	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 35. Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành			
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định TCĐM sử dụng xe ô tô, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định TCĐM sử dụng xe ô tô.	Điện Biên	- Đề nghị gộp khoản 1, khoản 2 thành 01 khoản để nội dung ngắn gọn, khoa học; sửa lại thứ tự các khoản trong điều để thống nhất như sau: “Điều 35. Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định TCĐM sử dụng xe ô tô, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định TCĐM sử dụng xe ô tô. 2. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm...”	Giải trình: Giữ như dự thảo để đảm bảo dễ theo dõi, tra cứu.
3. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm: a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ TCĐM sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật. Tổ chức xác định số lượng xe ô tô PVCTC được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng TCĐM theo quy định tại Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết. Các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương là đơn vị dự toán cấp I cũng phải thực hiện theo quy định này. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.	NHNN	Do ĐVSNCL nhóm 1 được quyết định số lượng xe PVCTC; tuy nhiên, tiết a Khoản 3 Điều 35 quy định cơ quan, người có thẩm quyền tổ chức xác định số lượng xe ô tô PVCTC được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng TCĐM theo quy định tại Nghị định, bao gồm cả xe của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Như vậy, việc mua sắm xe ô tô công tác có sự không thống nhất với công tác quản lý, định mức đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Đề nghị rà soát quy định để đảm bảo thống nhất.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo đã bổ sung ĐVSNCL nhóm 1 tại khoản 2 Điều 2 dự thảo.
	VPTWD, Điện Biên, TĐ Than – KS VN, TCT Mobifone	Đề nghị bỏ cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” tại khoản 3 Điều 35 dự thảo. Lý do: Doanh nghiệp nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Nghị định này.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
C. Ý KIẾN THAM GIA KHÁC			
Về chủ trương mua mới xe ô tô	<i>Ninh Bình</i>	Hiện nay, chưa có quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương mua mới xe ô tô. Đề nghị nghiên cứu đồng nhất thẩm quyền quyết định phân bổ số lượng, chủng loại xe ô tô PVCTC với thẩm quyền quyết định chủ trương mua mới xe ô tô để đảm bảo quản lý tài sản công chặt chẽ, hiệu quả.	Giải trình: Nội dung này không thuộc phạm vi dự thảo. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu.
Về việc cấp ngân sách	<i>Đài TNVN</i>	Theo Điều 4 Quyết định số 16-QĐ/TW, Đài TNVN là đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương, thực hiện quản lý tài chính, tài sản và ngân sách được giao theo quy định pháp luật. Đồng thời, Đài thực hiện nhiệm vụ chính trị do cấp có thẩm quyền giao và được ngân sách bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ này (Khoản 13 Điều 2 Quyết định số 16-QĐ/TW). Nhằm thay thế hệ thống xe công tác chung và xe chuyên dụng phục vụ phóng viên, biên tập viên, khối truyền dẫn phát sóng,... đã sử dụng nhiều năm, xuống cấp nghiêm trọng và không còn đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật; Đài TNVN kính đề nghị ưu tiên, bố trí kinh phí mua sắm xe ô tô mới của Đài vào phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm tới. Việc bổ sung kinh phí này là điều kiện tiên quyết để đảm bảo cơ sở vật chất, phục vụ đặc lực cho tiến trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo theo định hướng của Bộ Chính trị.	Giải trình: Nội dung này không thuộc phạm vi dự thảo.
	<i>ĐHQGTPH CM</i>	Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn xử lý, trách nhiệm phối hợp và nguồn kinh phí phát sinh khi thực hiện điều chuyển xe tại Đ20,21, 22 do thực tiễn cho thấy việc điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thường kéo dài do chưa quy định rõ trách nhiệm và trình tự thực hiện	Giải trình: Nội dung này không thuộc phạm vi dự thảo mà thực hiện theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.
Về cơ sở dữ liệu quốc gia về TSC	<i>Bộ Tài chính</i>	Đề nghị tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý xe ô tô công; kết nối đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để phục vụ công tác theo dõi, quản lý và xử lý tài sản.	Tiếp thu: Hiện nay, Bộ Tài chính đang nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó sẽ có các thông tin liên quan đến quản lý xe.
D. Ý KIẾN VỀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY			
	<i>Quảng Ninh</i>	Đề nghị rà soát để quy định được đảm bảo thống nhất, đồng bộ xuyên suốt dự thảo Nghị định: tại điểm k khoản 2 Điều 2 Bản Dự thảo và tại điểm a khoản 2 Điều 26 (trang 23 dự thảo) quy định đối với: <u>cơ quan, tổ chức, đơn vị</u> , tuy nhiên các quy định về TCĐM thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Điều 13, Điều 14, Điều 17, Điều 22... thì chỉ có quy định đối với <u>cơ quan, đơn vị</u> .	Giải trình khoản 2 Điều 26 là quy định chung cho các loại hình cơ quan, tổ chức, đơn vị; còn đối với Tỉnh ủy thì chỉ quy định đối với cơ quan, đơn vị do không có tổ chức thuộc tỉnh ủy.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP) VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP
(kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày/...../2026 của Bộ Tài chính)

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định hiện hành và nội dung dự thảo Nghị định.
2	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
2.1	1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, gồm: a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh. b) Xe ô tô phục vụ công tác chung. c) Xe ô tô chuyên dùng. d) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.	1. Nghị định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và <u>một số nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô</u>; gồm: xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô chuyên dùng; xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.	Cơ bản giữ như quy định hiện hành, chỉ sửa đổi kỹ thuật trình bày. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc.
2.2	Chưa có quy định	2. Đối với nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng phục vụ công tác của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ các chuyến công tác của các lãnh đạo Đảng tại các địa phương, phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách	Bổ sung quy định để đáp ứng yêu cầu công tác, phục vụ công tác đối ngoại của Văn phòng Trung ương Đảng

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc với lãnh đạo Đảng thì Văn phòng Trung ương Đảng được trang bị xe theo yêu cầu công tác. Số lượng, chủng loại và mức giá do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư.	
2.3	Chưa có quy định	3. Tiêu chuẩn, định mức và nội dung khác để thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội (trừ các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này) theo Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị của cơ quan, người có thẩm quyền quy định và được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Ủy viên là ĐBQH hoạt động chuyên trách tại Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là đối tượng có vị trí pháp lý đặc thù thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khảo sát, giám sát, thẩm tra, tiếp xúc cử tri, tiếp xúc công dân làm việc với các địa phương trên phạm vi cả nước. Thẩm quyền quy định về nội dung này thuộc trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
2.4	2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.	4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.	Giữ như quy định hiện hành. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc.
2.5	<u>3. Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</u> Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước quy định tại Điều 18 Nghị định này) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị xe ô tô, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này.	5. Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước quy định tại Điều 27 Nghị định này) của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị xe ô tô, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	(1) Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại: Giữ như quy định hiện hành. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc. (2) Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh: Nội dung này đã được kết cấu tại khoản 7 Điều 1 dự thảo.
2.6	4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền	6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy	- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo đã quy định thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức của các đơn vị quy

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau: a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này. b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do <i>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau: a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này. b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo quy định của pháp luật; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	định tại khoản này; do đó quy định theo hướng dẫn chiếu đảm bảo đầy đủ, ngắn gọn, thống nhất. - Bổ sung quy định mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô để thống nhất thực hiện theo các quy định có liên quan, không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.
2.7	(STT 2.3 nêu trên)	7. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác với mức giá do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh	- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: “2. <i>Việc trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ quy định.</i>”. - Để đảm bảo linh hoạt, chủ động, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tiếp thu ý kiến của một số Tập đoàn, Tổng công ty¹. - Các tổ chức tín dụng (ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam), tổ chức tài chính (Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam) thực hiện trích khấu

¹ TCTy Thuốc lá VN (tại Công văn số 111/TL.VN-VP ngày 26/02/2026, 16/TLVN-VP ngày 04/3/2026): Không đưa số lượng xe phục vụ chung của doanh nghiệp trong Nghị định

Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (tại Công văn số 1165/TKV-KH ngày 02/3/2026): Đề nghị nghiên cứu chuyển phương thức quản lý từ không chế số lượng xe có định sang cơ chế giao quyền chủ động cho DN quyết định số lượng xe trên cơ sở tổng nhu cầu sử dụng phục vụ điều hành sản xuất - kinh doanh

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (tại Công văn số 74/ĐĐMVN-VP ngày 02/3/2026): Cho phép áp dụng định mức linh hoạt đối với doanh nghiệp có mạng lưới sản xuất trên phạm vi toàn quốc.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		doanh của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam do Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản	hao tài sản cố định hoặc được hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ² . Do đó, quy định như dự thảo để nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức này.

2

a) Đối với BHTGVN

Theo quy định tại Điều 2 QĐ 1394/QĐ-TTg ngày 13/8/2013, khoản 1 Điều 3 QĐ 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của TTg v/v phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 QĐ 527/QĐ-TTg ngày 01/4/2016) thì BHTGVN là tổ chức tài chính nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật Ngân hàng nhà nước và được hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2026/TT-BTC2 ngày 30/3/2026 của Bộ Tài chính quy định: “ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.” Việc xác định lương của Chủ tịch HĐQT căn cứ theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong DNNN (CV số 6627/NHNN-TCCB ngày 31/7/2025 của NIINN).

b) Đối với NHCSXH

- Tại Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 quy định:

“Điều 3. Thành lập, hoạt động và quản lý nhà nước đối với Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Ngân hàng Chính sách xã hội là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với:

...c) Công tác cán bộ;

Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị.

Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, cho thôi việc, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc.

- Tại Điều 10 Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với ngân hàng chính sách xã hội quy định:

“Điều 10. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Ngân hàng Chính sách xã hội được sử dụng vốn khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định.”

c) Đối với NHPTVN

- Tại Nghị định số 95/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2021 về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

“ Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, đại diện pháp luật

1. Ngân hàng Phát triển là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc, mục tiêu hoạt động và bảo đảm hoạt động

1. Nguyên tắc, mục tiêu hoạt động

Ngân hàng Phát triển hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Thủ tướng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ quyết định các nội dung sau trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính:

1. Điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc, nghỉ hưu và thực hiện các công tác cán bộ khác đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển.”

- Tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

“Điều 11. Khấu hao tài sản cố định

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
2.8		lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này. 8. Việc mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ (ngoài các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quy định tại khoản 7 Điều này), bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	Quy định nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp và bao quát các loại hình doanh nghiệp.
3	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
3.1	1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này, bao gồm: a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị)." <u>b) Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).</u> c) Các hội quần chúng có tính chất đặc thù được Nhà nước hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.	1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: a) Cơ quan nhà nước (bao gồm cơ quan hành chính đặc thù), cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Điều 29 Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị). b) Cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này. c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.	- Đối tượng các hội quần chúng tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72 (sau đây gọi là ND số 72) nay được đưa lên điểm a khoản 1 dự thảo ND; do đó, bỏ quy định tại điểm c khoản 1. - Bỏ đối tượng "Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước)" để thống nhất với quy định về phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 5 Điều 1 dự thảo) (đã nêu tại STT 2.5). - Bổ sung điểm b khoản 1 để phù hợp đối tượng bỏ sung tại khoản 2 Điều này dự thảo.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.		
3.2	4a. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xác định trách nhiệm, thẩm quyền quy định tại Nghị định này là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định này.	2. Cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô: Ngoài các trường hợp quy định cụ thể thẩm quyền tại Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô bao gồm: a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng. b) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. c) Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi là Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng) đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. d) Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. đ) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Chính phủ. e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. g) Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với xe ô tô của các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Quốc hội. h) Tổng Kiểm toán nhà nước đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. i) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc	Chi tiết cụ thể các cơ quan, người có thẩm quyền để xác định thẩm quyền, trách nhiệm phù hợp với từng loại hình các cơ quan, tổ chức, đơn vị để thống nhất và thuận lợi trong áp dụng; trong đó, đối với địa phương có điều chỉnh thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân để gần thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức cho đơn vị có tài sản, bảo đảm việc quyết định phù hợp với thực tế đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		phạm vi quản lý, bao gồm Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương; không bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương. k) Trường các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm Liên đoàn Lao động cấp tỉnh. l) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đảng ủy cấp xã. m) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (trừ Liên đoàn Lao động tỉnh). n) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với xe ô tô của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. o) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm xe ô tô của Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xe ô tô của cấp xã.	
3.3	2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị, tổ chức nào thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng quy định tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.	3. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính hoặc cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.	Thông nhất với quy định về TCĐM sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp, máy móc thiết bị của các đơn vị này.
4	Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác	Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức; thay thế xe ô tô phục vụ công tác; khoản kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô	
4.1	1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô. 9. Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị	1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô. Số lượng, mức giá ô tô quy định tại Nghị định này là số	1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72 thống nhất với nguyên tắc này như các tài sản khác (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, máy móc, thiết bị) tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg. 2. Sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, <i>doanh nghiệp nhà nước</i>, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), <u>cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm</u> xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	lượng, mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (<i>bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp, sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp</i>), nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật) để thực hiện việc trang bị cho phù hợp.	72 và gộp vào khoản 1 Điều 3 dự thảo để thuận lợi trong áp dụng. Lý do: - Đây là các quy định về số lượng, mức giá, nguồn kinh phí, liên quan trực tiếp các quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo. - Đối với trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng thì đã quy định về giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng tại khoản 5 Điều này dự thảo nên tại khoản này chỉ quy định đối với trường hợp mua sắm. - Đối với trường hợp mua sắm: Sửa đổi để phù hợp với quy định về việc mua sắm theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (<i>Không phải ban hành Quyết định mua sắm và căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện mua sắm tài sản công theo quy định của pháp luật về đấu thầu</i>). - Ngoài các đơn vị sự nghiệp công lập, liệt kê một số đơn vị sự nghiệp của Đảng (gọi chung là đơn vị sự nghiệp) để phù hợp với Nghị định số 52/2026/NĐ-CP và tiếp thu ý kiến tỉnh Quảng Ninh.
4.2	2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác.	2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh được xác định theo từng chức danh, chức vụ. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô đó được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác. Đối với các chức danh, chức vụ trong các cơ quan, tổ	- Sửa đổi để rõ ràng trong thực hiện và thống nhất như nguyên tắc đối với tài sản khác (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, máy móc, thiết bị)

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<i>Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này, khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung của chức danh, chức vụ tương đương.</i>	chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại các Điều 4, 5, 6, 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này và tại Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Quy định số 368-QĐ/TW), được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ và Danh mục chức danh lãnh đạo các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới (sau đây gọi là Kết luận số 31-KL/TW) thì căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này hoặc tương đương nhóm, bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) để xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung tương ứng.	- Sửa đổi quy định về xác định chức danh, chức vụ tương đương để áp dụng TCĐM xe chức danh, xe phục vụ công tác chung (tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72) để đảm bảo bao quát các trường hợp trong thực tế; đồng thời, thống nhất như nguyên tắc đối với tài sản khác (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, máy móc, thiết bị)
4.3	6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là <u>số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có)</u> được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị. <u>Số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành là căn cứ để xác định tiêu</u>	3. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc (viên chức, người làm việc được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo Đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc được cơ quan, người có thẩm quyền tạm giao theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị trực thuộc được tách riêng để tính tiêu chuẩn, định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Số biên chế làm căn cứ để xem xét, hỗ trợ xe ô tô đối với các hội quân chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là	- Bổ sung biên chế <i>tạm giao</i> theo quy định của pháp luật cũng làm căn cứ để xác định định mức để phù hợp với thực tế phê duyệt biên chế hiện nay. - Do các hội chỉ được xem xét, hỗ trợ xe nên không tính biên chế để xác định định mức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biên chế các hội để xác định trường hợp được hỗ trợ và mức hỗ trợ đã được quy định cụ thể tại Điều 29 dự thảo. - Việc ổn định số lượng xe kết cấu lại tại Điều 20, Điều 23 dự thảo.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<u>chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.</u> <u>Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục, các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện.</u>	số lượng biên chế được cơ quan, người có thẩm quyền giao tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ xe ô tô.	
4.4	8. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì <i>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định cụ thể khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	4. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định cụ thể khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đồng thời, phải được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo đã quy định thẩm quyền do đó quy định theo hướng dẫn chiều đảm bảo đầy đủ, ngắn gọn, thống nhất.
4.5	5. Nguyên tắc xác định giá mua xe ô tô: a) Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá	5. Nguyên tắc xác định mức giá xe ô tô: a) Mức giá xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe	(1) Tại Luật Phí và lệ phí quy định “<i>lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối</i>

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; <u>lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe</u>. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế được xem xét, quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý. b) Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại không vượt quá 15% mức giá mua xe tối đa quy định cụ thể tại	ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; phí bảo hiểm. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào mức giá xe để xác định tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp trang bị xe ô tô thân thiện môi trường hoặc xe ô tô sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, năng lượng thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là xe ô tô thân thiện môi trường) thì mức giá không quá ($\leq$) 120% mức giá của xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng cùng chủng loại, số chỗ ngồi quy định tại Nghị định này. b) Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này được xem xét, quyết định mức giá xe ô tô (bao gồm cả mức giá xe ô tô thân thiện môi trường) cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này. c) Mức giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), đảm bảo giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại không quá ($\leq$) 115% của mức giá tối đa theo quy định tại Nghị định này.	với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn” nên sửa lại tên lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí. Ngoài ra, về phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô) nên bỏ nội dung “<u>phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe</u>” tại dự thảo Nghị định, vì khoản phí này phát sinh trong quá trình sử dụng xe ô tô. (2) Khuyến khích trang bị xe điện, xe hybrid điện, xe sử dụng nhiên liệu khác thân thiện môi trường để thực hiện chủ trương bảo vệ môi trường, đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và theo đề xuất của Văn phòng Trung ương Đảng, Thành phố Hồ Chí Minh Bổ sung trường hợp chuyển đổi công năng để bao quát trường hợp phát sinh trong thực tế; đồng thời quy định thống nhất xác định định mức trong trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng xe đã qua sử dụng

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
4.6	Nghị định này.	6. Nguyên tắc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô a) Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: Trường hợp thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh thì áp dụng đối với tất cả các công đoạn (không thực hiện khoán riêng từng công đoạn: đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, đi công tác) của từng chức danh và không thực hiện trang bị xe ô tô. Trường hợp đã trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh thì không thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô theo quy định tại Nghị định này nhưng không thực hiện trang bị hoặc đã trang bị nhưng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức thì được thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô. Các đối tượng được sử dụng xe ô tô theo quy định tại Nghị định này đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không được sử dụng xe của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với các công đoạn, chặng đường đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được trang bị xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức thì không thực hiện khoán xe, nếu phát sinh đồng thời nhu cầu sử dụng xe ô tô ở cùng một thời điểm mà số xe ô tô đã trang bị không đáp ứng được thì thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. c) Đối với xe ô tô chuyên dùng: Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện trang bị hoặc xe ô tô chuyên dùng hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác thì được thuê dịch vụ xe ô tô. d) Việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phải phù hợp tính chất công việc và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 30 Nghị định này quyết định việc áp dụng	Để thống nhất trong thực hiện, tránh lợi dụng việc khoán nhưng vẫn sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		khoản kinh phí sử dụng xe ô tô; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc áp dụng thuê dịch vụ xe ô tô, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	
4.7	3. Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này được trang bị, thay thế theo yêu cầu công tác; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này.	7. Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này được trang bị, thay thế theo yêu cầu công tác; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Nghị định này; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này.	Giữ như quy định hiện hành. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc
4.8	4. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý. Việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: a) Đã quá thời gian sử dụng để tính hao mòn theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định. b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đã sử dụng trên 250.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước còn lại. c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa	8. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 7 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý <i>hoặc được xử lý theo các hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công</i>; việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: a) Khi hết hạn sử dụng (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn, khấu hao tài sản theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô hoặc hết niên hạn, tần suất sử dụng theo quy định của pháp luật). b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là đơn vị hành chính cấp xã) là <i>các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</i> theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư,	- Bổ sung để bao quát các trường hợp thực tế phát sinh. - Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 về <i>phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 quy định:</i> <i>“ Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt</i> <i>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh.”</i> - Tại khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 40/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thì: + <i>Đặc khu được công nhận là xã đảo và không phải thực hiện các trình tự, thủ tục đề nghị công nhận xã đảo theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.</i> + <i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, công nhận xã</i>

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chứa dễ khắc phục hư hỏng lớn hơn 30% so với nguyên giá).	Quyết định số 40/2025/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (sau đây gọi là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn) hoặc/và đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp xã là xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn; đã sử dụng trên 250.000 km đối với các trường hợp còn lại. c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa (không tính chi phí thay pin hệ thống động cơ điện - nếu có) lớn hơn 30% nguyên giá của xe ô tô).	<u>đảo</u> . - Tại Điều 22 ³ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ đã quy định về <u>xác định địa bàn ưu đãi đầu tư; UBND cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã</u> theo quy định. Do đó, dự thảo quy định dẫn chiếu đến các văn bản nêu trên để thống nhất xác định các “ <u>xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn</u> ” và phù hợp với quy định hiện hành.
4.9	7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, cơ quan thi hành án dân sự, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, thực hiện theo quy định tại Nghị định	Bổ quy định tại khoản này	Hiện nay các cơ quan này đều thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Ví dụ: Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ (điểm 2.1 (1) Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị), “Tổng cục Thi hành án dân sự” thành Cục loại 1

³ Điều 22. Xác định địa bàn ưu đãi đầu tư

1. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm:

- Xã khu vực II và khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;
- Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định theo quy định tại điểm a, b và d khoản 4 Điều này.

3. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bao gồm:

- Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;
- Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều này.

4. Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thì xác định như sau:

... 8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này và gửi thông tin về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	này; trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số xe ô tô phục vụ công tác chung cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP) thì số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định bằng số xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.		“Cục Quản lý Thi hành án dân sự”; Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam là đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Quyết định số 18-QĐ/TW ngày 30/3/2026, Quyết định số 16-QĐ/TW ngày 30/3/2026). Do đó, dự thảo bỏ quy định tại khoản này.
5	Chương II TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ Mục 1 XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá	Chương II TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác (trừ trường hợp có quy định, quyết định khác của cấp có thẩm quyền), không quy định mức giá	
	1. Tổng Bí thư. 2. Chủ tịch nước. 3. Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội.	1. Tổng Bí thư. 2. Chủ tịch nước. 3. Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội. 4. Thường trực Ban Bí thư.	- Sửa đổi tên Điều để đảm bảo phù hợp với thực tế công tác cán bộ hiện nay. - Bổ sung chức danh Thường trực Ban Bí thư để đảm bảo các chức danh cùng nhóm “Lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” tại Nhóm I Quy định số 368 có cùng tiêu chuẩn, định mức.
6	Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá	Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá	
	Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.	Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo các chức danh cùng nhóm “Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Nhóm I Quy định số 368” tại Nhóm I Quy định số 368 có cùng tiêu chuẩn, định mức.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		sát nhân dân tối cao.	
7	Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá	Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá	
7.1	1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng ban Dân nguyện thuộc Thường vụ Quốc hội).	1. Các chức danh tại bậc 1 Nhóm II Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Danh mục chức danh, chức vụ) ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng một xe ô tô có mức giá tối đa là 1.700 triệu đồng/xe.	- Cơ bản các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 6 NĐ số 72 thuộc bậc 1 Nhóm II Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) – (sau đây gọi chung là Quy định số 368) nên tiếp tục quy định tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 6 NĐ72 đối với chức danh bậc 1 Nhóm II Quy định số 368. Đối với các chức danh khác được điều chỉnh từ các nhóm, bậc khác thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức như các chức danh cùng nhóm; đồng thời, dẫn chiếu đảm bảo ngắn gọn và thống nhất các chức danh trong cùng Nhóm, bậc có cùng tiêu chuẩn, định mức. - Để bảo đảm việc trang bị xe ô tô phù hợp với thực tiễn thị trường, tính đến yếu tố trượt giá, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Nghị định trong thời gian ngắn, đồng thời tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn chủng loại xe phù hợp với yêu cầu công tác trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức và mức giá được quy định.
7.2	2. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe, gồm: Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán nhà nước; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương. 3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.500 triệu	2. Các chức danh tại bậc 2 Nhóm II Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng một xe ô tô có mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe.	- Ngoài các chức danh được xếp lên các bậc trên, chức danh còn lại tại khoản 2 Điều 6 NĐ72 nay được xếp tại bậc 2 Nhóm II Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW nên tiếp tục quy định TCĐM tại khoản 2 Điều 6 NĐ72. - Đối với các chức danh còn lại quy định tại khoản 3 Điều 6 NĐ72, theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo KL31) đã được chuyển lên bậc 1 Nhóm II Quy định số 368-QĐ/TW nên áp dụng định mức theo nhóm chức danh bậc 1 Nhóm II (1.700trđ) - Để bảo đảm việc trang bị xe ô tô phù hợp với thực tiễn thị trường, tính đến yếu tố trượt giá, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Nghị định trong thời gian ngắn, đồng thời tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động, linh hoạt trong

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	đồng/xe, gồm: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.		việc lựa chọn chủng loại xe phù hợp với yêu cầu công tác trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức và mức giá được quy định.
8	Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá	Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá	
8.1	1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm: a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm: Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Thứ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán nhà nước; Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương được xem xét, hỗ trợ xe chức danh tại điểm này nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về Mặt trận tổ quốc Việt Nam, về tổ chức, hoạt	1. Các chức danh tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng xe ô tô có mức giá tối đa 1.500 triệu đồng/xe.	- Cơ bản các chức danh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 NĐ số 72 thuộc Nhóm III Quy định số 368 nên tiếp tục quy định tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1 Điều 7 NĐ số 72 đối với chức danh Nhóm III Quy định số 368 và dẫn chiếu đảm bảo các chức danh cùng Nhóm, bậc có cùng tiêu chuẩn, định mức. - Đối với chức danh của Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe chức danh với mức giá các chức danh cùng bậc, cùng Nhóm nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan. Kết cấu lại để thuận lợi trong áp dụng tại khoản 1 Điều 20 dự thảo; cụ thể: “<i>Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương tại Nhóm III Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô xe chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này.</i>” - Để bảo đảm việc trang bị xe ô tô phù hợp với thực tiễn thị trường, tính đến yếu tố trượt giá, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Nghị định trong thời gian ngắn, đồng thời tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn chủng loại xe phù hợp với yêu cầu công tác trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức và mức giá được quy định.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	động và quản lý hội và pháp luật có liên quan; Trợ lý các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư. Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.		
	b) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe, gồm: Tổng Cục trưởng, Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Thường trực các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế). Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Trưởng Ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở Trung ương; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các	2. Các chức danh tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được sử dụng xe ô tô có mức giá tối đa 1.400 triệu đồng/xe.	- Cơ bản các chức danh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 NĐ số 72 nay được xếp tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368 nên tiếp tục quy định tiêu chuẩn tại điểm b khoản 1 Điều 7 NĐ số 72 đối với chức danh bậc 1 Nhóm IV Quy định số 368. - Để bảo đảm việc trang bị xe ô tô phù hợp với thực tiễn thị trường, tính đến yếu tố trượt giá, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Nghị định trong thời gian ngắn, đồng thời tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn chủng loại xe phù hợp với yêu cầu công tác trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức và mức giá được quy định.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước. Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh văn phòng Đảng đoàn Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng ở các Đảng ủy: Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.		
8.2	2. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập đoàn kinh tế, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí để xem xét, quyết định việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô trang bị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả giữa việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác với việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này. Trường hợp tất cả các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này của từng bộ, cơ quan trung ương, tổng cục, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tập đoàn kinh tế áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho toàn bộ công đoạn thì không trang bị xe ô tô phục vụ chức danh.	3. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí để xem xét, quyết định việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô trang bị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3, các khoản 8, 9 và 10 Điều 30 Nghị định này. Trường hợp tất cả các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh.	Khoản này đã quy định thẩm quyền quyết định việc khoán đối với các đối tượng tại khoản này nên chỉ dẫn chiếu nguyên tắc khoán tại khoản 6 Điều 3 dự thảo, việc xác định mức khoán, đơn giá khoán theo quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều 30 Nghị định này.
9	Mục 2 XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG	Chương III TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG Mục 1 PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC SỬ DỤNG XE	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Ô TÔ Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có hoạt động đặc thù	
9.1	1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này.	1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô một cầu, hai cầu; xe ô tô con Pickup, xe ô tô tải Pickup ca bin kép (sau đây gọi là xe bán tải)) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị) không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25 Nghị định này.	Theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường thì: Ô tô con Pickup thuộc phân loại <u>ô tô chở người</u> (Phụ lục I); Xe ô tô tải Pickup ca bin kép thuộc phân loại <u>xe tải</u> (Phụ lục IV); <u>không có xe bán tải</u> và đề xuất của tỉnh Gia Lai ⁴ . Việc sửa đổi nội dung nêu trên để đảm bảo tránh xáo trộn trong áp dụng chính sách.
9.2	2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại): a) Các chức danh, chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ hoặc lương chức vụ cao hơn chức danh Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương nhưng không đủ điều kiện được sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Nghị định này. b) Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương; Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương. c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh). d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh. đ) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cục, đơn vị và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh,	2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại): a) Các chức danh từ bậc 8 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) trở lên. b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (trừ các chức danh tại điểm a khoản này) được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	(1) Sửa đổi theo hướng không liệt kê các chức danh mà dẫn chiếu các bậc chức danh đảm bảo các chức danh cùng bậc cùng chế độ và kế thừa liệt kê đến bậc có chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp xã (bậc 7, 8) Nhóm IV Quy định số 368 trở lên; như: - Bậc 2: Như: Cục trưởng loại 1; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố (trừ TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh),... - Bậc 3: + Cục trưởng loại 2; vụ trưởng; + Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh + Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố

⁴ Tại Công văn số 1620/STC-QLGCS 27/02/2026: Theo giấy chứng nhận kiểm định của các xe hiện đang quản lý không có loại phương tiện là xe bán tải; chỉ có loại phương tiện là xe ô tô tải (pick-up hoặc pick up cabin kép); Rà soát, làm rõ từ ngữ để xác định chủng loại xe ô tô PVCTC (xe bán tải, xe ô tô tải pick up ca bin kép,...) để thống nhất áp dụng TCĐM sử dụng xe.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	thành phố. e) Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. g) <u>Ủy viên (Thành viên) Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc tập đoàn kinh tế, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.</u> h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.		Hồ Chí Minh; + Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; ... - Bậc 4: + Phó cục trưởng loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; + Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh;... - Bậc 5: + Phó cục trưởng loại 2; phó vụ trưởng; cấp trưởng cơ quan khu vực thuộc cục thuộc bộ; + Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. + Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; + Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;... - Bậc 6: + Cấp trưởng phòng thuộc Cục loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; + Chi cục trưởng thuộc cục thuộc bộ; + Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, + Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu,... - Bậc 7: Phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu,... - Bậc 8: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
			Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu,... (2) Bỏ các chức danh của doanh nghiệp nhà nước tại khoản 2 Điều 8 dự thảo. Lý do: Doanh nghiệp nhà nước không còn thuộc đối tượng áp dụng của dự thảo).
9.3	3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, <u>doanh nghiệp nhà nước</u> quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.	3. Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.	Bỏ “doanh nghiệp nhà nước” do tại dự thảo không quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước.
9.4	4. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này.	4. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Nghị định này.	Giữ như quy định hiện hành. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc.
9.5	5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 11 và 11a Nghị định này, <u>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</u> xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.	5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 25 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ: <u>Đảng kiểm</u> , kiểm lâm; phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp; phục vụ người có công, bảo trợ xã hội; <u>công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài</u> , phân giới cắm mốc, tuần tra biên giới; điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản; vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý thị trường; <u>phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn)</u> ; <u>kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực giao thông vận tải</u> ; công tác bảo tồn và cứu hộ động, thực vật thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa	- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài thường xuyên tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động chính trị, đối ngoại và đối ngoại nhân dân. Đặc điểm của các hoạt động này là đối tượng phục vụ chủ yếu là các đoàn đại biểu, khách mời, doanh nhân, trí thức, chuyên gia, kiều bào và khách quốc tế; thường xuyên phát sinh nhu cầu vận chuyển tập trung theo đoàn trong quá trình làm việc tại Trung ương và địa phương. - Theo Luật Thanh tra năm 2025 thì không còn thanh tra chuyên ngành mà chỉ có nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành. Theo ý kiến của Sở Xây dựng Hà Nội tại Công văn số 4210/SXD-TCĐT ngày 26/2/2025 thì: Sau khi chuyển chức năng, nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành lên Thanh tra tỉnh, thành phố, Sở Xây dựng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành về giao thông vận tải, xây dựng (kế thừa nhiệm

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		phương, đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp việc trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản này để thực hiện nhiệm vụ của liên ngành thì tiêu chuẩn, định mức được xác định cho cơ quan, tổ chức, đơn vị là cơ quan thường trực.	vụ của Thanh tra Sở cũ; khối lượng công việc kiểm tra chuyên ngành chiếm khoảng 90%); do có thay đổi về tổ chức hoạt động của lực lượng kiểm tra chuyên ngành xây dựng sau ngày Nghị định số 153 được ban hành nên xe ô tô thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành xây dựng (xe Thanh tra Giao thông trước đây) không nằm trong danh mục xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Nghị định số 153. Do đó, khi bỏ “xe thanh tra giao thông” (xe chuyên dùng) thì phải bổ sung xe cho nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực giao thông vận tải. - Trong bối cảnh thực hiện sáp nhập tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thực hiện chính quyền 02 cấp, công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở giữ vai trò quan trọng trong việc đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân, truyền thông chính sách, thông tin kịp thời về cải cách hành chính, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội. Đồng thời, sau khi sáp nhập có địa bàn rộng, số lượng dân cư trên địa bàn xã tăng lên, đặc biệt đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo là nơi internet chưa phát triển, trình độ dân trí còn hạn chế,... nên vẫn phải áp dụng hình thức tuyên truyền thông tin lưu động; do đó, dự thảo bổ sung nhiệm vụ “<i>phục vụ thông tin lưu động của cấp xã (đối với các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn)</i>” để địa phương có cơ sở xem xét, quyết định việc trang bị xe ô tô thực hiện nhiệm vụ này và theo đề xuất của An Giang⁵. - Lĩnh vực đăng kiểm sử dụng xe phục vụ công tác đăng kiểm tại hiện trường (chở đăng kiểm viên và thiết bị kiểm tra đến hiện trường) và tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng.
9.6	6. Phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác	Bỏ khoản này	Đã sửa đổi tại các Điều 20, 21, 22 và 23 dự thảo

⁵ Tại Công văn số 756/UBND-KT ngày 09/3/2026: Số lượng xe ô tô bán tải dôi dư theo TCDM quy định sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp không thể điều chuyển về cho các xã, phường, đặc khu có nhu cầu sử dụng; Bổ sung quy định nhiệm vụ thông tin lưu động vào nội dung tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị: ...		Nghị định
10	Điều 9. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương, thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương - Khoản 1 Điều 9/NĐ 72 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 NĐ 153)	Mục 2 TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC Điều 9. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức thuộc khối các văn phòng ở trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam	
	1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương; Văn phòng Đảng ủy các cơ quan Đảng ở trung ương; Văn phòng Đảng ủy Quốc hội; Văn phòng Đảng ủy Chính phủ; Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.	1. Đối tượng áp dụng a) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc các cơ quan của Đảng ở trung ương. b) Văn phòng Đảng ủy các cơ quan Đảng ở trung ương, Văn phòng Đảng ủy Chính phủ, Văn phòng Đảng ủy Quốc hội, Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương. c) Các cục, vụ, ban và tương đương thuộc, trực thuộc Báo Nhân Dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Tạp chí Cộng sản. d) Các vụ, viện, học viện và tương đương thuộc, trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. đ) Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ. e) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Quốc hội; các Vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; các vụ, cục và tương đương thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước. g) Các vụ, cục và tương đương thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (không bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ). 2. Tiêu chuẩn, định mức của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.	(i) Khối các văn phòng ở trung ương là các cơ quan đặc thù, việc liệt kê để làm rõ định mức, thẩm quyền áp dụng về tiêu chuẩn, định mức trong dự thảo; đồng thời, các cơ quan tại Điều này có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát nên thường xuyên phải đi công tác trên phạm vi cả nước, do đó, cần có quy định để đảm bảo cơ sở vật chất để đảm bảo công tác; (ii) Để phù hợp với mô hình tổ chức mới của Quốc hội theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội; bảo đảm các đơn vị trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước có cơ sở pháp lý để xác định TCDM xe phục vụ công tác; (iii) Theo Nghị quyết số 999/2020/UBTVQH14 về Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030, KTNN phấn đấu tăng cường kiểm toán hoạt động, kiểm toán chuyên đề và từng bước mở rộng phạm vi kiểm toán đối với ngân sách địa phương. So với quy mô hiện nay khoảng 1.200 đến 1.350 tổ kiểm toán/năm, số lượng tổ kiểm toán có thể tăng thêm từ khoảng 16% đến 28%. Bên cạnh đó, khác với mô hình kiểm toán tại cấp huyện trước đây, các đơn vị hành chính cấp xã phân bố rộng, nhiều địa phương có địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối, vùng ven biển, hải đảo hoặc khu vực có điều kiện giao thông khó khăn. Việc di chuyển trực tiếp đến từng xã sẽ làm gia tăng đáng kể cường độ sử dụng phương tiện và nhu cầu bố trí xe phục vụ các

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. g) Không tính số lượng Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này vào biên chế của các đơn vị thuộc phạm vi quy định tại điểm e khoản 1 Điều này để xác định mức theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này. 3. Trường hợp cần có số lượng xe cao hơn số xe theo quy định tại khoản 2 Điều này để đảm bảo yêu cầu công tác của các đơn vị quy định tại các điểm a, b, đ, e và g khoản 1 Điều này thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, d, đ, g và i khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	tổ kiểm toán; đồng thời, KTTN cũng là cơ quan được áp dụng quy định riêng tại khoản 7 Điều 3 NĐ số 72 (iv) Do Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ đặc thù: tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước,... nên phải đi công tác rất nhiều) theo đề xuất của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại Công văn số 1905/MTTQ-BIT ngày 10/3/2026.
11	Khoản 3 Điều 9 NĐ 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 NĐ 153)	Điều 10. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các loại 1 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương	
	3. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị và tổ chức tương đương được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở tổng số lượng biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này), trường hợp có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có biên chế từ 20 người trở lên thì thực hiện theo quy định tại tiết e2 điểm e khoản 2 Điều này. b) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cục, đơn vị	1. Đối tượng áp dụng: Các cục loại 1 và tương đương trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (trừ các cơ quan quy định tại Điều 9 Nghị định này và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quy định tại Điều 29 Nghị định này). 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục loại 1 và tương đương được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này trên cơ sở tổng số lượng biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị ngành dọc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này); trường hợp cục loại 1 và tương đương có đơn vị trực thuộc (trừ các đơn vị ngành dọc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có biên chế từ 20 người trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định	Cơ bản giữ như quy định hiện hành, chỉ thể hiện lại kỹ thuật soạn thảo. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	và tổ chức tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố được xác định như sau: b1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. b3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. b4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. b5) Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên vào biên chế của đơn vị để xác định định mức của đơn vị theo số lượng biên chế quy định tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này. Ngoài số lượng xe xác định theo số lượng biên chế của đơn vị tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa bằng số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên. b6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết b1, b2, b3, b4 và b5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau: Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh/thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh, thành phố: Ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính, cứ 01 tỉnh, thành phố được giao quản lý tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; đồng thời, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa nếu địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² là 01 xe/đơn vị, từ 18.000 km² đến dưới 21.000	này. 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cục loại I và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định như sau: a) Đơn vị ngành dọc có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe xác định theo điểm c khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. đ) Trường hợp đơn vị ngành dọc có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì xác định tiêu chuẩn, định mức như sau: Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của các đơn vị ngành dọc để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này; Cứ mỗi đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì được bổ sung 01 xe vào tiêu chuẩn, định mức của đơn vị ngành dọc. 4. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, đơn vị ngành dọc được bổ sung số lượng xe tối đa vào tiêu chuẩn, định mức như sau: a) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố: Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	km² là 02 xe/đơn vị, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² là 03 xe/đơn vị, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí. c) Định mức của cục, đơn vị và tổ chức tương đương là tổng định mức của điểm a và điểm b khoản này.	khẩn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe. b) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố: Cứ mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) thì được bổ sung 01 xe/tỉnh, thành phố; Trường hợp tổng diện tích tự nhiên của các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn được giao quản lý từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² được bổ sung 01 xe, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² được bổ sung 02 xe, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² được bổ sung 03 xe, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe; Trường hợp đơn vị ngành dọc có địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp đơn vị ngành dọc có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe. c) Đơn vị ngành dọc đáp ứng tiêu chí nào quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.	
12	Khoản 2 Điều 9 NĐ 72 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 NĐ 153)	Điều 11. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của vụ, cục loại 2 và tương đương thuộc các bộ, cơ quan khác ở trung ương không tổ chức theo ngành dọc	
	2. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của vụ, cục và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên.	1. Đối tượng áp dụng: Các vụ, cục loại 2 và tương đương (gọi chung là đơn vị) thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cơ quan khác ở trung ương (trừ các đơn vị thuộc khối các văn phòng ở trung ương, cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định tại Điều 9 Nghị định này, các Bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc quy	Cơ bản không thay đổi so với quy định hiện hành; chỉ bổ sung quy định: “4. Đối với các vụ, cục loại 2 và tương đương quản lý theo địa bàn địa phương (gọi tắt là Vụ địa bàn) thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) được bổ sung 01 xe, nhưng

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. c) Trường hợp cục và tổ chức tương đương có các đơn vị (trung tâm và các cơ quan, đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc: e1) Đối với các đơn vị có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định định mức của cục và tổ chức tương đương theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này. e2) Đối với các đơn vị có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này; số xe ô tô của đơn vị được xác định tại tiết này được cộng vào định mức tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau: Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Định mức xác định theo các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 5 Điều này. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Định mức xác định theo các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 6 Điều này. Đối với các đơn vị còn lại xác định như sau: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.	định tại Điều 12 Nghị định này và các hội quán chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quy định tại Điều 29 Nghị định này). 2. Tiêu chuẩn, định mức của vụ, cục loại 2 và tương đương được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. 3. Trường hợp cục loại 2 và tương đương có đơn vị trực thuộc (trung tâm, chi cục, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng): a) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục loại 2 và tương đương để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cục loại 2 và tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều này. b) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục loại 2 và tương đương để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cục loại 2 và tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được cộng vào định mức của cục loại 2 và tương đương và được xác định như sau: Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này; Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài lĩnh vực giáo dục và	<i>tổng số xe được bổ sung không quá 03 xe/ đơn vị.</i>” để phù hợp với yêu cầu về phương tiện đi lại của các Vụ, Cục được giao quản lý địa bàn.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này; Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc khác còn lại: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị; đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. 4. Đối với các vụ, cục loại 2 và tương đương quản lý theo địa bàn địa phương (gọi tắt là Vụ địa bàn) thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) được bổ sung 01 xe, nhưng tổng số xe được bổ sung không quá 03 xe/ đơn vị. 4. Đối với các vụ, cục loại 2 và tương đương quản lý theo địa bàn địa phương (gọi tắt là Vụ địa bàn) thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) được bổ sung 01 xe, nhưng tổng số xe được bổ sung không quá 03 xe/ đơn vị.	
13.	Khoản 4 Điều 9 ND 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 ND 153)	Điều 12. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc	
	4. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương mà bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc. a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cục, vụ và tổ chức tương đương (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này) được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. b) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố được xác định như sau: b1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.	1. Đối tượng áp dụng gồm: Các vụ, cục và tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc (bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam). 2. Tiêu chuẩn, định mức được xác định như sau: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các vụ, cục và tương đương (trừ các đơn vị tại khoản 3, khoản 4 Điều này) được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định này. 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố (đơn vị ngành dọc) được xác định như sau: a) Đơn vị ngành dọc có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.	Cơ bản như quy định hiện hành, chỉ liệt kê cụ thể tên các bộ, cơ quan trung ương để thuận lợi trong công tác tổ chức thực hiện.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. b4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. b5) Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên vào biên chế của đơn vị để xác định định mức của đơn vị theo số lượng biên chế quy định tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này. Ngoài số lượng xe xác định theo số lượng biên chế của đơn vị tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa bằng số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên. b6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết b1, b2, b3, b4 và b5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau: Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh, thành phố: Ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính, cứ 01 tỉnh, thành phố được giao quản lý tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; đồng thời, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa nếu địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 12.000 km² đến dưới 15.000 km² là 01 xe/đơn vị, từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² là 02 xe/đơn vị, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² là 03 xe/đơn vị, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² là 04 xe/đơn vị, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn	b) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị ngành dọc có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe xác định theo điểm c khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. đ) Trường hợp đơn vị ngành dọc có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì xác định tiêu chuẩn, định mức như sau: Không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc này vào biên chế của các đơn vị ngành dọc để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này; Cứ mỗi đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì được bổ sung 01 xe vào tiêu chuẩn, định mức của đơn vị ngành dọc. 4. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, đơn vị ngành dọc được bổ sung số lượng xe tối đa vào tiêu chuẩn, định mức như sau: a) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố: Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe. b) Đối với đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố: Cứ mỗi tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý (ngoài tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính) thì được bổ sung 01 xe/tỉnh,	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí.	thành phố; Trường hợp tổng diện tích tự nhiên của các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn được giao quản lý từ 12.000 km² đến dưới 15.000 km² được bổ sung 01 xe, từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² được bổ sung 02 xe, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² được bổ sung 03 xe, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² được bổ sung 04 xe, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe. Trường hợp đơn vị ngành dọc có địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp đơn vị ngành dọc có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe. c) Đơn vị ngành dọc đáp ứng tiêu chí nào quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.	
14.	Điều 10. Xe ô tô phục vụ công tác chung của tổng cục và tổ chức tương đương (sau đây gọi là tổng cục): Đã bãi bỏ ở Nghị định số 153.		
15.	Điều 11. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh – khoản 1 Điều 11 NĐ72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 NĐ 153)	Điều 13. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các Văn phòng cấp tỉnh	
	1. Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xác định như sau: a) Đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: a1) Tối đa 10 xe/Văn phòng. a2) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô	1. Đối tượng áp dụng: Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là Văn phòng cấp tỉnh). 2. Tiêu chuẩn, định mức của Văn phòng cấp tỉnh được xác định như sau: a) Đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Tối đa 10 xe/Văn phòng. b) Đối với các tỉnh, thành phố còn lại: Tối đa là 05 xe/Văn phòng; trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ	Cơ bản như quy định hiện hành; đồng thời bổ sung quy định: (i) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sáp nhập thì được bổ sung 01 xe/Văn phòng do các địa phương sau sáp nhập có số biên chế tăng lên nhiều, khoảng cách địa lý và khối lượng nhiệm vụ thực tế phát sinh sau sắp xếp lớn và tiếp thu ý kiến của Thành phố Cần Thơ và tỉnh Ninh Bình; (ii) Tăng định mức cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong trường hợp có biên chế từ 20 biên

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh tại tiết a1 điểm này và được xác định như sau: Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Định mức xác định theo khoản 4 Điều này. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Định mức xác định theo khoản 5 Điều này. Đối với các đơn vị còn lại xác định như sau: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. b) Đối với các tỉnh, thành phố còn lại: b1) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích dưới 5.000 km²: 05 xe/Văn phòng; b2) Ngoài số xe xác định theo quy định tại tiết b1 điểm này, trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích từ 5.000 km² đến dưới 8.000 km² được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng; từ 8.000 km² đến dưới 11.000 km² được bổ sung tối đa 02 xe/Văn phòng; từ 11.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng. b3) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh tại tiết b1, b2 và được xác định như tiết a2 điểm a khoản này. b4) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết b1, b2 và b3 điểm này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau: Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính	5.000 km² trở lên thì được bổ sung số lượng xe như sau: từ 5.000 km² đến dưới 8.000 km² được bổ sung 01 xe; từ 8.000 km² đến dưới 11.000 km² được bổ sung 02 xe; từ 11.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sáp nhập thì được bổ sung 01 xe/Văn phòng. c) Ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau: Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe; Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe; Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp Văn phòng đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiêu chí được đáp ứng. d) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc (trung tâm, chi cục, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng) mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh và được xác định như sau: Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này; Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này; Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc khác còn lại: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. 3. Trường hợp Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy phục vụ	chế trở lên để đảm bảo phương tiện hoạt động tương ứng với quy mô biên chế các ban và tiếp thu ý kiến của tỉnh Tuyên Quang.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng. Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp Văn phòng đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiêu chí. c) Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này. d) Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản này để phục vụ công tác.	chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản 2 Điều này và số xe quy định tại Điều 14 Nghị định này. 4. Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này để phục vụ công tác. Trường hợp tổng số biên chế được giao của các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh từ 20 người trở lên thì được bổ sung 01 xe vào tiêu chuẩn, định mức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	
16.	Khoản 2 Điều 11 ND72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 ND 153)	Điều 14. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy	
	2. Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy cấp xã) được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.	1. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị (gọi chung là đơn vị) thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (trừ Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh ủy, thành ủy và Đảng ủy cấp xã). 2. Tiêu chuẩn, định mức được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.	Cơ bản giữ như quy định hiện hành, chỉ thể hiện lại kỹ thuật soạn thảo. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. e) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau: e1) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. e2) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. e3) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. e4) Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiết e1, e2 và e3 điểm này.	d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. 3. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy được bổ sung số lượng xe tối đa như sau: a) Trường hợp tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung 01 xe/đơn vị; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung 01/đơn vị. b) Trường hợp tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã là các xã miền núi, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn thì được bổ sung 01 xe/đơn vị. c) Trường hợp tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung 01 xe/đơn vị. d) Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí được đáp ứng.	
17.	Khoản 3 Điều 11 ND72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 ND 153)	Điều 15: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; sở, ban, ngành, cơ quan hành chính đặc thù và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
	3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) (không phải là các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này). a) Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt	1. Đối tượng áp dụng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không bao gồm Liên đoàn Lao động cấp tỉnh), Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sở, ban, ngành, cơ quan hành chính đặc thù và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (không phải là các đơn vị quy định tại Điều 13 và Điều 17 Nghị định này) (gọi chung là đơn vị cấp tỉnh).	- Cơ bản giữ như quy định hiện hành, đồng thời, quy định cụ thể định mức của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng xếp cùng nhóm với sở, ngành để thống nhất thực hiện. Do Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh có trụ sở đặt tại cơ quan Ủy ban nhân dân tỉnh, có tài khoản riêng, con dấu riêng, được cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc theo quy

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) a1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. a2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. a3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. a4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. a5) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe. a6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau: Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị. Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí. b) Trường hợp sở, ban, ngành và tương đương cấp	2. Tiêu chuẩn, định mức của đơn vị cấp tỉnh được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì ngoài số xe được xác định theo quy định tại điểm d khoản này, cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe. 3. Ngoài số xe được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa như quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này. 4. Trường hợp đơn vị cấp tỉnh có các đơn vị trực thuộc (trung tâm, chi cục, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng): a) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều này. b) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định này và được cộng vào định mức của đơn vị cấp tỉnh.	định - Quy định số 260-QĐ/TW ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư và dự toán do UBND tỉnh phân bổ⁶. - Bổ sung “cơ quan hành chính đặc thù” để phù hợp với mô hình các cơ quan mới (Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại TP HCM và Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại TP Đà Nẵng) - Sửa “tương đương cấp tỉnh” thành “tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” do Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì không có “tương đương cấp tỉnh”.

⁶ Tại điểm 2 Công văn số 4802/BTC-VI ngày 14/4/2025 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn sắp xếp tổ chức đơn vị dự toán ngân sách nhà nước đối với các Đảng ủy mới thành lập thì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, sử dụng mã Chương 405 - Văn phòng Ủy ban nhân dân.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) có các đơn vị (Chi cục, trung tâm và các cơ quan, đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh): b1) Đối với đơn vị có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm a khoản này. b2) Đối với đơn vị có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm a khoản này; số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và được xác định như tiết a2 điểm a khoản 1 Điều này.		
18.	Điều 11a. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã	Điều 16. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã	
	Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã.	1. Đối tượng áp dụng: Đảng ủy cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã. 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã. 3. Ngoài số xe quy định tại khoản 2 Điều này, trường hợp cấp xã có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (không bao gồm đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định theo quy định tại khoản 3	- Bổ sung đối tượng áp dụng để bao quát các đối tượng tại cấp xã. - Bổ sung đối với trường hợp cấp xã có đơn vị trực thuộc (không bao gồm đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên để đảm bảo tương đồng với các đơn vị trực thuộc Văn phòng cấp tỉnh, sở, ban, ngành và tổ chức hành chính.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Điều 17 Nghị định này và được cộng vào định mức sử dụng xe ô tô của cấp xã.	
19.		Mục 3. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Điều 17. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố	
	<i>Khoản 5, khoản 6 Điều 9 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 153)</i> 5. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị. g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. 6. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.	1. Đối tượng áp dụng: Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập là các đơn vị trực thuộc của Cục loại 1 quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này, của Cục loại 2 quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này, của Văn phòng cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13, của đơn vị cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này) (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh). 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 100 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị. 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.	Cơ bản kế thừa quy định hiện hành; đồng thời: - Liệt kê cụ thể đơn vị sự nghiệp của Đảng. Lý do: để phù hợp với Nghị định số 52/2026/NĐ-CP và tiếp thu ý kiến tỉnh Quảng Ninh. - Bổ sung quy định: Đối với đơn vị sự nghiệp công lập (kể cả đơn vị trực thuộc) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe ô tô ngoài số lượng xe quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Lý do: Các đơn vị sự nghiệp công lập này thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ công và tự chủ về nguồn kinh phí mua sắm; do đó cần có quy định để linh hoạt, chủ động về phương tiện để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị. g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm e khoản 2 Điều này. <i>Khoản 4, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 153)</i> 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị. g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài	b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị. 4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh tại khoản 2 và khoản 3 Điều này có các đơn vị trực thuộc (trung tâm, viện và các đơn vị khác có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng) thì việc xác định tiêu chuẩn, định mức như sau: a) Đối với các đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. b) Đối với đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của đơn vị sự nghiệp cấp bộ/cấp tỉnh để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; số xe ô tô của đơn vị trực thuộc được xác định như sau: Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này; Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Đối với đơn vị sự nghiệp (kể cả đơn vị trực thuộc quy định tại khoản 4 Điều này) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định bổ sung số lượng xe	

TT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau: a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị. c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị. d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị. đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị. e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị. g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.	ô tô ngoài số lượng xe quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị mình, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời, báo cáo số lượng xe của đơn vị (bao gồm số lượng xe quyết định bổ sung) với cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.	
20.	Điều 13. Xe ô tô phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước	Bỏ Điều này	Do tại dự thảo không còn quy định TCĐM đối với xe phục vụ công tác chung của DNNN
21.	Điều 14. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án	Mục 4 TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN Điều 18. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án	
21.1	1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước: a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác	1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước: a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung	Bỏ cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” do tại dự thảo đã bỏ quy định TCĐM đối với xe phục vụ công tác chung của DNNN

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chung được áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc <u>doanh nghiệp nhà nước</u>) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền. b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.	được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cơ quan, người có thẩm quyền. b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.	
21.2	2. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án: a) Xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại) là xe ô tô được trang bị để phục vụ hoạt động của từng dự án cụ thể trong thời gian thực hiện dự án, không tính vào định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều này. b) Căn cứ vào quy mô, địa bàn hoạt động, đặc điểm và nhu cầu của từng dự án, <i>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</i> c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm theo quy định sau: Chỉ trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được trang bị xe ô tô để phục vụ hoạt động	2. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án: a) Xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại) là xe ô tô được trang bị để phục vụ hoạt động của từng dự án cụ thể trong thời gian thực hiện dự án, không tính vào định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều này. b) Căn cứ vào quy mô, địa bàn hoạt động, đặc điểm và nhu cầu của từng dự án, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm theo quy định sau: Chỉ trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được trang bị xe ô tô để phục vụ hoạt động của dự án. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sắp xếp, bố trí trong số xe hiện có để phục vụ hoạt động lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự	Theo quy định tại K20 Đ4 Luật Đầu tư công (được sửa đổi tại điểm d khoản 2 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15): “nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư là hoạt động để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án”; do đó, rõ hơn việc trang bị xe chỉ áp dụng dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	của dự án. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sắp xếp, bố trí trong số xe hiện có để phục vụ hoạt động <u>chuẩn bị đầu tư</u>. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong tổng số xe hiện có để phục vụ hoạt động <u>chuẩn bị đầu tư</u> thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này. Không thực hiện trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP), trừ trường hợp các dự án lớn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Ban Quản lý dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Không sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại để mua sắm xe ô tô, trừ trường hợp việc mua xe ô tô đã quy định cụ thể tại hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2018. Đối với dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mà hiệp định hoặc văn kiện dự án đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có quy định việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thì việc mua sắm xe ô tô thực hiện theo quy định của hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. <i>Việc đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động dự án thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và Điều ước quốc tế.</i> Giá mua xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án được áp dụng theo giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này, trừ trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại đã ký kết có quy định khác. Giá xe ô tô làm căn cứ giao, điều chuyển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định này.	án. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong tổng số xe hiện có để phục vụ hoạt động lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này. Không thực hiện trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP), trừ trường hợp các dự án lớn được cơ quan, người có thẩm quyền thành lập Ban Quản lý dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Không sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại để mua sắm xe ô tô, trừ trường hợp việc mua xe ô tô đã quy định cụ thể tại hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2018. Đối với dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mà hiệp định hoặc văn kiện dự án đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có quy định việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thì việc mua sắm xe ô tô thực hiện theo quy định của hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động dự án được thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và Điều ước quốc tế. Mức giá xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án được áp dụng theo mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 19 Nghị định này, trừ trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại đã ký kết có quy định khác. Mức giá xe ô tô làm căn cứ giao, điều chuyển được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 3 Nghị định này. Việc điều chỉnh mức giá khi giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định này.	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
22.3		3. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động theo chương trình, kế hoạch tổng thể liên quan công tác phân giới, cắm mốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ quy mô, địa bàn hoạt động, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động phân giới, cắm mốc theo chương trình, kế hoạch tổng thể liên quan công tác phân giới, cắm mốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Bổ sung quy định để phù hợp với thực tế thực hiện các nhiệm vụ theo ý kiến của Bộ Ngoại giao
22.	Điều 15. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung.	Mục 5: GIÁ MUA XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG Điều 19. Mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung	
	1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. <u>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</u> căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. 2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội;	1. Mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi, xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi thì mức giá có thể cao hơn nhưng không quá 1.300 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi), không quá 1.600 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại các Điều 9, 11, 12 và 13 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố (gồm: phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; phục vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý, vận chuyển hồ sơ, tài liệu mật và các nhiệm vụ có yêu cầu cơ động, bảo mật cao của các cơ quan Đảng ở Trung ương; phục vụ công tác phòng chống bão lũ,	(1) Kết cấu lại tại khoản 1 Điều 23 dự thảo phù hợp với sửa đổi tại dự thảo.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau: a) Mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe. b) Đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe có mức giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. Số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với các trường hợp còn lại). Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP thì thực hiện theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không phải báo cáo lại cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại điểm này; trừ trường hợp cần điều chỉnh số lượng xe ô tô đã được phê	thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau: a) Mỗi cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe có mức giá tối đa là 4.800 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe; riêng các đô thị loại đặc biệt được trang bị 02 xe có mức giá tối đa là 4.800 triệu đồng/xe và 02 xe có mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe. Trường hợp cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương có từ 15.000 đến 20.000 biên chế thì được trang bị thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe; trên 20.000 biên chế thì được trang bị thêm 02 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 9.000 km² thì được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.500 triệu đồng/xe. Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định số lượng xe ô tô công suất lớn quy định tại điểm này cho từng Văn phòng cấp tỉnh. b) Đối với cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe có mức giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị với	(2) Về giá xe: - Về giá xe công suất lớn (loại 2.800 triệu đồng/xe): Điều chỉnh mức giá từ 2.800 triệu đồng/xe lên 3.500 triệu đồng/xe do qua rà soát báo cáo Tổng kiểm kê thì loại xe mà các Bộ, ngành, địa phương trang bị với mức giá 2.800 triệu đồng/xe theo Nghị định số 72 phổ biến là xe Toyota Land Cruiser Prado. Theo kết quả khảo sát thì mức giá xe này trên thị trường hiện nay là 3.480 triệu đồng/xe. Do đó, trình Bộ tiếp thu ý kiến của VPTWĐ, Thành ủy Đà Nẵng điều chỉnh mức giá xe 2.800 triệu đồng/xe lên 3.500 triệu đồng/xe.⁷ - Về giá xe công suất lớn (loại 4.500 triệu đồng/xe): Điều chỉnh mức giá từ 4.500 triệu đồng/xe lên 4.800 triệu đồng/xe do qua rà soát báo cáo Tổng kiểm kê thì loại xe mà các Bộ, ngành, địa phương trang bị với mức giá 4.500 triệu đồng/xe theo Nghị định số 72 phổ biến là xe Toyota Land Cruiser LC300. Theo kết quả khảo sát thì mức giá xe này trên thị trường hiện nay là 4.580 triệu đồng/xe. Do đó, trình Bộ tiếp thu ý kiến của Thành ủy Đà Nẵng, điều chỉnh mức giá xe 4.500 triệu đồng/xe lên 4.800 triệu đồng/xe.⁸ (3) Về số lượng xe: (i) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Bổ sung quy định được tăng thêm số lượng xe ô tô công tác chung công suất lớn (loại 2.800 trđ/xe nay tăng lên 3.200trđ/xe) theo số lượng biên chế; cụ thể: Bộ, CQTW có từ 15.000 đến 20.000 biên chế sẽ được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.200 trđ/xe; trên 20.000 biên chế sẽ được tăng thêm 02 xe với

⁷ Tại Công văn số 3571/CV/VPTW ngày 08/7/2026 của VPTW Đảng, số 6095/UBND-KT ngày 29/6/2026 của TP Đà Nẵng.

⁸ Tại Công văn số 6095/UBND-KT ngày 29/6/2026 của TP Đà Nẵng.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	duyet.	mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. Thẩm quyền quyết định số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này như sau: Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (đối với các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng), Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (đối với các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng) (quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư); Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước (quyết định đối với Văn phòng Chủ tịch); Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (quyết định đối với Văn phòng Chính phủ); Tổng Thư ký Quốc hội- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội (quyết định đối với Văn phòng Quốc hội); Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (quyết định đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (quyết định đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương); Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (quyết định đối với tỉnh ủy, thành ủy). Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thì thực hiện theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không phải báo cáo lại cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại điểm này; trừ trường hợp cần điều chỉnh số lượng xe ô tô đã được phê duyệt.	mức giá tối đa là 3.200 trđ/xe (Lý do: Sau khi các bộ, ngành thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì quy mô tổ chức bộ máy đã có sự thay đổi; đồng thời, các bộ, ngành chuyển sang tập trung vào công tác đơn đốc, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao; theo đó, tiêu chí biên chế của các Bộ, ngành sẽ phản ánh khối lượng công việc phải thực hiện). Theo dự kiến này thì sẽ tăng khoảng 08 xe⁹ so với hiện nay. (ii) Đối với TP Hà Nội và TPHCM: Điều chỉnh số lượng xe ô tô có công suất lớn (<i>loại 4.500 triệu đồng/xe, nay dự kiến điều chỉnh lên 4.600 triệu đồng/xe</i>) của từ 01 xe thành 02 xe do TP. HCM, Hà Nội là đô thị loại đặc biệt và theo đề xuất của thành phố Hà Nội¹⁰. Theo dự kiến này sẽ tăng khoảng 02 xe so với hiện hành. (iii) Đối với các địa phương còn lại: Bổ sung quy định được tăng thêm số lượng xe ô tô công tác chung công suất lớn (loại 3.200 trđ/xe) theo diện tích tự nhiên; cụ thể: Địa phương có diện tích tự nhiên trên 9.000km² sẽ được tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 3.200 trđ/xe. (Lý do: Đảm bảo thống nhất với nguyên tắc, tiêu chí để bổ sung số lượng xe phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 153¹¹). Theo dự kiến này thì sẽ tăng khoảng 16 xe so với hiện nay.
23.	Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ	Mục 6 PHÂN BỐ (ĐIỀU HÒA) SỐ LƯỢNG, QUYẾT	

⁹ - Bộ Tài chính, Bộ GDĐT: Tăng 02 xe/Bộ

- Bộ Y tế, Bộ NN&MT, Viện KSNĐTC, Tòa án nhân dân tối cao: Tăng 01 xe/CQ

¹⁰ Tại Công văn số: 3047/UBND-KT ngày 26/6/2026 của UBND TP Hà Nội.

¹¹ Nghị định số 72 lấy tiêu chí tỉnh, thành phố có diện tích từ 5.000km² là các tỉnh có diện tích tự nhiên lớn; theo đó có 29/63 tỉnh, chiếm khoảng 46%. Sau khi sáp nhập các tỉnh, thành phố thì có (16/34 tỉnh), chiếm 47% tỉnh có diện tích trên 9.000km²; do đó, để tương đồng về tỷ lệ các tỉnh có diện tích tự nhiên lớn với Nghị định số 72 thì Nghị định số 153 quy định địa phương có diện tích rộng là trên 9.000 km².

TT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153)	ĐỊNH CHUNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG	
	6. Phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị: a) Không thực hiện phân bổ số lượng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 5 Điều này. b) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ số lượng xe ô tô cụ thể như sau: b1) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương. b2) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. b3) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cục, vụ và tổ chức tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương. b4) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (không bao gồm Đảng ủy cấp xã). b5) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng Văn phòng cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy); từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, từng tổ chức chính trị - xã hội; từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; từng xã (bao gồm Đảng ủy cấp xã).	Điều 20. Các trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, xe ô tô phục vụ công tác chung 1. Việc phân bổ (điều hòa) số lượng, xe ô tô phục vụ công tác chung không áp dụng đối với: a) Cơ quan, đơn vị được trang bị xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này. b) Đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 17 Nghị định này là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. d) Xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này. 2. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tại Nghị định này (bao gồm cả số lượng xe bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này). 3. Chung loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này do cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định. 4. Số lượng, chủng loại xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được ổn định 05 năm bắt đầu từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc. Việc xử lý xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Điều 21. Phạm vi và thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chung loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương	(1) Các trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung: Ngoài các cơ quan, đơn vị tại khoản 5 Điều 8 Nghị định như quy định hiện hành, bổ sung các đối tượng không áp dụng việc phân bổ (điều hòa) số lượng xe; gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc bộ, cơ quan trung ương, tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (kể cả đơn vị trực thuộc); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước. (Lý do: (i) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được bổ sung xe cao hơn so với quy định do tính chất đơn vị và nguồn kinh phí mua xe do đơn vị chủ động; do đó, không thực hiện phân bổ để hạn chế việc điều hòa xe của các đơn vị này sang các cơ quan, đơn vị khác có sử dụng ngân sách nhà nước để mua xe; (ii) Các đơn vị còn lại: Số lượng đơn vị trực thuộc ít, phạm vi quản lý hẹp, không có đơn vị có nhiệm vụ khác biệt do đó, không cần thiết phải thực hiện việc phân bổ (điều hòa)). (2) Về phạm vi và thẩm quyền quyết định phân bổ: Cơ bản giữ như hiện hành, chỉ tách phạm vi, thẩm quyền phân bổ theo khối trung ương và địa phương. Đồng thời, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chung loại xe để có cơ sở lập dự toán, thực hiện mua sắm. Việc quyết định chung loại từng thời điểm mua sắm sẽ phát sinh nhiều công việc sự vụ, “xin-cho”. (3) Nguyên tắc phân bổ: Giữ như quy định hiện hành; chỉ bổ sung quy định về việc ổn định số lượng xe đã được phân bổ (điều hòa), trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b6) Việc phân bổ theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng cơ quan, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này) nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị này không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định tại Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ số lượng xe của các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này). Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm này quyết định phân bổ số lượng xe cho từng đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện phân bổ theo quy định tại điểm này.	1. Đối tượng áp dụng: Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (gọi chung là Bộ, cơ quan trung ương). 2. Phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô (không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này): a) Phân bổ (điều hòa) giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này. b) Phân bổ trong phạm vi cục loại 1 và tương đương. 3. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô: a) Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Người đứng đầu cục loại 1 và tương đương quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. 4. Thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô: Cơ quan, người có thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều này: a) Quyết định chủng loại xe ô tô của các đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. b) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô của cục loại 1 và tương đương quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Điều 22. Phạm vi và thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương 1. Phạm vi phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô (không bao gồm đối tượng tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này): a) Phân bổ (điều hòa) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy (không bao gồm: Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đảng ủy cấp xã). b) Phân bổ (điều hòa) giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. - Sửa đổi quy định về việc phân bổ (điều hòa) đối với trường hợp có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng và cấp xã; theo đó quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc, Ban thường vụ Đảng ủy xã quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe cho các đơn vị trực thuộc, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, đảm bảo phù hợp với số lượng và cơ cấu chủng loại xe mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp xã đã được phân bổ (điều hòa). (Lý do: (i) Kế thừa quy định về ổn định định mức như quy định tại Nghị định số 72; bổ sung trường hợp cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại số lượng xe hoặc chủng loại xe đã được phân bổ trong chu kỳ ổn định để phù hợp với thực tế thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; (ii) Giao thẩm quyền cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc quyết định phân bổ (điều hòa) cho các đơn vị trực thuộc để nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của đơn vị, phù hợp yêu cầu thực hiện nhiệm vụ).

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		(bao gồm Đảng ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã. 2. Thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô: a) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. 3. Thẩm quyền quyết định chủng loại xe ô tô: Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này quyết định chủng loại xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Điều 23. Nguyên tắc phân bổ (điều hòa) số lượng, quyết định chủng loại xe ô tô 1. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa) quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Số lượng xe ô tô được phân bổ (điều hòa) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 18 Nghị định này của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó nhưng phải bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ (điều hòa) không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 18 Nghị định này của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phân bổ (điều hòa). Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 21, khoản 3 Điều 22 Nghị định này quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		2. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ (điều hòa) xe theo quy định tại khoản 1 Điều này mà có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng và trường hợp cấp xã thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc, Ban thường vụ Đảng ủy xã quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe cho các đơn vị trực thuộc, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, đảm bảo phù hợp với số lượng và cơ cấu chủng loại xe mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) tại khoản 1 Điều này. 3. Số lượng, chủng loại xe sau khi được phân bổ tại khoản 1, khoản 2 Điều này là tiêu chuẩn, định mức về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả đơn vị trực thuộc); được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm, kể từ thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này có văn bản quyết định phân bổ (điều hòa), trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. 4. Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) thực hiện công khai Quyết định phân bổ số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên Cổng thông tin điện tử của mình và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).	
	Điều 14a. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung	Điều 24. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung	
	1. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung a) Phương thức quản lý tập trung: Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của Văn	1. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung: a) Phương thức quản lý tập trung: Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý tập trung xe ô tô để phục vụ cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng tổng biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi	- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng xe: Sửa đổi theo hướng áp dụng phương thức quản lý trực tiếp. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý xe ô tô của các đơn vị trực thuộc. (Lý do: Để phù hợp với tính chất đặc

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	phòng Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị (được xác định theo điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định này) để thực hiện việc quản lý, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung được quản lý theo phương thức tập trung tại điểm này. b) Phương thức quản lý trực tiếp: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp. c) Kết hợp các phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. 2. Thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung: a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương. b) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. d) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp	quản lý. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị (được xác định theo Điều 23 Nghị định này) để thực hiện việc quản lý, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung được quản lý theo phương thức tập trung tại điểm này b) Phương thức quản lý trực tiếp: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý xe ô tô của các đơn vị trực thuộc cho phù hợp. c) Kết hợp phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. 2. Áp dụng phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung: a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trường hợp không thực hiện phân bổ (điều hòa) quy định tại Điều 20 Nghị định này thì áp dụng phương thức quản lý trực tiếp. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý xe ô tô của các đơn vị trực thuộc cho phù hợp. b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này thì phương thức quản lý xe ô tô do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định này quyết định; riêng đối với cục loại 1 và tương đương thì người đứng đầu cục loại 1 và tương đương quyết định phương thức quản lý xe ô tô tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc (nếu có).	thù trong việc sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị này). - Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện phân bổ (điều hòa) số lượng xe thì: (i) Đối với Cục loại 1 thì Cục trưởng Cục loại 1 và tương đương quyết định phương thức quản lý xe ô tô tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc (nếu có). (Lý do: Để tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của Cục trưởng Cục loại 1). (ii) Đối với các đơn vị của bộ, cơ quan trung ương, địa phương (trừ Cục loại 1 và tương đương): Do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) quy định quyết định. (Lý do: Thống nhất thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe).

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”.		
24.	Mục 3 XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG Điều 16. Danh mục xe ô tô chuyên dùng	Chương IV TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỤC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG Điều 25. Danh mục xe ô tô chuyên dùng	
	1. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm: a) Xe ô tô cứu thương: Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định. Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe). b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế gồm: Xe chụp X-quang lưu động. Xe khám, chữa mắt lưu động. Xe xét nghiệm lưu động. Xe phẫu thuật lưu động. Xe lấy máu. Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm. Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. c) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế, bao gồm: Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao. Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm,	1. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm: a) Xe ô tô cứu thương: Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định. Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe). b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế gồm: Xe chụp X-quang lưu động. Xe khám, chữa mắt lưu động. Xe xét nghiệm lưu động. Xe phẫu thuật lưu động. Xe lấy máu. Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm. Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. <i>Xe xét nghiệm lưu động về lĩnh vực an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định.</i> c) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế, bao gồm: Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu	- Sửa đổi quy định của xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng theo hướng bỏ “xe thanh tra giao thông” tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 72 (Lý do: Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 quy định: Bãi bỏ cụm từ “Thanh tra,” tại khoản 29 Điều 2¹²; bãi bỏ khoản 2 Điều 3¹³ của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng; do đó, hiện nay không còn thanh tra chuyên ngành giao thông (nay là xây dựng)). - Bổ sung các loại xe: Xe xét nghiệm lưu động về lĩnh vực an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định; xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng; xe tuần kiểm đường bộ; xe kiểm định lưu động; xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa. (Lý do: Tiếp thu ý kiến của các Bộ, địa phương: - Bộ Y tế có ý kiến: (i) Lĩnh vực An toàn thực phẩm trước đây do 03 Bộ quản lý (Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường), hiện nay Chính phủ đã giao cho Bộ Y tế chủ trì, quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm; (ii) Sửa lại mục xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng thành Xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Vì theo Luật Khám

¹² Khoản 29 Điều 2 Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định: “29. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân; thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.”

¹³ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 3. Cơ cấu tổ chức

2. Thanh tra.”

TT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế. Xe vận chuyển người bệnh. Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi. Xe chở máy phun và hóa chất lưu động. Xe phục vụ lấy, vận chuyển mô, tạng để phục vụ công tác cấy ghép mô, tạng cho người. Xe vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần. Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm. Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan. Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng. Xe chuyên giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác nghiên cứu, đánh giá kết quả thử nghiệm lâm sàng (theo dõi các phản ứng sau tiêm) và xử lý sự cố tại các điểm tiêm. d) Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế. 2. Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cân cầu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...).	thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế. Xe vận chuyển người bệnh. Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi. Xe chở máy phun và hóa chất lưu động. Xe phục vụ lấy, vận chuyển mô, tạng để phục vụ công tác cấy ghép mô, tạng cho người. Xe vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần. Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm. Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan. Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. Xe hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Xe chuyên giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng. Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác nghiên cứu, đánh giá kết quả thử nghiệm lâm sàng (theo dõi các phản ứng sau tiêm) và xử lý sự cố tại các điểm tiêm. đ) Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế. 2. Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cân cầu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải, xe chở huấn luyện viên và chó nghiệp vụ...).	chữa bệnh hiện nay đã sửa chỉ đạo tuyến thành hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật. - Tỉnh Nghệ An có ý kiến: Đề nghị bổ sung “xe tuần kiểm đường bộ” vào danh mục xe ô tô chuyên dùng được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật. Lý do: Tại khoản 1 Điều 20 và Phụ lục VIII Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) có quy định về xe phục vụ công tác tuần kiểm đường bộ và có dán chữ “TUẦN KIỂM ĐƯỜNG BỘ”). - Bộ Khoa học và Công nghệ: Đề nghị xem xét bổ sung xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: xe chở phòng thử nghiệm di động/lưu động; xe phục vụ kiểm định, hiệu chuẩn lưu động, xe phòng thử nghiệm lưu động chuyên thực hiện thử nghiệm lưu động tại hiện trường, phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp do thực tế các đơn vị sự nghiệp công lập có sử dụng các xe chuyên chở phòng thí nghiệm di động phục vụ lấy mẫu, thử nghiệm mẫu,...). Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: “Điều 13. Hoạt động kiểm tra, giám sát 4. Điều kiện bảo đảm cho công tác kiểm tra, giám sát bao gồm: ...b) Nghiên cứu, chế tạo, đầu tư các thiết bị chuyên dùng như: xe kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm; phương tiện, thiết bị đo kiểm tra nhanh và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khác, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát.”) - Chi tiết danh mục xe ô tô chuyên dùng đối với xe chở huấn luyện viên và chó nghiệp vụ, xe kiểm định hải quan (Lý do: 02 loại xe này thuộc nhóm phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan quy định tại Nghị định số 02/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	bị quan trắc môi trường,...). 3a. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ và hạt nhân, gồm: a) Xe ô tô chở nguồn phóng xạ; xe chở rác thải phóng xạ (đã qua sử dụng). Xe ô tô chở nguồn (rác thải) phóng xạ có kết cấu đặc biệt để đảm bảo an toàn, an ninh phóng xạ trong quá trình hoạt động. b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực ứng phó sự cố hạt nhân: Xe chở các thiết bị chuyên dùng (thiết bị quan trắc phóng xạ, thiết bị tẩy, khử xạ...); xe chở các thiết bị chiếu xạ. c) Xe chuyên dùng có các yêu cầu đặc thù riêng hoạt động trong các cơ sở hạt nhân (cơ sở bức xạ). 4. Xe ô tô tải. 5. Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.	4. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ và hạt nhân, gồm: a) Xe ô tô chở nguồn phóng xạ; xe chở rác thải phóng xạ (đã qua sử dụng). Xe ô tô chở nguồn (rác thải) phóng xạ có kết cấu đặc biệt để đảm bảo an toàn, an ninh phóng xạ trong quá trình hoạt động. b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực ứng phó sự cố hạt nhân: Xe chở các thiết bị chuyên dùng (thiết bị quan trắc phóng xạ, thiết bị tẩy, khử xạ...); xe chở các thiết bị chiếu xạ. c) Xe chuyên dùng có các yêu cầu đặc thù riêng hoạt động trong các cơ sở hạt nhân (cơ sở bức xạ). 5. Xe kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa. 6. Xe ô tô tải. 7. Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.	
25.	Điều 17. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.	Điều 26. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng	
25.1	1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế: a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này. b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này. c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô	1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này: a) Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế. b) Căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này. c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị và báo cáo với cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định. d) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có	Bổ sung quy định áp dụng trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ. Lý do: Để các Bộ, ngành, địa phương có cơ sở thực hiện.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tô chuyên dùng tại đơn vị. d) Đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng có yêu cầu phải sử dụng xe ô tô cứu thương, thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cứu thương được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.	thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này rà soát để ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế. đ) Đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng có yêu cầu phải sử dụng xe ô tô cứu thương để thực hiện nhiệm vụ được giao thì thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cứu thương được thực hiện theo quy định tại điểm b, c và d khoản này.	
25.2	2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định này: a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này. b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này. c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.	2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 25 Nghị định này: a) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm b khoản này. b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị mình và báo cáo với cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định.	Dẫn chiếu thẩm quyền cho gọn
25.3	3. Giá mua xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người	3. Mức giá xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có	Để thống nhất, thuận lợi trong áp dụng và theo ý kiến của Thành phố Đà Nẵng¹⁴.

¹⁴ Tại Công văn số 1472/UBND-STC ngày 06/3/2026: Quy định rõ có bắt buộc phải quy định mức giá mua xe ô tô chuyên dùng cùng với quy định về TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng hay không.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này ban hành được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng.	thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định và được xác định như sau: a) Trường hợp xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi mức giá (số tiền) trong quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng. b) Trường hợp không xác định được cụ thể mức giá (số tiền) thì ghi: “Mức giá xe ô tô chuyên dùng phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng” trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định.	
25.4	4. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.	4. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trên Cổng thông tin điện tử của mình và của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).	Bổ sung cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm công khai
26.	Mục 4. XE Ô TÔ PHỤC VỤ LỄ TÂN NHÀ NƯỚC Điều 18. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Chương V. XE Ô TÔ PHỤC VỤ LỄ TÂN NHÀ NƯỚC Điều 27. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cơ bản giữ như quy định hiện hành, chỉ thể hiện lại kỹ thuật soạn thảo (Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc)
27.	Điều 19. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Điều 28. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Giữ như quy định hiện hành. Lý do: Quy định vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc
28.	Mục 5. XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CỦA CÁC HỘI QUÂN CHÚNG Điều 20. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quân chủng (Đã bãi bỏ ở Nghị định số 153.)	Chương VI. XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CỦA CÁC HỘI QUÂN CHÚNG DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ Điều 29. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quân chủng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ	
	<u>Điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153)</u> Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá 1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm:	1. Các hội quân chủng tự đảm bảo xe ô tô phục vụ hoạt động bằng kinh phí của hội theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức. 2. Các hội quân chủng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô phục vụ hoạt động theo quy định tại khoản này nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc	Cơ bản giữ như quy định hiện hành; đồng thời, sửa đổi nhóm chức danh, chức vụ được hỗ trợ xe chức danh theo danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW); theo đó, các chức danh của các hội quân chủng do Đảng, Nhà nước giao

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm: ...;Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương được xem xét, hỗ trợ xe chức danh tại điểm này nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về Mặt trận tổ quốc Việt Nam, về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan. <u>Khoản 10 Điều 3 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 153)</u> 10. Các hội quần chúng tự đảm bảo xe ô tô phục vụ hoạt động bằng kinh phí của hội theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức. Việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 7 Điều 9, khoản 6 Điều 11 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức. Không bán, chuyển nhượng, thanh lý hoặc các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này khi chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này. <u>Khoản 7 Điều 9 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 153)</u> 7. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô chức danh của Chủ tịch các hội quần chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này mà hội thuộc trường hợp được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật về	bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan như sau: a) Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương tại Nhóm III Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Chức danh lãnh đạo của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục chức danh, chức vụ ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. b) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô quy định tại điểm a khoản này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này thì tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ như sau: Hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe. Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này. Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được	nhiệm vụ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô chức danh với tiêu chuẩn, định mức như các chức danh trong hệ thống chính trị có cùng nhóm, bậc. (Lý do: Thống nhất nguyên tắc chức danh, chức vụ cùng bậc, cùng nhóm theo Quy định số 368-QĐ/TW (được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW) thì có cùng tiêu chuẩn, định mức).

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam, về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan, tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội được xem xét, hỗ trợ: a) Kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe. Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này. Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. b) Đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao. <i>- Khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 153)</i> 6. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định này	thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ.	
29	Điều 21. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.	Chương VII: KHOÁN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ THUÊ DỊCH VỤ XE Ô TÔ Điều 30. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô	
29.1	1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô: b) Chức danh thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.	1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô: a) Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.	Cơ bản giữ như hiện hành, đồng thời, bổ sung số km từng lần đi công tác là tổng các chặng đường đi

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	c) Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này. 2. Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô: a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại. b) Đi công tác. 3. Hình thức và mức khoán kinh phí: a) Hình thức khoán theo km thực tế Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán. Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán. b) Hình thức khoán gọn Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho các chức danh. Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán. 4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường. 5. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều	b) Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này. 2. Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô: a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác: Áp dụng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. b) Đi công tác: Áp dụng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. 3. Hình thức và mức khoán kinh phí: a) Hình thức khoán theo km thực tế: Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán. Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở <i>tổng số km thực tế của các chặng đường (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng lần đi công tác</i> và đơn giá khoán. b) Hình thức khoán gọn: Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho các chức danh. Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn giá khoán. 4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển (đồng/km) của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường. 5. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương	chuyến bằng xe ô tô để phù hợp với thực tế từng lần công tác (như: có chặng đi máy bay hoặc phương tiện khác).

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	này trong trường hợp đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.	hàng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong trường hợp đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.	
29.2	6. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, <u>doanh nghiệp nhà nước</u> áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.	6. Trường hợp tất cả các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không thực hiện trang bị xe ô tô. Trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.	Bổ cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” để phù hợp với nội dung sửa đổi về đối tượng áp dụng.
29.3	7. Căn cứ quy định tại Nghị định này và điều kiện thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, <i>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định:</i> a) Việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này; riêng các chức danh thuộc cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều này. b) Hình thức và công đoạn thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh. c) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ.	7. Căn cứ quy định tại Nghị định này và điều kiện thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định: a) Việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này. b) Hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng. <i>Trong đó, các đối tượng thực hiện khoán tại đơn vị mới thành lập hoặc mới sáp nhập, hợp nhất áp dụng khoán theo kn thực tế quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 8, điểm a khoản 9 Điều này.</i> c) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ. <i>Riêng đối với các đối tượng áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã: Ban Thường vụ Đảng ủy xã quyết định việc áp dụng, đối tượng, hình thức và công đoạn thực hiện, đơn giá và mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Quy chế làm việc của Đảng ủy xã.</i>	- Bổ sung quy định phù hợp với các đối tượng thực hiện khoán tại đơn vị mới thành lập hoặc mới sáp nhập, hợp nhất. - Quy định để phù hợp với thực tế các xã có nhiều cơ quan sử dụng xe PVCTC.
29.4	8. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định đối tượng áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP.	Bỏ khoản này	Do đã viết chung lên thẩm quyền đối tượng lên khoản 1 và thẩm quyền đã quy định khoản 7 Điều này nên bỏ quy định tại khoản này
29.5	9. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược	8. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại:	- Điểm a khoản 9, điểm a 10 Điều 21 NĐ72 (nay là điểm a khoản 8, khoản 9 Điều 30 dự thảo): Giữ như

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	lại: a) Hình thức khoán theo km thực tế $\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)} \times \text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng (ngày)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$ Trong đó: Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán; Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh). b) Hình thức khoán gọn Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. <u>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định</u> áp dụng mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, khoảng cách từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của các chức danh nhận khoán. Mức khoán được xác định như sau: $\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)} \times \text{Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$ Trong đó: Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được	a) Hình thức khoán theo km thực tế: $\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)} \times \text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng (ngày)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$ Trong đó: Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán; Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh). b) Hình thức khoán gọn: Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, khoảng cách từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của các chức danh nhận khoán, được xác định như sau: $\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)} \times \text{Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$ Trong đó: Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán (trường hợp áp dụng đối với từng	hiện hành do không gặp vướng mắc - Điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 21 NĐ72: Do thẩm quyền đã được quy định tại khoản 7 Điều 30 dự thảo nên bỏ thẩm quyền ở điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 21 NĐ 72 (nay là điểm b khoản 8, điểm b khoản 9 Điều 21 dự thảo) tránh trùng lặp.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh). Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày. 10. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (ví dụ: khoán khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; khoán đi công tác trên địa bàn của huyện,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau: a) Hình thức khoán theo km thực tế Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đoạn đi công tác trong trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế được xác định như sau: $\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)}}{\text{Đơn giá khoán (đồng/km)}}$ Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán. b) Hình thức khoán gọn Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. <u>Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng,</u>	chức danh). Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày. 9. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (khoán khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố; khoán đi công tác trên địa bàn của xã,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau: a) Hình thức khoán theo km thực tế: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đoạn đi công tác trong trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế được xác định như sau: $\begin{array}{ccccc} \text{Mức} & & \text{Tổng số km thực tế} & & \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} & = & \text{của từng lần đi} & \times & \text{khoán} \\ \text{(đồng/tháng)} & & \text{công tác (km)} & & \text{(đồng/km)} \end{array}$ Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải chở người đến 8 chỗ ngồi được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán. b) Hình thức khoán gọn: Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<u>Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định</u> áp dụng hình thức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Mức khoán được xác định như sau: $\begin{matrix} \text{Mức} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số km đi công} \\ \text{tác bình quân} \\ \text{hàng tháng (km)} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{matrix}$ Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh). 10. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này quyết định thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô có trách nhiệm: a) Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán; xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại khoản 8 Điều này. b) Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều này. c) Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều này. 11. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này giao tổ chức thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện: a) Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán; xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại khoản 9 Điều này.	dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Mức khoán được xác định như sau: $\begin{matrix} \text{Mức} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số km đi công} \\ \text{tác bình quân} \\ \text{hàng tháng (km)} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{matrix}$ Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh). 10. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này quyết định thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô có trách nhiệm: a) Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán; xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại khoản 8 Điều này. b) Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều này. c) Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b) Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán theo quy định tại khoản 10 Điều này. c) Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.		
30.	Điều 22. Thuê dịch vụ xe ô tô	Điều 31. Thuê dịch vụ xe ô tô	
	1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong các trường hợp sau: a) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác, không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định Nghị định này nhưng không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. 2. Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường	Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển (đồng/km) của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.	Do khoản 1 Điều 22 ND số 72 đã chuyển lên khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định nên hoàn thiện Điều 31 dự thảo Nghị định cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại dự thảo.
31.	Điều 23. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung	Chương VIII SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ Điều 32. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung	
	1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	1. Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban	1. Làm rõ việc rà soát toàn bộ các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương để xác định số xe dôi dư của bộ, cơ quan trung ương và địa phương (sau khi điều chuyển nội bộ)

TT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định. 2. Doanh nghiệp nhà nước căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 3. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, tổng cục và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thay đổi phương thức quản lý xe ô tô hoặc điều chỉnh số lượng xe ô tô được sử dụng của từng đơn vị mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của tất cả cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới đi vào hoạt động. 2. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ (điều hòa) thực hiện phân bổ (điều hòa) lại số lượng, chủng loại xe ô tô được sử dụng của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe quyết định thay đổi phương thức quản lý xe ô tô mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	2. Bổ đối tượng doanh nghiệp nhà nước để phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng tại dự thảo.
32.	Điều 24. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng 1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 17 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại <u>Nghị định số 04/2019/NĐ-CP</u> để xử lý như sau: a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy	Điều 33. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng 1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 26 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo các quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành như sau: a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều	Bổ sung đủ các trường hợp đã ban hành TCDM xe ô tô chuyên dùng qua các thời kỳ để bao quát thực tế.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	định tại Điều 16 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó <u>cho đến khi có văn bản thay thế</u>. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động bằng văn bản và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau: Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới. Trường hợp điều chuyển trong phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thanh lý xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Sau khi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp sau khi thực hiện sắp xếp, xử lý mà còn thiếu xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện việc giao, mua mới xe ô	25 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp với quy định tại Nghị định này thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản thay thế. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động bằng văn bản và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền phải quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới đi vào hoạt động. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau: Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới. Trường hợp điều chuyển trong phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thanh lý xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp công lập của Ban	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tô theo quy định của pháp luật. Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Điều 23 Nghị định này. 2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được cơ quan, người có thẩm quyền thông báo hoặc ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương như sau: a) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng. b) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này nhưng có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Việc thực hiện xử lý xe ô tô chuyên dùng không phù hợp tiêu chuẩn, định mức phải hoàn thành chậm nhất 12 tháng kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban	Chấp hành Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp sau khi thực hiện sắp xếp, xử lý mà còn thiếu xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện việc giao, điều chuyển mua mới xe ô tô theo quy định của pháp luật. Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 25 Nghị định này được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. 2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được cơ quan, người có thẩm quyền thông báo hoặc ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý như sau: a) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng. b) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này nhưng có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển đổi công năng sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Việc thực hiện xử lý xe ô tô chuyên dùng không phù hợp tiêu chuẩn, định mức phải hoàn thành chậm nhất 12 tháng, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này. Trường hợp xe chuyên dùng hiện có phù hợp với	

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hành tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này. Trường hợp xe chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì thời điểm 12 tháng được tính từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng có văn bản thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động. 3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.	tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì thời điểm 12 tháng được tính từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng có văn bản thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động.	
33.	Xử lý chuyển tiếp (Điều 25 NĐ số 72; khoản 2 Điều 3 NĐ số 153)	Chương IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 34. Xử lý chuyển tiếp	
33.1	1. Các chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này đã được trang bị xe ô tô chức danh thì tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị; trường hợp xe ô tô chức danh đã trang bị đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì được trang bị để thay thế theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này.	1. Các chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này đã được trang bị xe ô tô chức danh thì tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị, trừ trường hợp xe ô tô được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	Sửa đổi để phù hợp với các quy định, hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
33.2	<u>Chuyển tiếp tại Nghị định số 72</u> 2. Các chức danh đã được trang bị xe ô tô chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng nay không có trong danh mục các chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh cho đến khi sắp xếp lại các chức danh, chức vụ theo Kết luận 35-KL/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị. <u>Chuyển tiếp tại Nghị định số 153</u> a) Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 23	2. Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 23 Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.	Kế thừa quy định chuyển tiếp này do vẫn còn phù hợp.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.		
33.3	3. Các chức danh có hệ số phụ cấp tương đương với hệ số phụ cấp chức vụ của các chức danh quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa có quy định thay thế.	Bỏ quy định này	Bỏ quy định này vì đã được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định
33.4		3. Đối với các chức danh đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà theo quy định tại Nghị định này không còn thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh đã được trang bị đến hết thời hạn bổ nhiệm của chức vụ đang giữ tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Hết thời hạn bổ nhiệm, việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.	Để đảm bảo bao quát với thực tế hiện nay một số cơ quan không thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nhưng chức danh lại có sự sắp xếp lại theo Quy định số 368
33.5	4. Xe ô tô phục vụ công tác chung đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định này) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước (kể cả trường hợp giá mua trước đây cao hơn mức giá tối đa quy định tại Nghị định này) thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc	4. Xe ô tô phục vụ công tác chung đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số xe ô tô phục vụ các chức danh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng nay chức danh đó không thuộc danh mục chức danh được sử dụng xe ô tô chức danh và xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả trường hợp mức giá trước đây cao hơn mức giá tối đa quy định tại Nghị định này) thuộc phạm vi quản lý của từng bộ,	Phù hợp với thực tế xử lý xe ô tô chức danh của các trường hợp cùng không còn được sử dụng xe chức danh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	trung ương theo số lượng phù hợp với quy định tại Nghị định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) thì xử lý theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo số lượng phù hợp với quy định tại Nghị định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) thì xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn hoàn thành (12 tháng) được tính từ thời điểm pháp nhân mới đi vào hoạt động.	
33.6	Chuyển tiếp Điều 3 Nghị định số 153 2. Điều khoản chuyển tiếp ...b) Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận sáp nhập, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hình thành sau khi hợp nhất có số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn cao hơn số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này do được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy thì được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có để phục vụ công tác. Khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này hoặc thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xử lý xe ô tô theo quy định, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại Nghị định này.	5. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận sáp nhập, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hình thành sau khi hợp nhất có số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn cao hơn số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này do được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi sắp xếp thì được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn hiện có để phục vụ công tác. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp xã theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì các xã được hình thành sau khi hợp nhất được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có của các xã trước khi sáp nhập, hợp nhất để phục vụ công tác, bao gồm cả trường hợp số xe hiện có của các xã sau khi sáp nhập cao hơn số xe theo tiêu chuẩn, định mức được phân bổ (điều hòa). Khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này hoặc thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xử lý xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại Nghị định này.	Để đảm bảo ổn định cơ sở vật chất của đơn vị sau sáp nhập, tránh việc phải sửa đổi ngay Nghị định và trên cơ sở tiếp thu ý kiến của tỉnh Nghệ An
	Chưa có quy định	6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Để đảm bảo phương tiện công tác của các đơn vị và tiếp thu ý kiến của các cơ quan: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan thi hành án dân sự.

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		quy định tại Nghị định này thấp hơn số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đã trang bị theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định số lượng xe đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo không vượt tổng số lượng xe ô tô đã trang bị. Cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) quyết định phân bổ số lượng xe giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này.	
33.7	Chưa có quy định	7. Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân bổ (điều hòa) theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP mà tổng số lượng xe đã phân bổ (điều hòa) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý không vượt quá tổng số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Nghị định này và không thuộc trường hợp cần phân bổ lại theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thì được ổn định số lượng, chủng loại xe 05 năm, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định phân bổ (điều hòa) số lượng xe (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị trực thuộc (nếu có) thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thành lập mới đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phân bổ (điều hòa) cần thực hiện phân bổ (điều hòa) lại để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ). Cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng theo số lượng, chủng loại xe đã được phân bổ (điều hòa). Trường hợp chưa có quyết định về chủng loại xe thì phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này trước khi trang bị chủng loại xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi.	Để đảm bảo tính ổn định của số lượng xe được phép sử dụng trong trường hợp không có biến động lớn và bộ, ngành, địa phương chưa cần thiết điều chỉnh số lượng xe của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, giảm sự vụ phát sinh.
33.8	Chưa có quy định	8. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Đoàn đại biểu	Để tránh khoảng trống pháp lý trong trường hợp các cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chưa quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho Mặt trận Tổ quốc Việt

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Quốc hội và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn, định mức đã ban hành cho đến khi có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.	Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Đoàn Đại biểu quốc hội, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị này theo quy định tại Nghị định số 153.
33.9	Chưa có quy định	8. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Đoàn đại biểu Quốc hội và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn, định mức đã ban hành cho đến khi có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.	Để tránh khoảng trống pháp lý trong trường hợp các cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chưa quyết định TCDM sử dụng xe ô tô chuyên dùng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, HĐND cấp tỉnh, cơ quan Đoàn ĐBQH, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh trong khi UBND cấp tỉnh đã ban hành
33.10	Chưa có quy định	9. Trường hợp Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước đã ban hành theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP và vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định đó cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Để kế thừa các quy định vẫn còn phù hợp, giảm công việc sự vụ nếu Quy chế đã ban hành vẫn còn phù hợp; đồng thời, có cơ sở để cơ quan, đơn vị thực hiện khi Bộ Ngoại giao chưa sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước nếu cần điều chỉnh
33.11	Chưa có quy định	10. Xe ô tô đã được phê duyệt chủ trương mua sắm hoặc đang thực hiện thủ tục mua sắm trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp với tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này thì tiếp tục thực hiện thủ tục mua sắm theo chủ trương đã được phê duyệt.	Thông nhất trong thực hiện
33.12		11. Trường hợp xe ô tô đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý,	Thông nhất trong thực hiện

TT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
3.13		sử dụng tài sản công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục xử lý theo quy định; các trường hợp còn lại thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô đang quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định này. 12. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định này đã được mua sắm từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và bố trí sử dụng theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	Thông nhất trong thực hiện
	Điều 26. Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành ...3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương, tập đoàn kinh tế có trách nhiệm: a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật.	Điều 35. Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành ...3. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương có trách nhiệm: a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật.	Cơ bản giữ như hiện hành, chỉ bổ sung trách nhiệm của người đứng đầu.